

Số: 66/2023/CV-CKCT07

V/v: Công bố thông tin Báo cáo thường niên 2022
của VietinBank Securities

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
- Mã chứng khoán: CTS
- Địa chỉ trụ sở chính: 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: 024. 3974 1771 Fax: 024. 3974 1760

5. Email: congbothongtin@cts.vn

6. Người thực hiện công bố thông tin:

Bà **Trần Thị Ngọc Tài** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBank Securities) công bố thông tin Báo cáo thường niên 2022 .

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 10/04/2023 tại đường dẫn: "<https://www.cts.vn/2023/04/10/vietinbank-securities-cbtt-bao-cao-thuong-nien-2022/>".

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên 2022.

NGƯỜI UQ CÔNG BỐ THÔNG TIN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Thị Ngọc Tài

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

☎ 1900 588 866

🌐 www.cts.vn

HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI ĐỊA BÀN KINH DOANH:

Trụ sở chính:

306 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.3974 1771
Fax: 024.3974 1760

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

49 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 024.3974 1771
Fax: 028.3820 0899

Chi nhánh Đà Nẵng:

Tầng 8, số 36 Trần Quốc Toản, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 024.3974 1771
Fax: 023.6358 4788



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

VỮNG VÀNG VƯỢT SÓNG

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	01
-----------------	----

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	03
---	----

THÔNG điệp CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	05
------------------------------	----

PHẦN I: GIỚI THIỆU VIETINBANK SECURITIES

01. Tổng quan về VietinBank Securities	09
--	----

02. Quá trình hình thành và phát triển	11
--	----

03. Điểm nhấn trong năm 2022	15
------------------------------	----

PHẦN II: ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN

01. Thách thức năm 2022	19
-------------------------	----

02. Thành tựu năm 2022	21
------------------------	----

03. Chỉ số tài chính nổi bật	23
------------------------------	----

04. Kết quả hoạt động năm 2022	26
--------------------------------	----

05. Kết quả hoạt động kinh doanh theo mảng nghiệp vụ	27
--	----

06. Môi trường kinh doanh và triển vọng	43
---	----

PHẦN III: TRẢI NGHIỆM DỊCH VỤ

01. Tư vấn tài chính doanh nghiệp	57
-----------------------------------	----

02. Bảo lãnh phát hành	61
------------------------	----

03. Dịch vụ chứng khoán	62
-------------------------	----

04. Dịch vụ hỗ trợ tài chính	63
------------------------------	----

PHẦN IV: BÁO CÁO QUẢN TRỊ

01. Thông tin cổ đông	67
-----------------------	----

02. Cơ cấu tổ chức quản trị	68
-----------------------------	----

03. Hội đồng quản trị	69
-----------------------	----

04. Ban kiểm soát	71
-------------------	----

05. Ban Tổng Giám đốc	73
-----------------------	----

06. Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán tài chính	75
--	----

07. Báo cáo của Hội đồng quản trị	76
-----------------------------------	----

08. Quản trị Công ty	81
----------------------	----

09. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	95
-----------------------------------	----

10. Báo cáo Ban Kiểm soát (BKS)	103
---------------------------------	-----

11. Báo cáo Kiểm tra kiểm soát nội bộ	107
---------------------------------------	-----

12. Báo cáo Quản trị rủi ro	107
-----------------------------	-----

PHẦN V: BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

01. Mục tiêu thực hiện báo cáo	111
--------------------------------	-----

02. Định hướng phát triển bền vững của VietinBank Securities	113
--	-----

03. Cơ cấu quản trị về phát triển bền vững	116
--	-----

04. Cách thức xác định nội dung báo cáo	117
---	-----

05. Nội dung báo cáo	119
----------------------	-----

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

01. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	131
-----------------------------------	-----

02. Báo cáo Kiểm toán độc lập	133
-------------------------------	-----

03. Báo cáo kết quả hoạt động	140
-------------------------------	-----

04. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	143
--------------------------------	-----

05. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	146
--	-----

06. Thuyết minh Báo cáo tài chính	148
-----------------------------------	-----

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAMChủ tịch Hội đồng quản trị: **Ông Trần Phúc Vinh**Tổng Giám đốc: **Ông Vũ Đức Mạnh**

Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 107/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/07/2009, giấy phép điều chỉnh số 82/GPĐC-UBCK ngày 15/10/2018 và Giấy phép điều chỉnh số 36/GPĐC-UBCK ngày 13/06/2019, Giấy phép điều chỉnh số 20/GPĐC-UBCK ngày 15/02/2022, Giấy phép điều chỉnh số 97/GPĐC-UBCK ngày 10/10/2022.

Trụ sở chính: Số 306 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Số điện thoại: (024) 3974 1771

Fax: (024) 3974 1760

Website: www.cts.vn

Số lao động	217 người
Vốn điều lệ	1.487.383.110.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.493.274.874.053 đồng
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	148.701.349 (tại ngày 31/12/2022)
Số lượng cổ phiếu quỹ	36.962 (tại ngày 31/12/2022)
Sàn niêm yết	Sàn Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE)
Mã cổ phiếu	CTS
Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2022	Lần 1: 8% (Ngày kết thúc đợt phát hành: 29/03/2022) Lần 2: 21,96% (Ngày kết thúc đợt phát hành: 25/08/2022)

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“ Sở hữu bề dày kinh nghiệm và nền tảng chắc chắn được xây dựng suốt chặng đường 22 năm hình thành và phát triển, VietinBank Securities thực sự đã có một năm **VỮNG VẮNG VƯỢT SÓNG**, mạnh mẽ đương đầu với một thị trường đầy biến động. ”



Kính gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng và Quý đối tác,

2022 được nhìn nhận là một năm nhiều sóng gió đối với nền kinh tế trong và ngoài nước, đặc biệt là đối với lĩnh vực chứng khoán. So với các chu kỳ bùng nổ và suy thoái trước đây, biến động của giai đoạn 2020 - 2022 có phần khác nghiệt hơn trong bối cảnh tác động của thị trường chứng khoán đối với nền kinh tế ngày càng căng lớn.

Trái ngược với 2021 đầy cao trào khi thu hút được dòng tiền lãi suất thấp đổ bộ và số lượng nhà đầu tư tăng kỷ lục, thị trường chứng khoán Việt Nam 2022 gặp nhiều lực cản trước chuỗi sự kiện xảy ra liên tiếp trong và ngoài nước, có thể kể tới: Chính sách Zero Covid tại Trung Quốc; Xung đột giữa Nga - Ukraine; Cục dự trữ liên bang Mỹ nâng lãi suất kỷ lục từ 2007 và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tăng lãi suất điều hành. Chỉ số VNIndex giảm sâu 32,78%, từ vùng đỉnh 1.500 điểm xuống 1.007 điểm và trở thành một trong những chỉ số chứng khoán lao dốc mạnh nhất thế giới. Khối lượng giao dịch trên HoSE đạt 167.480 triệu cổ phiếu - giảm 10%, giá trị giao dịch đạt 1.079 nghìn tỷ - giảm 21% và vốn hóa thị trường trên HSX ngày 30/12/2022 đạt 4.795 nghìn tỷ - giảm 31% so với cùng kỳ năm 2021. Ngoài ra, động thái quyết liệt của cơ quan chức năng trong việc xử lý các trường hợp thao túng giá trên thị trường chứng khoán và việc xử lý nghiêm hoạt động phát hành trái phiếu sai quy định của nhiều doanh nghiệp cũng gây ảnh hưởng lớn đến tâm lý nhà đầu tư trong năm qua. Bức tranh lợi nhuận của các công ty chứng khoán 2022 từ đó cũng mang màu sắc âm đạm, đặc biệt khi so sánh với thị trường 2021 vô cùng sôi động.

Ngay từ đầu năm 2022, Công ty đã hoạch định những chiến lược để cao tính an toàn, ổn định và bền vững, tập trung vào công tác quản lý rủi ro, kiểm soát và cân trọng tối đa trong tất cả các mảng hoạt động, xây dựng khung kích bản ứng phó với các trường hợp khủng hoảng có khả năng xảy ra. Bên cạnh đó, VietinBank Securities để cao sự chắc chắn trong hoạt động đầu tư, xây dựng tiến để đảm bảo để toàn bộ máy luôn vững vàng vận hành. Mặc dù phải chịu không ít tác động từ yếu tố bên ngoài song trong năm vừa qua, VietinBank Securities vẫn đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ với bảng chứng là Doanh thu từ nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán đạt 9.206 triệu đồng - tăng 205,05%, Lãi từ các khoản cho vay và phải thu đạt 189.174 triệu đồng - tăng 30,21% và Doanh thu hoạt động tài chính đạt 3.886 triệu đồng - tăng gần 74% so với năm 2021. Sở hữu bề dày kinh nghiệm và nền tảng chắc chắn được xây dựng suốt chặng đường 22 năm hình thành và phát triển, VietinBank Securities thực sự đã có một năm **VỮNG VẮNG VƯỢT SÓNG**, mạnh mẽ đương đầu với một thị trường đầy biến động.

Bước sang năm 2023, với định hướng phát triển bền vững, VietinBank Securities tiếp tục nâng cao hoạt động quản trị rủi ro, đẩy mạnh các mảng kinh doanh cốt lõi cũng như toàn diện hóa các sản phẩm - dịch vụ mà Công ty cung cấp. Đặc biệt trong thời kỳ công nghệ số như hiện nay, VietinBank Securities cũng chú trọng công tác tối ưu hóa nền tảng công nghệ thông tin, nâng cấp thường xuyên với mục tiêu đem lại cho khách hàng những trải nghiệm hài lòng nhất. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục triển khai chiến lược mở rộng mạng lưới kinh doanh, đồng thời khai thác tối đa và hiệu quả thế mạnh thành viên trong hệ sinh thái Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam.

Kế thừa và phát huy những thành tựu cũng nội lực vững chắc hình thành qua hơn hai thập kỷ, Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo và tập thể Cán bộ nhân viên Công ty sẽ tiếp tục triển khai các hoạt động kinh doanh theo hướng quyết liệt, linh hoạt trên tinh thần để cao sự bền vững và khắc phục triệt để những hạn chế còn tồn đọng để kiến tạo nên một VietinBank Securities ngày càng vững mạnh. Điểm đến cho hành trình mà chúng tôi đang đi chính là sự hài lòng và tin cậy của Quý cổ đông, Quý khách hàng và Quý đối tác, từ đó làm tiền đề nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị phần trên bản đồ các công ty chứng khoán Việt Nam.

Thay một Hội đồng quản trị Công ty Chứng khoán Công thương, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng của Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác cũng như tập thể Cán bộ nhân viên và Người lao động. Hành trình không ngừng lớn mạnh của VietinBank Securities sẽ còn tiếp tục, hứa hẹn những bước tiến xa hơn, vững hơn trước mọi sóng gió, khẳng định rõ vị thế của một định chế tài chính uy tín hàng đầu!

Trân trọng!

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023

**BÍ THƯ ĐĂNG LÝ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

TRẦN PHÚC VINH

THÔNG điệp CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

"Với định hướng phát triển xuyên suốt, đứng trước những thách thức đặt ra, VietinBank Securities sẽ tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả quản trị điều hành và quản lý rủi ro tại Công ty, đẩy mạnh phát triển đối với các mảng hoạt động kinh doanh tiềm năng và cốt lõi."



Kính thưa Quý cổ đông, Quý khách hàng và Quý đối tác,

Năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tình bất ổn cao. Lạm phát tại nhiều thập kỷ buộc Ngân hàng trung ương các nước này phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Không dừng ngoài áp lực đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã tăng lãi suất điều hành, bên cạnh đó là động thái thắt chặt quy định về đầu tư trái phiếu doanh nghiệp của các tổ chức tín dụng. Ngoài ra, việc tỷ giá biến động mạnh và thị trường trái phiếu doanh nghiệp diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng trực tiếp tới Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2022.

Chỉ số VN-Index ghi nhận mức giảm sâu 32,78% từ vùng đỉnh 1.500 điểm xuống 1.007 điểm trong năm 2022. Đây là chuỗi giảm giá lâu và mạnh nhất của TTCKVN trong một thập kỷ qua. Vốn hóa trên sàn chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh tính đến cuối năm 2022 đã giảm 1,82 triệu tỷ đồng, từ 5,87 triệu tỷ đồng xuống 4,05 triệu tỷ đồng. Thanh khoản và giá trị giao dịch trên thị trường năm 2022 giảm mạnh, lần lượt 10% và 21%, chuỗi tăng về quy mô kéo dài từ năm 2011 đến hiện tại đã bị cắt đứt. Vn-Index trở thành một trong những chỉ số chứng khoán giảm mạnh nhất thế giới. Điều này đã ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của các Công ty Chứng khoán nói chung và Công ty Chứng khoán Công Thương nói riêng.

VN-INDEX GHI NHẬN
MỨC GIẢM SÂU
32,78%

Ngay từ đầu năm 2022, Công ty đã định hướng cho một năm hoạt động khó khăn, thận trọng trong các hoạt động kinh doanh và tăng cường các biện pháp quản trị rủi ro. Điều này được thể hiện qua việc Công ty đã chuyển đổi Bộ phận Quản trị rủi ro thành Phòng Quản lý rủi ro, nhằm nâng cấp các hoạt động giám sát, ngân ngừa, phát hiện, ứng phó với các rủi ro có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty, khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty cũng đa dạng nguồn vốn vay từ các định chế tài chính trong và ngoài nước, trong đó ưu tiên các nguồn vốn vay có lãi suất hợp lý, cơ cấu lại danh mục đầu tư...

Tính chung năm 2022, tổng doanh thu và thu nhập khác ghi nhận 876,13 tỷ đồng bằng 82,06% so với năm 2021. Mặc dù vậy, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn có những điểm sáng như: Doanh thu hoạt động cho vay giao dịch kỳ quỹ và ứng trước tiền bán tăng 30,21% so với năm 2021, Doanh thu hoạt động tư vấn tăng 31,78%; Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán tăng 205,05% và Doanh thu từ các hoạt động khác tăng 27,17% so với năm 2021. Lợi nhuận đã thực hiện là 20993 tỷ đồng, tăng khoảng 41% so với mức bình quân 03 năm liền trước (2019-2021); Lợi nhuận từ Môi giới chứng khoán đạt 224,56 tỷ đồng, tăng 86% so với bình quân 03 năm. Những kết quả đạt được trong năm 2022 là nền tảng cho sự phát triển của VietinBank Securities trong năm 2023.

DOANH THU
ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH
CHỨNG KHOÁN

205,05%
So với 2021

Bước sang năm 2023, tình hình kinh tế vĩ mô nói chung, thị trường chứng khoán thế giới cũng như thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng được dự báo vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Với nền lãi suất được duy trì ở mức cao sẽ gây khó khăn trong việc thu hút dòng vốn tham gia mới hoặc quay trở lại vào TTCK, do đó áp lực điều chỉnh và rung lắc được dự báo vẫn sẽ còn tiếp diễn trong nửa đầu năm 2023. Với định hướng phát triển xuyên suốt, đứng trước những thách thức đặt ra, VietinBank Securities sẽ tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả quản trị điều hành và quản lý rủi ro tại Công ty, đẩy mạnh phát triển đối với các mảng hoạt động kinh doanh tiềm năng và cốt lõi, cụ thể: (i) Đẩy mạnh hoạt động Môi giới và Tư vấn đầu tư, cho vay giao dịch kỳ quỹ, tận dụng hệ sinh thái của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam; (ii) Đa dạng hóa nguồn vốn vay, giảm chi phí vay vốn; (iii) Cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng tinh gọn, hiệu quả; (iv) Ứng dụng Công nghệ thông tin ngày càng sâu rộng vào tất cả các hoạt động của công ty nhằm tăng năng suất lao động, giảm thiểu lỗi phát sinh; (v) Tập trung phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuyên trách, chuyên nghiệp, gắn kết lâu dài... Với định hướng như đã nói trên, tôi tin tưởng rằng VietinBank Securities sẽ tiếp tục vững bước, vượt qua khó khăn, thử thách trong năm 2023 để hoàn thành xuất sắc kế hoạch được giao.

Thay mặt Ban Điều hành, tôi xin cảm ơn sự đồng hành, tin tưởng của Quý cổ đông, Quý khách hàng và đối tác cũng như Cán bộ nhân viên, Người lao động Công ty trong thời gian qua và mong muốn tiếp tục nhận được sự đồng hành, chia sẻ của quý vị trên con đường phía trước.

Kính chúc quý vị sức khỏe, hạnh phúc, thành công!

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ ĐỨC MẠNH



GIỚI THIỆU
VIETINBANK SECURITIES



01. TỔNG QUAN VỀ VIETINBANK SECURITIES



Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam (Công ty Chứng khoán Công Thương – VietinBank Securities; Mã CTS, niêm yết sàn HOSE) là một trong những Công ty chứng khoán uy tín và lâu đời nhất tại Việt Nam. VietinBank Securities đã khẳng định được vị thế của mình thông qua việc cung cấp cho khách hàng tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân các dịch vụ chứng khoán, dịch vụ tư vấn đầu tư, dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp chuyên nghiệp và toàn diện. Bên cạnh đó, Công ty cũng được biết đến là một đơn vị kết nối cơ hội hợp tác, tham gia vào các hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho doanh nghiệp.



SLOGAN

Tạo lập thành công – Seeding your success



TẦM NHÌN

Tiền phong trong lĩnh vực Ngân hàng đầu tư



SỨ MỆNH

Tạo lập cơ hội thành công cho khách hàng, cổ đông và cán bộ nhân viên, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam



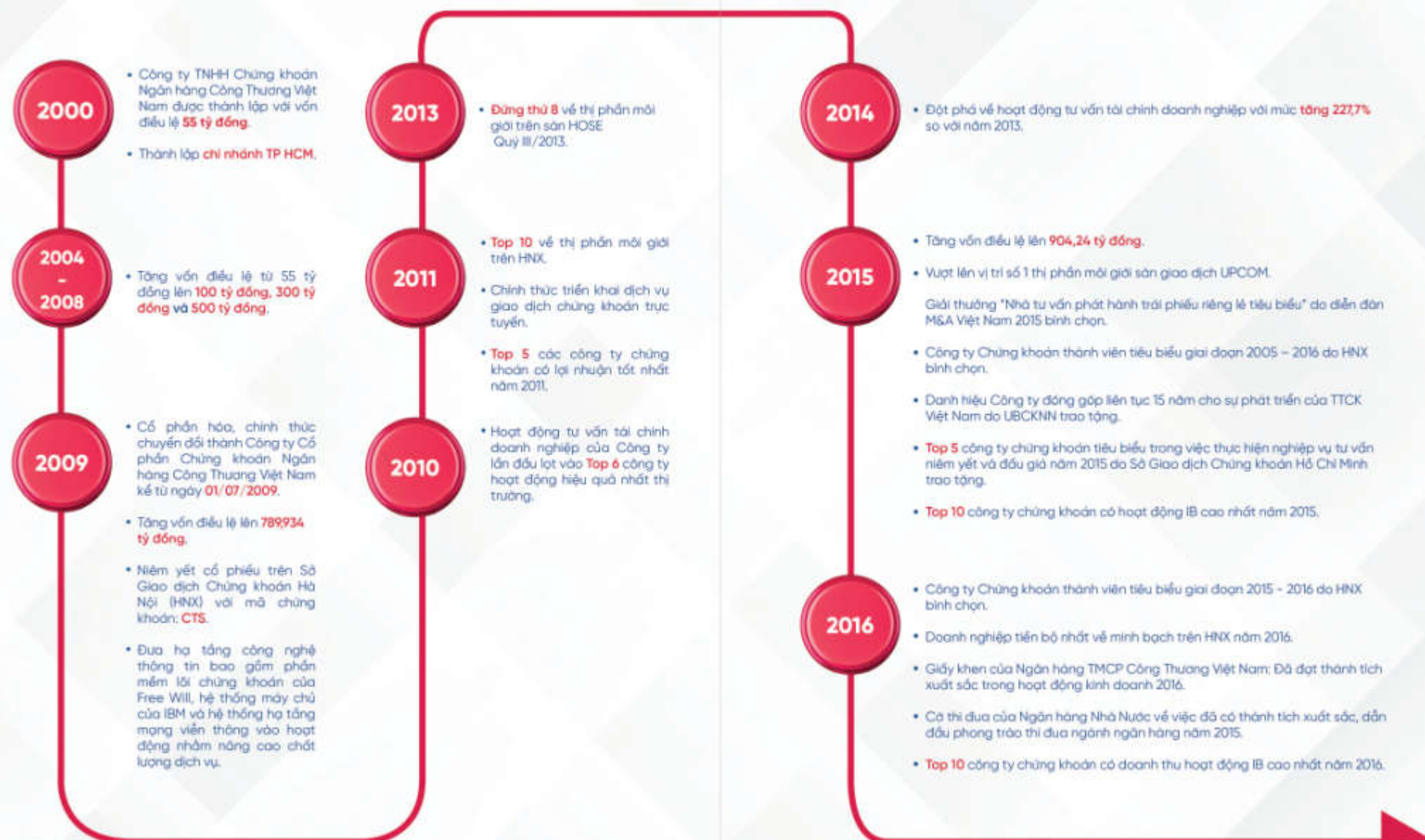
GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Suy nghĩ tích cực – Thái độ tích cực – Hành động tích cực

"VietinBank Securities cam kết mọi hoạt động của Công ty đều hướng đến lựa chọn những nhân tố tốt nhất nhằm mang lại sự thành công cho khách hàng, cổ đông và cán bộ nhân viên, đồng thời đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam."



02. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN



2017

- Chuyển sàn niêm yết sang Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).
- Tăng vốn điều lệ của Công ty lên **976,5 tỷ đồng**.
- Khai trương **chi nhánh TP. Đà Nẵng**.

2018

- Tăng vốn điều lệ của Công ty lên **1.064,4 tỷ đồng**.
- Chính thức đưa vào vận hành Hệ thống Quản lý và Giao dịch chứng khoán (UNICORE) và Ứng dụng giao dịch chứng khoán qua thiết bị di động (UniMobi).
- Thành viên tiến bộ về tăng trưởng môi giới 2017-2018 do HNX bình chọn.
- Trở thành thành viên bù trừ trực tiếp của Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

2019

- Thành viên tiêu biểu năm 2018-2019 do HNX bình chọn

2020

- Hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh Đại hội đồng cổ đông Công ty và Ngân hàng Công thương Việt Nam giao trong năm 2020.

2021

- Ký kết thành công hợp đồng vay vốn nước ngoài với tổng trị giá lên tới 100 triệu USD từ nhóm các Ngân hàng lớn của Đài Loan, Hàn Quốc.
- Lập kỉ lục về doanh thu và lợi nhuận từ khi công ty thành lập.

2022

- **TOP 500** doanh nghiệp lợi nhuận nhất Việt Nam năm 2022



**VIETNAM
PROFIT 500**

03. ĐIỂM NHẤN TRONG NĂM 2022

VỐN CHỦ SỞ HỮU

31/12/2021	1.811.809 triệu đồng
31/12/2022	1.854.319 triệu đồng

2,35%

LÃI TỪ CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ PHẢI THU

31/12/2021	145.285 triệu đồng
31/12/2022	189.174 triệu đồng

30,21%

DOANH THU NGHIỆP VỤ BẢO LÃNH, ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

31/12/2021	3.018 triệu đồng
31/12/2022	9.206 triệu đồng

205,05%

DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

31/12/2021	2.239 triệu đồng
31/12/2022	3.886 triệu đồng

73,56%



ỔN ĐỊNH
VÀ PHÁT TRIỂN



01.

THÁCH THỨC NĂM 2022

THÁCH THỨC TỪ THỊ TRƯỜNG CHỨNG

Nền kinh tế thế giới năm 2022 đã phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Tuy vậy, nền kinh tế Việt Nam trong năm qua đã có sự phục hồi mạnh mẽ, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm. Môi trường đầu tư kinh doanh cải thiện góp phần tích cực cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tạo được sự tin tưởng, ủng hộ của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp. Theo đó, GDP năm 2022 ước tính tăng 8,02%, đạt mức tăng cao nhất kể từ năm 2011 do nền kinh tế đã khôi phục trở lại. Trong mức tăng của tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, khu vực công nghiệp và xây dựng và khu vực dịch vụ đều có sự tăng trưởng đáng kể, lần lượt là: 3,36%; 7,78% và 9,99%. Một trong những điểm tích cực của kinh tế năm 2022 là tổng số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường đạt 208.300, tăng 30,3% so với năm 2021.

Trong năm 2022, thị trường chứng khoán Việt Nam đã có những diễn biến phức tạp và chịu áp lực lớn từ xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ của các nước lớn để kiểm chế lạm phát và nguy cơ suy giảm kinh tế toàn cầu. Tuy đã tăng trưởng đã được tiếp tục trong quý I/2022, song sau đó thị trường bước vào giai đoạn điều chỉnh giảm mạnh. Nguyên nhân xuất phát từ tâm lý e dè của nhà đầu tư trước những bất ổn về kinh tế - chính trị thế giới, thể hiện sự tương đồng với diễn biến trên Thị trường chứng khoán toàn cầu.

Cơ sở hạ tầng của thị trường chứng khoán Việt Nam tuy đã được cải thiện nhưng vẫn chưa ổn định. Đồng thời, ảnh hưởng của dịch COVID-19 kéo dài trên toàn cầu; căng thẳng trong cuộc xung đột giữa Nga - Ukraine tiềm ẩn những rủi ro về chính sách tác động đến nền kinh tế toàn cầu; sức cầu của thị trường đặc biệt là sức mua của nhà đầu tư trong nước chưa đủ lớn đã trở thành những rào cản tâm lý e ngại cho nhà đầu tư, khiến dòng tiền trở nên thận trọng, ảnh hưởng tiêu cực đến quỹ đầu tiên của thị trường chứng khoán.



THÁCH THỨC TỪ MÔI TRƯỜNG CẠNH TRANH

Bên cạnh việc đồng loạt bị ảnh hưởng bởi nhiều sự kiện chính trị, các vụ vi phạm liên quan đến bất động sản hay đảo lộn hạn chế trái phiếu trong năm 2022, các công ty chứng khoán đã có cuộc cạnh tranh đánh thị phần vô cùng khốc liệt. "Cuộc chiến" đánh thị phần luôn luôn là một chủ đề nóng giữa các công ty chứng khoán, đặc biệt khi số lượng khách hàng tham gia vào Thị trường chứng khoán Việt Nam liên tục tăng cao trong năm 2022. Thị phần luôn là sự giằng co giữa các công ty chứng khoán đã quá quen thuộc với giới đầu tư khi có nhiều công ty vẫn giữ được thành quả của mình trong nhiều năm liên tục, bên cạnh đó sự phát triển thần tốc của các công ty chứng khoán có vốn đầu tư nước ngoài cũng gây được nhiều sự chú ý. Một cuộc cạnh tranh về phí giao dịch cũng đang diễn ra song song. Theo thống kê, tỷ lệ phí giao dịch của các công ty chứng khoán liên tục giảm, nhiều công ty giữ mức phí giao dịch khá thấp ở mức 0,1% trong một thời gian dài. Đặc biệt, sau quy định không yêu cầu mức tối thiểu phí giao dịch, nhiều công ty chứng khoán trong nước đã áp dụng cả chính sách không phí giao dịch để cạnh tranh nhằm thu hút một lượng lớn khách hàng về công ty. Tuy nhiên, về lâu dài chiến lược ưu đãi sẽ không phải là bước đi bền vững vì sự chênh lệch tài chính giữa khối công ty chứng khoán nội và ngoại, lợi thế cạnh tranh lớn nhất vẫn phải là chất lượng và uy tín dịch vụ cùng sự tận tâm của đội ngũ nhân viên.

THÁCH THỨC TỪ VẤN ĐỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ngày 21 tháng 03 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam đã thông qua nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên với kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2022 là 505,17 tỷ đồng. Theo đó, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế tăng gần 5% so với thực hiện của 2021 (481,96 tỷ đồng). Với chỉ tiêu tăng trưởng tương đối cao, đây được coi là thách thức không nhỏ đối với Ban lãnh đạo trong bối cảnh diễn biến khó lường của thị trường chứng khoán năm 2022.

02.

THÀNH TỰU
NĂM 2022KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
TRÊN THỊ TRƯỜNG

Trong năm 2022, Công ty đang tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ với các Tập đoàn và các Tổng Công ty lớn như: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước, Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam,... trong việc thực hiện các hợp đồng tư vấn truyền thống (bao gồm tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn, đấu giá, tổ chức Đại hội đồng cổ đông, niêm yết, đăng ký giao dịch UPCOM, phát hành cổ phiếu...). Bên cạnh đó, Công ty đã đẩy mạnh hoạt động tư vấn M&A, tư vấn phát hành trái phiếu, tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp và các dịch vụ tư vấn tài chính khác mang lại giá trị gia tăng cao, kết nối cơ hội hợp tác đầu tư, nhằm cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng khi tiếp cận và ký kết hợp đồng với các Ngân hàng, Định chế tài chính và khách hàng mới như CTCP Thương mại Dịch vụ Nghệ An bao bì Kiến Đức, CTCP May Nam Định, Tổng Công ty điện lực Miền Bắc, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Tây Bắc, Công ty Cổ phần Xây Dựng Điện VNECO4, Công ty Cổ phần Thủy điện Cấn Đan,... Kết thúc năm 2022, Công ty đã ký mới 41 hợp đồng tư vấn, hoàn thành 44 hợp đồng tư vấn bao gồm 21 hợp đồng tư vấn phát hành và đại lý phát hành trái phiếu cùng 23 hợp đồng tư vấn truyền thống.

HOẠT ĐỘNG NGUỒN VỐN BỨT PHÁ

Năm 2022, Công ty có nhiều dấu ấn trong mở rộng hạn mức tín dụng với sự bứt phát mạnh mẽ của mảng vay vốn nước ngoài, với hạn mức được cấp bởi các ngân hàng nước ngoài khoảng 100 triệu USD. Tính đến hết năm 2022, Công ty đã có quan hệ tín dụng với 25 tổ chức tín dụng trong đó 11 tổ chức tín dụng nước ngoài (tăng 3 tổ chức tín dụng) và 14 tổ chức tín dụng trong nước. Tổng hạn mức tín dụng, vay vốn và bảo lãnh được cấp đến 31/12/2022 quy đổi ra VND là 9086 tỷ đồng. Thanh khoản của Công ty được duy trì ổn định trong bối cảnh từ nửa cuối năm 2022, các tổ chức tín dụng siết chặt cho vay công ty chứng khoán, lãi suất và các điều kiện giải ngân lên tục thắt chặt. Ngoài ra, Phòng Kinh doanh Vốn cũng cung cấp đầy đủ nguồn vốn theo nhu cầu của các bộ phận kinh doanh, góp phần vào doanh thu và lợi nhuận chung toàn Công ty.

HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI TĂNG TRƯỞNG MẠNH MẼ

Trong năm 2022, ghi nhận dư nợ margin toàn Công ty lên tới gần 1.621 tỷ đồng, lãi margin toàn Công ty thu được 189 tỷ đồng, tương ứng tăng 34,47% và 36,07% so với năm 2021.

DƯ NỢ MARGIN

1.621 tỷ đồng
↑ 34,47%

LÃI MARGIN

189 tỷ đồng
↑ 36,07%

ĐỊNH HƯỚNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THEO PHÂN TÍCH CƠ BẢN

Tiếp tục định hướng đầu tư theo phân tích cơ bản cho cộng đồng các nhà đầu tư Việt Nam. Xuyên suốt năm 2022, ngoài các bản tin phân tích, khuyến nghị định kỳ theo từng doanh nghiệp, từng ngành, VietinBank Securities còn có các chuyên đề phân tích chuyên sâu, đánh giá các vấn đề mang tầm vĩ mô, "nóng" của nền kinh tế ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán thế giới và trong nước giúp các nhà đầu tư có cái nhìn sâu sắc, toàn diện, từ đó đưa ra các quyết định đầu tư an toàn, hiệu quả hơn.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, ĐA DẠNG CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ
CUNG CẤP CHO KHÁCH HÀNG

Năm 2022, tiếp tục tận dụng lợi thế Ngân hàng TMCP Công ty Thương Việt Nam (Ngân hàng mẹ), VietinBank Securities tiếp tục nghiên cứu, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với Phòng Thị trường Vốn VietinBank, Công ty Quản lý quỹ và các Chi nhánh VietinBank trên toàn quốc tìm kiếm, khai thác và cung cấp chuỗi sản phẩm Ngân hàng đầu tư toàn diện cho khách hàng, giúp các khách hàng của VietinBank Securities nổi trội và VietinBank nơi chúng có được giải pháp tài chính toàn diện, tối ưu với chi phí cạnh tranh.

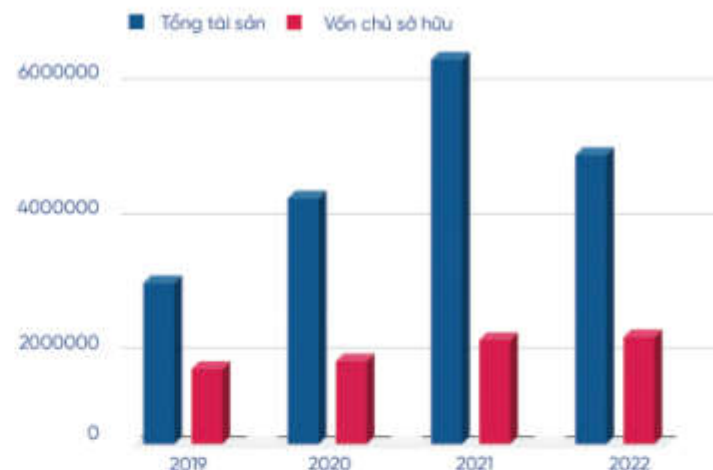
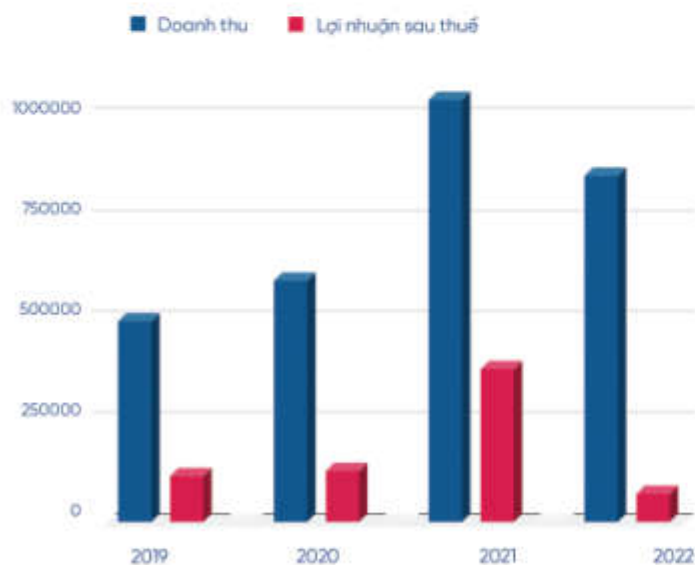
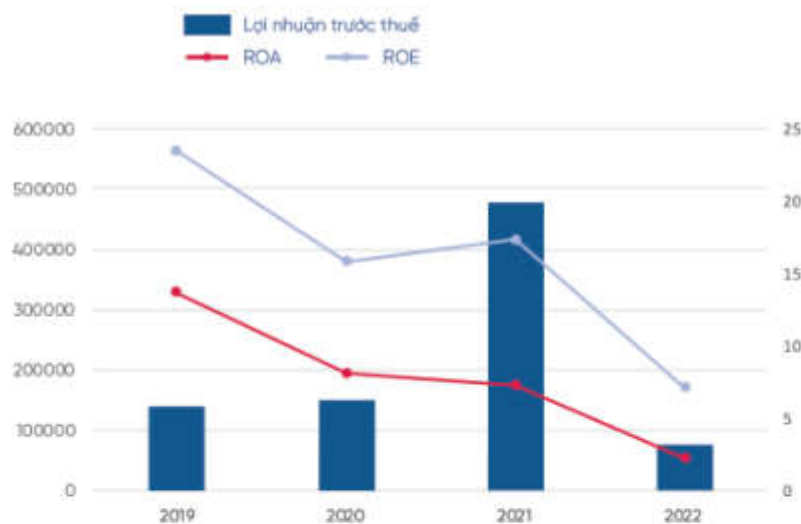
03. CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2022	% TĂNG GIẢM 2022 SO VỚI 2021
Tổng tài sản	2.799.853	4.273.706	6.085.680	5.036.970	-24,66%
Doanh thu thuần	504.978	608.987	1.064.553	872.155	-18,07%
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	39.120	49.183	148.857	101.743	31,65%
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	337.826	427.474	724.529	566.134	-24,62%
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	0	0	0	0	0%
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	9.380	22.470	3.018	9.206	205,04%
Doanh thu hoạt động tư vấn	8.558	3.624	5.167	6.809	31,78%
Doanh thu lưu ký chứng khoán	34.512	27.922	36.558	18.041	-50,65%
Doanh thu khác	75.582	78.314	346.424	190.222	29,91%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	139.212	148.950	481.103	78.712	-83,64%
Lợi nhuận khác	430	1.563	853	82	-90,39%
Lợi nhuận trước thuế	139.642	150.513	481.957	78.794	-83,65%
Lợi nhuận sau thuế	114.805	128.387	386.504	71.068	-81,67%
Thị phần môi giới	1,74%	1,60%	1,48%	0,67%	-

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

		NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (cuối kỳ)						
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,45	2,07	1,50	1,38	1,56
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,08	1,22	0,59	0,45	0,56
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (cuối kỳ)						
Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	Lần	0,49	0,53	0,66	0,73	0,63
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,96	1,13	1,97	2,69	1,72
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động						
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,30	0,19	0,17	0,19	0,15
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời						
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	Lần	0,30	0,19	0,17	0,16	0,15
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	24,32	22,73	21,05	36,34	8,15
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	7,20	4,30	3,62	5,79	1,21
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	12,80	8,70	9,32	21,36	3,88



04. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022



TỔNG TÀI SẢN CUỐI NĂM

5.036 tỷ đồng



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

78,79 tỷ đồng
↓ 83,65%



DOANH THU THUẦN

872,155 tỷ đồng
↓ 18,07%



LỢI NHUẬN SAU THUẾ

71,07 tỷ đồng
↓ 81,61%

Trong năm 2022, tổng tài sản của VietinBank Securities tăng trưởng mạnh. Tổng tài sản đầu năm đạt 6.686 tỷ đồng (trong đó tài sản ngắn hạn đạt 6.610 tỷ đồng, tài sản dài hạn đạt 75,31 tỷ đồng), tổng tài sản cuối năm đạt 5.036 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn đạt 4.961 tỷ đồng, giảm 24,95% so với thời điểm đầu năm và tập trung chủ yếu ở các khoản các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, đồng thời công ty cũng có thêm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay; tài sản dài hạn đạt 75,13 tỷ đồng, giảm 0,24% so với thời điểm đầu năm, chủ yếu là do không có khoản đầu tư tài sản cố định mới.

Cũng trong năm 2022, nguồn vốn của VietinBank Securities có sự biến động lớn, tập trung chủ yếu ở khoản mục nợ vay ngắn hạn, giảm khoảng 25% so với thời điểm đầu năm. Kết thúc năm 2022, tổng nợ phải trả của Công ty là 3.182,65 tỷ đồng giảm 34,7% so với thời điểm đầu năm.

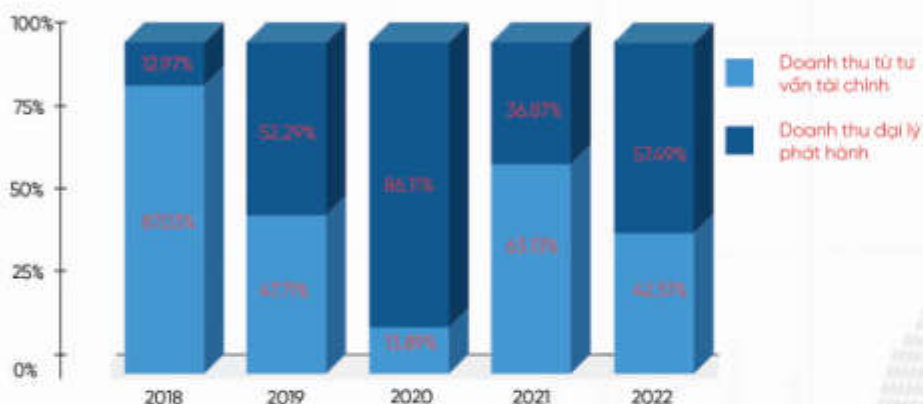
Về kết quả hoạt động kinh doanh, kết thúc năm 2022, doanh thu thuần của VietinBank Securities đạt 872,155 tỷ đồng, giảm 18,07% so với năm 2021, lợi nhuận trước thuế ở mức 78,79 tỷ đồng, giảm 83,65% so với lợi nhuận trước thuế năm 2021, lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt 71,07 tỷ đồng, giảm 81,61% so với năm 2021.



05.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO MẢNG NGHIỆP VỤ

5.1 HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP



Năm 2022, VietinBank Securities tiếp tục giữ vững vị thế của mình trong mảng dịch vụ tư vấn truyền thống, tư vấn phát hành trái phiếu/thu xếp vốn, trên nền tảng cơ bản đã đạt được từ việc phát triển thương hiệu trong năm 2021, đẩy mạnh hoạt động tư vấn M&A, tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp và các dịch vụ tư vấn tài chính khác mang lại giá trị gia tăng cao như kết nối cơ hội hợp tác đầu tư, nhằm cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng. Năm 2022 đối với hoạt động Tư vấn tài chính doanh nghiệp của VietinBank Securities còn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19; đồng thời, các cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước chậm triển khai kế hoạch chuyển nhượng vốn theo lộ trình đã được phê duyệt. Bên cạnh đó, hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu cũng gặp nhiều khó khăn do Chính phủ đã ban hành các Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định về phát hành trái phiếu riêng lẻ trong bối cảnh thị trường trái phiếu doanh nghiệp có dấu hiệu tăng trưởng nóng, xuất hiện một số hiện tượng huy động vốn trái phiếu chưa tuân thủ quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, VietinBank Securities đã rất nỗ lực các hoạt động tư vấn, tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển và tìm kiếm hướng đến khách hàng cũ và mới thông qua các kênh tiếp xúc, đầu thầu với các khách hàng tiêu biểu như: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước, Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam,... và các Ngân hàng, Định chế tài chính lớn như Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Bắc Á... Bên cạnh đó, Công ty đã tiếp cận và ký hợp đồng với các khách hàng mới như CTCP Thương mại Dịch vụ Nhựa bao bì Kiến Đức, CTCP May Nam Định, Tổng Công ty điện lực Miền Bắc, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Tây Bắc, Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO4, Công ty Cổ phần Thủy điện Cấn Đơn... Đây là những tiến bộ cho việc mở rộng hoạt động sang các mảng tư vấn mang lại giá trị gia tăng cho Công ty trong thời gian tới.

Cụ thể, Doanh thu hoạt động Tư vấn Tài chính doanh nghiệp năm 2022 ghi nhận 6,808 tỷ đồng, chiếm 42,51% tổng doanh thu hoạt động Tư vấn Tài chính doanh nghiệp và doanh thu đại lý phát hành đạt 9,206 tỷ đồng. Đạt được kết quả kinh doanh khả quan như trên là do Phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp của VietinBank Securities đã nỗ lực trong việc duy trì và phát triển quan hệ với các Tập đoàn, Tổng Công ty lớn đồng thời nỗ lực tìm kiếm, triển khai các giao dịch quy mô lớn gắn liền khách hàng có tên tuổi tạo bản đạp vững chắc cho sự phát triển thương hiệu VietinBank Securities. Năm 2022, một số thành tựu tiêu biểu của Phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp có thể kể đến như:

01

Trong năm 2022, Phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp đã thực hiện kỳ mới 41 hợp đồng tư vấn, hoàn thành 44 hợp đồng tư vấn bao gồm 21 hợp đồng tư vấn phát hành và đại lý phát hành trái phiếu cùng 23 hợp đồng tư vấn truyền thống.

02

Tư vấn chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính, thoái vốn, cổ phần hóa cho các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đang có kế hoạch tái cơ cấu như Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc,...

03

Tư vấn phát hành trái phiếu thành công cho các đối tác lớn như: CTCP STC Corporation, Ngân hàng TMCP Bắc Á, CTCP Tập đoàn Đất Xanh, CTCP Thép Hòa Phát Hải Dương... Công ty đã tư vấn thu xếp vốn thành công cho nhiều doanh nghiệp lớn với tổng giá trị thu xếp được là khoảng 12.900 tỷ đồng trái phiếu trong nước.

KẾ HOẠCH NĂM 2023

Tình hình thị trường tư vấn tài chính trong năm 2023 được đánh giá sẽ tiếp tục khó khăn do các nhu cầu sử dụng dịch vụ tư vấn tài chính đã bước vào giai đoạn bão hòa. Chính vì vậy, bên cạnh việc bám sát định hướng xuyên suốt đã đặt ra, VietinBank Securities đang từng bước nghiên cứu chiến lược phát triển sản phẩm mới, bắt nhịp với xu thế chung của thị trường. Cụ thể:

- Tiếp tục thực hiện định hướng khai thác khách hàng lớn là các Tập đoàn, Tổng Công ty đầu ngành và cung cấp dịch vụ tư vấn trọn gói, ban đầu là tư vấn tái cấu trúc, sau đó là tư vấn thu xếp vốn và các dịch vụ gia tăng khác.
- Tiếp tục đẩy mạnh việc khai thác lợi thế là công ty con của VietinBank, chủ động kết hợp với các chi nhánh của VietinBank và các công ty khác trong hệ thống VietinBank. Tận dụng khai thác triệt để cơ sở khách hàng doanh nghiệp lớn, phổ rộng trên nhiều lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân và khách hàng thường có bề dày quan hệ tín dụng với VietinBank. Đồng thời khai

thác nhu cầu sử dụng dịch vụ của đối tượng khách hàng tư nhân vừa và nhỏ nhằm cung cấp các sản phẩm tài chính đặc thù đồng thời bước đầu tạo ra các sản phẩm dịch vụ gia tăng mới. Hướng tới phát triển cung ứng chuỗi dịch vụ giá trị gia tăng.

- Năm 2023, bên cạnh việc tiếp tục giữ vững vị thế của mình trong mảng dịch vụ tư vấn truyền thống, tư vấn phát hành trái phiếu/thu xếp vốn, và trên nền tảng cơ bản đã triển khai được qua việc phát triển thương hiệu trong suốt năm 2022, VietinBank Securities sẽ đẩy mạnh hoạt động tư vấn M&A, tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp và các dịch vụ tư vấn tài chính khác mang lại giá trị gia tăng cao như kết nối cơ hội hợp tác đầu tư, nhằm cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng.

5.2 HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2022

Thị trường chứng khoán Việt Nam trải qua một năm 2022 đầy biến động hiếm có, với xu hướng chung là giảm mạnh từ vùng đỉnh lịch sử quanh 1.500 điểm, Chỉ số VN-Index năm trong top tăng, giảm mạnh nhất thế giới.



Thị trường mở cửa quý 1/2022 với đà tăng tiếp diễn từ năm 2021. Chỉ số VN-Index liên tục lập các đỉnh mới cùng với số lượng nhà đầu tư mới tham gia tăng cao kỷ lục. Thanh khoản thị trường cũng được đẩy lên mạnh mẽ, với những phiên khớp lệnh trên 30.000 tỷ chỉ riêng trên sàn HOSE. Đầu tháng 01/2022, chỉ số VN-Index đóng cửa tại mức điểm cao nhất lịch sử quanh 1.530 điểm. Nhiều cổ phiếu theo đó cũng tăng rất mạnh, tính bằng lần. Sau khi đạt đỉnh, chỉ số có nhiều lần điều chỉnh và kiểm định lại mốc này nhưng không thành công.

Đầu tháng 04/2022, chỉ số VN-Index đã quay đầu giảm mạnh từ vùng đỉnh 1.530 điểm cùng với xu hướng chung của thị trường toàn cầu. Đỉnh cổ lúc thị trường giảm xuống mức 911,42 điểm (ngày 15/11/2022), là mức thấp nhất từ đầu năm và ngang với vùng đáy năm 2020. Như vậy, chỉ số VN-Index đã có lúc giảm tới 40% so với vùng đỉnh chỉ ngay trong năm. Chỉ số giảm 40% nhưng nhiều mã cổ phiếu giảm tới 80-90%. Cổ phiếu và chỉ số càng giảm, các hoạt động bán giải chấp diễn ra càng nhiều, bán tháo chính các lãnh đạo doanh nghiệp cũng bị bán giải chấp khiến cho cổ phiếu và chỉ số liên tục giảm điểm.



Phiên cuối năm 30.12.2022, Chỉ số VN-Index đóng cửa tại 1.007,09 điểm, tương đương mức giảm 34% so với phiên mở cửa đầu năm (1.525,08 điểm).

Xu hướng giảm lan tỏa khắp các nhóm ngành trong đó nhóm ngành giảm mạnh nhất là ngành bất động sản (-51%), ngành nguyên vật liệu (-44%), ngành tài chính (-35%) kể cả các nhóm có tính chất phòng thủ như điện, nước (-17%) và ngành tiêu dùng thiết yếu (-18%).

DIỄN BIẾN CHỈ SỐ VN INDEX TRONG NĂM 2022



Nguồn: VnDirect Research

STT	MÃ CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	INDEX ĐÓNG CỬA (Đ) NGÀY GD: 2022-02-07 ĐƠN VỊ: ĐIỂM	INDEX ĐÓNG CỬA (Đ) NGÀY GD: 2022-12-30 ĐƠN VỊ: ĐIỂM	% BIẾN ĐỘNG TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI NĂM
01	VNINDEX	Chỉ số Vnindex	1.497,66	1.007,09	-33%
02	VNCOND	Ngành hàng tiêu dùng	1.965,52	1.480,16	-25%
03	VNCONS	Ngành hàng tiêu dùng thiết yếu	899,24	740,48	-18%
04	VNENE	Ngành năng lượng	708,59	486,66	-32%
05	VNFN	Ngành tài chính	1.715,76	1.112,17	-35%
06	VNHEAL	Ngành chăm sóc sức khỏe	1.711,99	1.523,43	-11%
07	VNIND	Ngành công nghệ	1.031,27	578,88	-44%
08	VNIT	Ngành công nghệ thông tin	2.417,63	2.409,03	0%
09	VNMAT	Ngành nguyên vật liệu	2.448,48	1.339,91	-45%
10	VNREAL	Ngành bất động sản	1.886,50	922,86	-51%
11	VNUJI	Ngành dịch vụ tiện ích	1.008,74	841,79	-17%



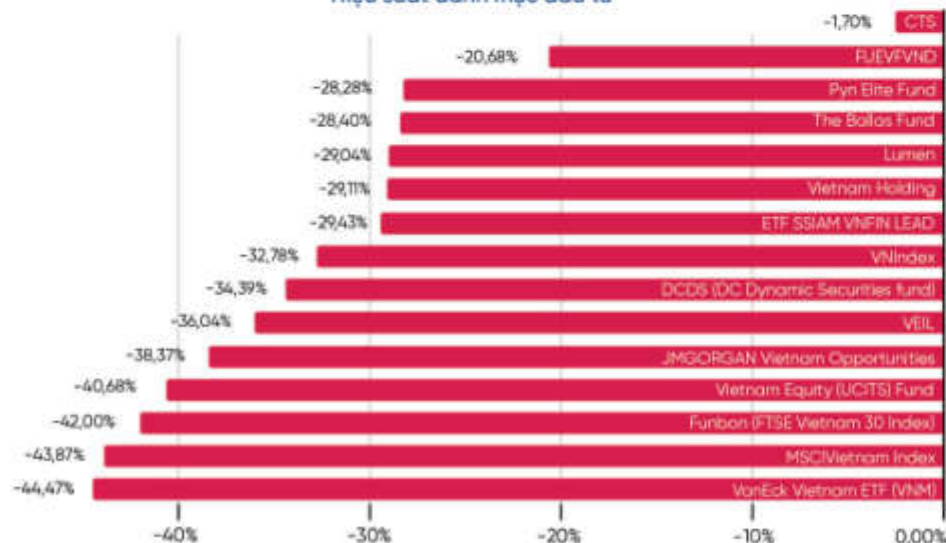
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG MẢNG HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH NĂM 2022

Năm 2022, trước biến động tiêu cực bất thường của thị trường chung tác động mạnh đến kết quả hoạt động của mảng Tự doanh và BLPH của VietinBank Securities. Cụ thể, Doanh thu hoạt động mảng Tự doanh và BLPH năm 2022 đạt 555,34 tỷ đồng, giảm 24% so với cùng kỳ; lợi nhuận gộp đạt 172,51 tỷ đồng, giảm 66% so với cùng kỳ. Tuy nhiên với tiêu chí lựa chọn cổ phiếu đầu tư là các cổ phiếu cơ bản và là các doanh nghiệp hàng đầu trong mỗi ngành và định hướng lựa chọn các ngành cùng với việc lựa chọn các ngành có yếu tố phòng thủ như ngân hàng, điện, nước, trong năm 2022 do dự báo diễn biến tiêu cực từ những tháng đầu năm nên hiệu suất của danh mục đầu tư của VietinBank Securities bị âm (-1,7%) là rất tích cực so với mức lỗ lớn của các Quỹ đầu tư lớn đang tham gia đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Kết quả hoạt động 2018 - 2022



Hiệu suất danh mục đầu tư



(Nguồn: Báo cáo từ web của các quỹ đầu tư và CTS)

Năm 2022, VietinBank Securities tiếp tục duy trì hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, giá trị danh mục tại 31/12/2022 đạt 521,6 tỷ đồng. Lãi từ hoạt động đầu tư kinh doanh trái phiếu đạt 86,8 tỷ đồng tăng 117,16% so với năm 2021.

KẾ HOẠCH NĂM 2023

Năm 2023, nền kinh tế Việt Nam và thị trường chứng khoán được dự báo vẫn còn đối diện nhiều thách thức đến từ dự báo suy thoái kinh tế thế giới, Fed tiếp tục lộ trình tăng lãi suất, lượng lớn trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn trong 2 quý đầu năm 2023 tạo áp lực thanh khoản của toàn hệ thống và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được dự báo kém tích cực do bị ảnh hưởng bởi tác động từ 2022, VietinBank Securities đặt kế hoạch đẩy mạnh hoạt động của mảng cổ phiếu và trái phiếu trong năm 2023. Đối với lựa chọn cổ phiếu, hướng đến các ngành thiết yếu mang tính phòng thủ và các doanh nghiệp cơ bản đầu ngành có nền tảng tăng trưởng trong dài hạn nhưng giá cổ phiếu bị chiết khấu bởi yếu tố tiêu cực được dự báo trong năm 2023; tiếp tục tái cơ cấu đối với các cổ phiếu kém triển vọng trong danh mục; Đối với trái phiếu tiếp tục hướng đến các doanh nghiệp đại chúng, cơ bản tốt và có định hướng phát hành trái phiếu ra công chúng trong năm 2023.



5.3 HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

THÁCH THỨC

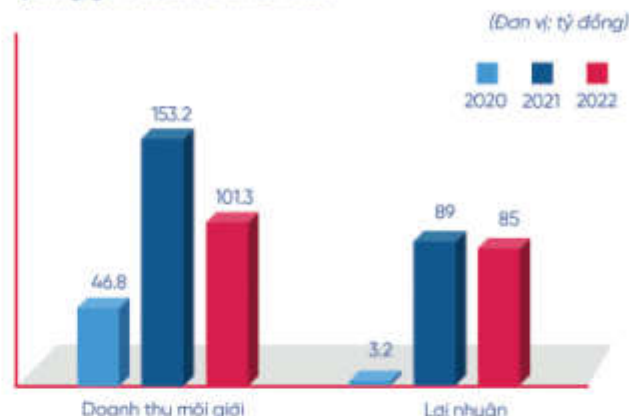
Hàng loạt sự kiện "thiên nga đen" đã xuất hiện trong năm 2022, như cuộc chiến tại Ukraine, xu hướng nâng lãi suất để kiềm chế lạm phát của các ngân hàng trung ương, hay các biến cố trong nước như các vụ án cùng loạt chính sách tăng cường kỷ cương trên thị trường có phiếu, trái phiếu. Năm 2023 sẽ vẫn còn nhiều biến số tác động lên thị trường chứng khoán:

- Xu hướng tăng lãi suất của các ngân hàng trung ương toàn cầu được dự báo hạ nhiệt, nhưng thách thức từ suy giảm tăng trưởng lợi tổng dẫn lên, đặc biệt tại các thị trường lớn (Mỹ, EU, Trung Quốc...). Đây đều là các thị trường có tác động trực tiếp đến đơn hàng từ Việt Nam. Hay rủi ro địa chính trị cũng cần được theo dõi, bởi nếu xảy ra cũng có thể ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu.
- Một bảng lãi suất gia tăng khiến kênh chứng khoán trong năm 2023 trở nên ít hấp dẫn hơn, bởi một kéo dòng tiền về kênh tiền gửi tiết kiệm, mặt khác khiến chi phí vốn gia tăng, từ đó ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Biến động từ tỷ giá ngoại tệ, giá vàng trong và ngoài nước cũng gây ảnh hưởng nhiều đến quyết định của nhà đầu tư vào thị trường chứng khoán.

CƠ HỘI

- Trung Quốc gỡ bỏ chính sách Zero Covid và mở cửa giao dịch trở lại có thể là động lực thúc đẩy dòng tiền từ nước ngoài trên thị trường chứng khoán hay bất động sản.
- Câu chuyện giải ngân đầu tư công cũng được kỳ vọng là yếu tố tích cực hỗ trợ thị trường chứng khoán. Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023 dự kiến hơn 700.000 tỷ đồng, tăng khoảng 25% so với kế hoạch năm 2022.
- Mục tiêu tăng trưởng GDP 6,5% của năm 2023 cần cú hích từ hoạt động đầu tư công, bởi không chỉ là một công cụ của chính sách tài khóa, mà đầu tư công còn mang tính dẫn dắt và lan tỏa trên nhiều nhóm ngành, hưởng lợi trực tiếp là xây dựng hạ tầng và vật liệu xây dựng. Cơ hội đầu tư còn đến từ sức hấp dẫn khi định giá cổ phiếu đã rơi sâu thích hợp với dòng tiền đầu tư cổ phiếu trong trung và dài hạn. Trong quá khứ, các vùng tạo đáy của những chu kỳ tăng trưởng lớn đều rơi về khoảng P/E từ 8.x đến 10.x. Mức định giá P/E của VN-Index cũng chính là động lực kích hoạt dòng tiền ngoại đổ vào thị trường.

Xuất phát từ những biến động từ yếu tố vĩ mô và thị trường chứng khoán nói chung của năm 2022 nói trên, hoạt động môi giới của CTS trong năm 2022 cũng nằm trong xu thế bị ảnh hưởng, thị phần giao dịch của CTS đạt 0,67%, giảm nhẹ 8,22% so với năm 2021. Bên cạnh đó, giá trị giao dịch toàn công ty đạt 66,5 nghìn tỷ đồng, giảm 32,12% so với năm 2021.



Trong năm 2022, hoạt động môi giới chứng khoán đã tập trung phát triển mạnh mẽ khách hàng cá nhân, các khách hàng có nhu cầu thu xếp nguồn vốn thông qua vay dư nợ margin và các khách hàng ưu tiên tại các đơn vị hỗ trợ kinh doanh ở 54 tỉnh thành khắp cả nước.

Doanh thu cả năm 2022 từ hoạt động môi giới chứng khoán đạt hơn 89 tỷ đồng, giảm 40% so với con số hơn 149 tỷ đồng của năm 2021. Tuy nhiên, Lợi nhuận Môi giới giảm nhẹ 5% đạt hơn 85 tỷ đồng so với 89 tỷ đồng của năm 2021.

Doanh thu & Lợi nhuận Môi giới qua các năm

(Đơn vị: tỷ đồng)

STT	CHỈ TIÊU	2020	2021	2022
01	Giá trị giao dịch	30,652	98,114	66,598
02	Phi giao dịch	48,6	153,2	101,3
03	Thị phần giao dịch	0,82%	0,73%	0,67%

Dự nợ cho vay giao dịch kỳ quỹ bình quân của VietinBank Securities năm 2022 đạt 1.602,9 tỷ đồng, tăng 34,47% so với năm 2021. Doanh thu lãi margin toàn Công ty đạt hơn 189 tỷ đồng, tăng 36,07% so với năm 2021.

(Đơn vị: tỷ đồng)

STT	CHỈ TIÊU	2020	2021	2022
01	Dư nợ margin	695,2	1.205,4	1.602,9
02	Lãi margin	77,3	138,9	189



KẾ HOẠCH NĂM 2023

MỤC TIÊU

01 KHÁCH HÀNG LÀM TRỌNG TÂM VÀ NÂNG CAO TRẢI NGHIỆM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

• Đối với CTS, khách hàng là trọng tâm trong việc phát triển chiến lược và chính sách kinh doanh. Năm 2023, môi giới sẽ chủ động bắt kịp xu thế vận hành của thị trường để tìm hiểu nhu cầu, hành vi của khách hàng tạo nên sự tăng trưởng cho Khối Môi giới. Bên cạnh đó, cần áp dụng linh hoạt chính sách/ dịch vụ cho từng nhóm phân khúc khách hàng nhưng vẫn tiếp tục khai thác giao dịch dựa trên cơ sở dữ liệu khách hàng cá nhân cũ và nhóm khách hàng giao dịch VIP.

• Triển khai thí điểm 5 điểm hỗ trợ tư vấn chứng khoán chuyên nghiệp dựa trên nguồn khách hàng tiềm năng sẵn có của VietinBank nhằm đẩy mạnh phát triển khách hàng cá nhân, khách hàng tổ chức.

02 TIẾP TỤC ĐÀO TẠO NHÂN SỰ VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TƯ VẤN VÀ CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG

• Nhằm đáp ứng nhanh việc phát triển thị phần về số lượng đầu tư cũng như chất lượng tư vấn dịch vụ ngày càng cao, CTS tiếp tục tiến hành các hoạt động đào tạo nội bộ nâng cao chất lượng về kiến thức kỹ chuyên môn và kỹ năng thực hiện tốt công việc, nâng cao chất lượng tư vấn cũng như chăm sóc khách hàng.

03 ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG CHO VAY KÝ QUỸ

• Xuất phát từ nhu cầu về vốn của nhà đầu tư cá nhân và nhà đầu tư tổ chức sẽ tăng trưởng theo quy mô thị trường qua từng năm. CTS sẵn sàng cung cấp các giải pháp về tài chính cụ thể: Chọn top 50 mã cổ phiếu tập trung ở các ngành: Sản xuất, Ngân hàng, Chứng khoán, Bất động sản để thực hiện cho vay margin với các chính sách linh hoạt cho các Nhà đầu tư cá nhân và nhóm khách hàng riêng biệt. Đồng thời tối ưu hóa quy trình cho vay giao dịch ký quỹ và dịch vụ cho phù hợp với nhu cầu chung của thị trường.

04 RA MẮT CÁC CHƯƠNG TRÌNH ƯU ĐÃI CHO KHÁCH HÀNG VÀ NÂNG CẤP HỆ THỐNG PHẦN MỀM

• Với xuất phát điểm tiếp cận nhiều khách hàng hơn nữa, CTS sẽ triển khai chương trình mở tài khoản chứng khoán số đẹp tại các Điểm hỗ trợ giao dịch, thiết kế tờ rơi, đặt standee và có chuyên viên chính về chứng khoán tư vấn, hỗ trợ trực tiếp tại Điểm hỗ trợ giao dịch. Bên cạnh đó tiến hành thiết kế chương trình trao thưởng, vinh danh cho điểm giao dịch lọt top giao dịch nhằm khuyến khích hoạt động chứng khoán tại các Điểm hỗ trợ và mở rộng thị phần khách hàng cho CTS.

• Hệ thống phần mềm Unicore của Công ty đã được nâng cấp và dần hoàn thiện với nhiều tính năng mới cũng như tốc độ được cải thiện đáng kể, giúp tăng năng suất lao động cũng như chất lượng dịch vụ. Từ thành công đó, trong năm 2023, Khối môi giới sẽ tiếp tục đưa ra các sản phẩm con thuộc hệ thống Unicore, đồng thời triển khai, nghiên cứu, cung cấp dịch vụ mở tài khoản giao dịch chứng khoán trực tuyến eKYC cho khách hàng nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ và mang lại trải nghiệm tốt cho khách hàng cũng như cải thiện chất lượng công việc của nhân viên môi giới.

05 TIẾP TỤC MỞ RỘNG MẠNG LƯỚI CỘNG TÁC VIÊN HỢP TÁC PHÁT TRIỂN KHÁCH HÀNG

• Triển khai cơ chế cộng tác viên trên khắp cả nước, phối hợp chặt chẽ với phòng thị trường vốn, Phòng Nhân sự của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và các Điểm hỗ trợ thực hiện bán chéo sản phẩm, cung cấp cơ hội đầu tư tốt tài khách hàng.

• Tiến tới đẩy mạnh xây dựng đội ngũ cộng tác viên qua Cán bộ công nhân viên thuộc hệ thống chi nhánh của Ngân hàng Công Thương và khai thác nguồn nhân lực bên ngoài, đặc biệt có thể chú ý đến đội sales bất động sản. Họ là những cá nhân có kỹ năng sales tốt, sở hữu tệp khách hàng có tiềm lực tài chính lớn. Việc mở rộng mạng lưới bán hàng, tăng trưởng về Doanh thu Môi giới chứng khoán, Doanh thu cho vay ký quỹ và thị phần của Công ty sẽ được cải thiện.

• Dựa trên cơ chế Hợp tác phát triển khách hàng, đội ngũ cộng tác viên giới thiệu sản phẩm chứng khoán tương tự như sản phẩm chứng chỉ quỹ không niêm yết được hưởng phí dịch vụ phát triển khách hàng do CTS chi trả.

5.4 HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VỐN

DIỄN BIẾN CHUNG VỀ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM 2022

KINH TẾ VĨ MÔ

Bối cảnh của năm 2022, khi hậu quả của dịch COVID-19 chưa được khắc phục xong, sức khỏe của nền kinh tế, doanh nghiệp và các ngân hàng bị ảnh hưởng; xung đột tại Ukraine tác động sâu sắc, toàn diện tới tình hình thế giới; việc đứt gãy chuỗi cung ứng, lạm phát trên thế giới và chính sách chống lạm phát của nhiều nước tác động tới giá trị đồng tiền Việt Nam. Song với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, tạo đà hoàn thành mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2022 và giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết Đại hội Đảng XIII, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ, ngành, địa phương triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP, Nghị quyết số 11/NQ-CP và Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Trước sức ép Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) và nhiều Ngân hàng trung ương (NHTW) lớn đẩy mạnh lộ trình thắt chặt chính sách tiền tệ (CSTT), tăng nhanh lãi suất điều hành, xung đột Nga-Ukraine làm chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục gián đoạn, giá xăng dầu và hàng hóa tăng cao, lạm phát tại nhiều nền kinh tế vượt mức kiểm soát. Trong năm 2022, Ngân hàng Nhà nước đã chủ động, linh hoạt áp dụng đồng bộ các công cụ, giải pháp, can thiệp để duy trì hoạt động ổn định, thông suốt của thị trường tiền tệ, ngoại hối, qua đó góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ thực hiện các mục tiêu đề ra tại Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết 43 của Quốc hội và Nghị quyết 11 của Chính phủ. NHNN đã 2 lần các mức lãi suất điều hành, tổng tăng thêm 2%. Bên cạnh đó, NHNN cũng điều chỉnh trần lãi suất huy động ngắn hạn (kỳ hạn dưới 6 tháng) lên mức 6%. NHNN cũng đã thận trọng hơn trong việc giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho các NHTM khi không giao thêm chỉ tiêu trong Quý 2 và Quý 3 năm 2023.

Kinh tế vĩ mô tiếp tục duy trì ổn định, lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo; chính sách tiền tệ, tài khóa được điều hành chủ động, linh hoạt và hiệu quả. Các áp lực lớn trên thị trường tiền tệ, ngoại hối trong nước được hòa giải, qua đó góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo an toàn của hệ thống tổ chức tín dụng. GDP năm 2022 tăng cao ở mức 8,02% so với năm trước, là mức tăng cao nhất các năm trong giai đoạn 2011-2022, lạm phát CPI bình quân cả năm 2022 là 3,15%. Đáng chú ý, tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's và S&P đã nâng mức xếp hạng tín nhiệm quốc gia cho Việt Nam. Nhờ đó, niềm tin của nhà đầu tư, doanh nghiệp và người dân vào môi trường và triển vọng kinh tế trung hạn tiếp tục được giữ vững.

Mức lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng là 1%/năm; Mức lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng là 6,0%/năm; 6-9,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng; 6,8-9,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ trên 12 tháng đến 24 tháng và 7,2-9,6% đối với kỳ hạn trên 24 tháng. Theo NHNN, tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế năm 2022 đạt 14,17%.

Chính sách tỷ giá đã được NHNN điều hành theo hướng duy trì biên giao động ổn định, phù hợp với cân đối vĩ mô và cung cầu thị trường. Theo đó, biên độ tỷ giá giao ngay giữa đồng Việt Nam và Đô la Mỹ (USD) được điều chỉnh từ ±3% lên ±5%. NHNN cũng đã bán một lượng ngoại tệ lớn để can thiệp ổn định thị trường trong nước.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Trong năm 2022, Kho bạc Nhà nước đã có 1 lần điều chỉnh kế hoạch phát hành TPCP từ 400,000 tỷ đồng xuống 215,000 tỷ đồng (kế hoạch điều chỉnh bao gồm cả trái phiếu phát hành cho Bảo hiểm xã hội). Trong năm, Kho bạc Nhà nước (KBNN) đã tổ chức 158 đợt đấu thầu trái phiếu Chính phủ (TPCP) với tổng giá trị gọi thầu đạt 349,500 tỷ đồng, trong đó giá trị trúng thầu là 214,722 tỷ đồng, tỷ lệ trúng thầu/-gọi thầu đạt 61,4%. Tổng giá trị trúng thầu giảm 32,5% so với năm 2021. Tổng giá trị TPCP phát hành trong năm 2022 đạt 99,9% kế hoạch năm sau điều chỉnh và đạt 53,7% kế hoạch trước điều chỉnh.

CHI TIẾT KỶ HẠN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ PHÁT HÀNH NĂM 2022 (TỶ VND)

KỶ HẠN	SỐ ĐỢT	GTGT (tỷ VND)	GTĐT (tỷ VND)	GTTT (tỷ VND)	TỶ LỆ TRUNG THẦU /GỌI THẦU	TỶ LỆ ĐẠT THẦU /GỌI THẦU
05 năm	08	4.500,00	5.785,00	-	0%	128,6%
07 năm	10	5.000,00	8.200,00	-	0%	164,0%
10 năm	51	174.000,00	362.243,00	128.312,00	73,7%	208,2%
15 năm	51	136.000,00	249.405,00	75.520,00	55,5%	183,4%
20 năm	17	11.500,00	6.915,00	2.265,00	19,7%	60,1%
30 năm	21	18.500,00	20.110,00	8.625,00	46,6%	108,7%

Nguồn: HNX

Trong năm 2022, tỷ trọng phát hành của các kỳ hạn thay đổi nhiều so với năm 2021. Kỳ hạn 5 năm và 7 năm không phát hành thành công trong khi kỳ hạn 10 năm và 15 năm chiếm lần lượt 59,8% và 35,2% giá trị phát hành. 2 kỳ hạn 20 năm và 30 năm chỉ chiếm khoảng 5% giá trị phát hành chủ yếu do thị trường không thuận lợi để huy động các kỳ hạn dài 20 và 30 năm kể từ tháng 6/2022 khi một bảng lãi suất tăng nhanh. Lãi suất phát hành bình quân tăng ở kỳ hạn 10 năm và 15 năm trong khi giảm ở kỳ hạn 20 năm và 30 năm. So với năm 2021, lãi suất kỳ hạn 10 và 15 năm tăng lần lượt 81 và 84 điểm còn kỳ hạn 20 và 30 năm giảm nhẹ. Lãi suất phát hành TPCP điều chỉnh tăng mạnh kể từ thời điểm NHNN nâng lãi suất điều hành thêm 2%/năm trước bối cảnh lãi suất trên thế giới tăng nhanh trong chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ toàn cầu vì sự kiện vi phạm của Vạn Thịnh Phát vào tháng 10/2022. Việc lãi suất phát hành kỳ hạn 20 và 30 năm giảm do 2 kỳ hạn này chỉ phát hành thành công trong giai đoạn đầu năm, thời điểm một bảng lãi suất vẫn ở mức thấp.



VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VỐN TRONG NĂM 2022

Năm 2022 đánh dấu một năm hoạt động đầy mới mẻ và tích cực với mảng Kinh doanh Vốn của Công ty. Phòng Kinh doanh Vốn hoạt động với 3 nghiệp vụ chính:

- (i) Cân đối thanh khoản cho toàn Công ty;
- (ii) Đầu tư kinh doanh các loại hình Giấy tờ có giá (GTCG);
- (iii) Dịch vụ giao dịch chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu tổ chức tín dụng phát hành.

VỀ HOẠT ĐỘNG CÂN ĐỐI THANH KHOẢN CHO TOÀN CÔNG TY

Năm 2022, Công ty có nhiều dấu ấn trong mở rộng hạn mức tín dụng với sự bùng nổ mạnh mẽ của mảng vay vốn nước ngoài, với hạn mức được cấp bởi các ngân hàng nước ngoài khoảng 100 triệu USD. Tính đến hết năm 2022, Công ty đã có quan hệ tín dụng với 25 tổ chức tín dụng trong đó 11 tổ chức tín dụng nước ngoài (tăng 3 tổ chức tín dụng) và 14 tổ chức tín dụng trong nước. Tổng hạn mức tín dụng, vay vốn và bảo lãnh được cấp đến 31/12/2022 quy đổi ra VND là 9086 tỷ đồng. Thanh khoản của Công ty được duy trì ổn định trong bối cảnh từ nửa cuối năm 2022, các tổ chức tín dụng siết chặt cho vay công ty chứng khoán, lãi suất và các điều kiện giải ngân liên tục thắt chặt. Ngoài ra, Phòng Kinh doanh Vốn cũng cung cấp đầy đủ nguồn vốn theo nhu cầu của các bộ phận kinh doanh, góp phần vào doanh thu và lợi nhuận chung toàn Công ty.



VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ KINH DOANH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Đứng trước bối cảnh lãi suất liên tục tăng cao trong giai đoạn dài của năm 2022, khiến cho môi trường, cơ hội đầu tư kinh doanh giấy tờ có giá trên toàn thị trường gặp rất nhiều khó khăn. Song với việc đa dạng hóa danh mục tài sản, hạn chế đầu tư trước thời điểm tăng lãi suất, tận dụng các cơ hội khi lãi suất neo cao và góp phần gia tăng lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro, tránh những cú sốc.



VỀ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ TIỀN GỬI VÀ TRÁI PHIẾU TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHÁT HÀNH

Năm 2022 là một năm phát triển trong mảng dịch vụ giao dịch chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu tổ chức tín dụng phát hành. Công ty tiếp tục đồng hành cùng Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong việc thực hiện các giao dịch mua/bán Trái phiếu tăng vốn Cấp 2. Bên cạnh đó, hoạt động dịch vụ giao dịch chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu tổ chức tín dụng khác không chỉ đóng góp vào lợi nhuận chung mà còn giúp Công ty đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ cung ứng cho khách hàng. Năm 2022, nhu cầu đầu tư chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu tổ chức tín dụng phát hành trên thị trường ghi nhận sự tăng trưởng mạnh khi thị trường trái phiếu doanh nghiệp bất động sản gặp nhiều khó khăn. Công ty đã nắm bắt được nhu cầu này và mở rộng hoạt động dịch vụ đến các đối tác/khách hàng doanh nghiệp, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của các nhà đầu tư.

KẾ HOẠCH NĂM 2023



Năm 2022 là một năm vô cùng thách thức đối với thị trường khi cũng một lúc chịu áp lực bởi xu hướng tăng lạm phát, lãi suất, đồng đô la Mỹ trên phạm vi toàn cầu và những khó khăn của thị trường chứng khoán, bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp ở trong nước. Về dự báo tình hình kinh tế thế giới và trong nước năm 2023 vẫn còn nhiều khó khăn. Quỹ tiền tệ quốc tế nhận định 1/3 nền kinh tế toàn cầu sẽ bị ảnh hưởng bởi suy thoái, và cảnh báo thế giới sẽ đối mặt với một năm 2023 khó khăn hơn. Trong nước, lạm phát cơ bản đang có xu hướng tăng cao trong khi vẫn cần thực hiện các giải pháp hỗ trợ nền kinh tế, những khó khăn trên thị trường chứng khoán, bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp chưa được giải quyết căn bản. Vì vậy, một bảng lãi suất trong năm 2023 vẫn có thể duy trì ở mức cao. Do đó, VietinBank Securities đánh giá đây là một năm có rất nhiều thách thức vô cùng lớn trong việc cân đối lãi suất, quản trị thanh khoản trong kịch bản lãi suất neo cao.

Với những nhận định trên, VietinBank Securities sẽ chủ trọng khai thác và mở rộng hạn mức tín dụng, đảm bảo thanh khoản, đáp ứng nhu cầu mở rộng các hoạt động kinh doanh trọng yếu và ổn định chi phí vốn cho Công ty, đồng thời, tích cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư, kinh doanh lập tài sản thu nhập cố định, hợp tác toàn diện với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để tạo lập hệ sinh thái VietinBank, nhằm cung cấp các gói sản phẩm, dịch vụ đa dạng cho mọi đối tượng khách hàng, nâng tầm vị thế của Công ty trên thị trường. Bên cạnh đó, công tác đào tạo đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp với kiến thức chuyên môn nghiệp vụ tốt, sâu rộng trong hoạt động Kinh doanh vốn sẽ luôn nền tảng được Công ty chủ trọng và không ngừng củng cố, hoàn thiện, nhằm mang tới hình ảnh VietinBank Securities chuyên nghiệp, năng động.

Với một đội ngũ có trình độ cao, kết hợp giữa sức trẻ và kinh nghiệm, cùng với hệ thống công nghệ tiên tiến, Công ty sẽ tiếp tục nâng tầm hình ảnh VietinBank Securities thân thiện, chuyên nghiệp và đáp ứng đầy đủ nhu cầu của đối tác, nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

5.5 HOẠT ĐỘNG KHÁCH HÀNG QUỐC TẾ

HOẠT ĐỘNG KHÁCH HÀNG QUỐC TẾ TRONG NĂM 2022

Năm 2022, Công ty đã bước đầu triển khai hoạt động Khách hàng Quốc tế với việc thành lập phòng mới với 03 nghiệp vụ chính:

1. Tư vấn Thu xếp vốn cho các Doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận nguồn vốn nước ngoài;
2. Tư vấn mua bán, sáp nhập (M&A);
3. Mở & quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán (GDCK), hỗ trợ cung cấp dịch vụ chứng khoán cho Nhà đầu tư nước ngoài (NĐTNN)

■ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN THU XẾP VỐN:

Trong năm 2022, Phòng KHQT đã tập trung đẩy mạnh quan hệ và thực hiện ký Thỏa thuận bảo mật (NDA) với các đối tác cho hoạt động Thu xếp vốn là các định chế tài chính nước ngoài. Trên cơ sở đó, phòng đã tiếp cận và thực hiện kết nối cho các Doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận nguồn vốn từ các định chế tài chính nước ngoài, với 10 Thỏa thuận bảo mật được ký.

■ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN M&A:

Trong năm 2022, Phòng KHQT đã làm việc và trao đổi thông tin đầu mua - bán với các đơn vị thực hiện tư vấn M&A khác trên thị trường. Trên cơ sở đó, phòng đã tiếp cận một số Doanh nghiệp đầu bán tại Việt Nam nhằm thực hiện việc kết nối với đối tác nước ngoài và 01 Thỏa thuận bảo mật đã được ký, tạo nền móng cho sự phát triển của hoạt động tư vấn M&A tại CTS.

■ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI KHOẢN GDCK CHO NĐTNN:

Trong năm 2022, Phòng KHQT đã tiếp nhận việc chăm sóc khách hàng tổ chức của CTS, bên cạnh đó Phòng phối hợp với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Ngân hàng mẹ) và các đối tác để mở và quản lý tài khoản GDCK cho NĐTNN, thực hiện lập báo cáo kết quả hợp tác hàng quý để gửi cho đối tác. Trong năm 2022, Phòng đã phối hợp mở 07 tài khoản cho các khách hàng cá nhân quốc tịch Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản,...

KẾ HOẠCH NĂM 2023



■ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP SẢN PHẨM/ DỊCH VỤ CHO KHÁCH HÀNG:

Bộ phận Khách hàng Quốc tế VietinBank Securities sẽ xây dựng và phát triển, hệ thống hóa mạng lưới khách hàng nước ngoài dựa trên mạng lưới khách hàng đa dạng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp tục tăng cường hợp tác với các đối tác và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để phát huy việc cung cấp các giải pháp tư vấn TCDN, đặc biệt là Tư vấn M&A, Tư vấn thu xếp vốn quốc tế cho các doanh nghiệp Việt Nam. Việc hợp tác bán chéo sản phẩm, dịch vụ giữa VietinBank Securities và Ngân hàng mẹ cho khách hàng nước ngoài cũng được chú trọng. Các sản phẩm, dịch vụ chứng khoán dành cho Nhà đầu tư nước ngoài sẽ tiếp tục được mở rộng và đa dạng hóa, đồng thời tăng cường thực hiện phân phối Chứng chỉ quỹ nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh cho Công ty.

■ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN CHO CÔNG TY:

Bộ phận Khách hàng Quốc tế VietinBank Securities sẽ tiếp tục xây dựng và duy trì, phát triển mối quan hệ với các tổ chức quốc tế (các Ngân hàng, Quỹ đầu tư nước ngoài) và thực hiện huy động vốn nước ngoài để tăng cường quy mô nguồn vốn và hạ mặt bằng chi phí vốn cho Công ty. Kinh nghiệm, mối quan hệ với các tổ chức tín dụng, định chế tài chính quốc tế của VietinBank Securities sẽ được tận dụng triệt để nhằm đẩy mạnh hoạt động thu xếp vốn cho các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận nguồn vốn nước ngoài. Không những vậy, hiểu được tầm quan trọng của việc không ngừng trau dồi nghiệp vụ nhân viên, Công ty sẽ đẩy mạnh các hoạt động đào tạo về nghiệp vụ Tư vấn M&A, Thu xếp vốn, Định giá doanh nghiệp, vv và tiếp tục tuyển dụng nhằm đáp ứng việc mở rộng quy mô hoạt động và mạng lưới khách hàng.

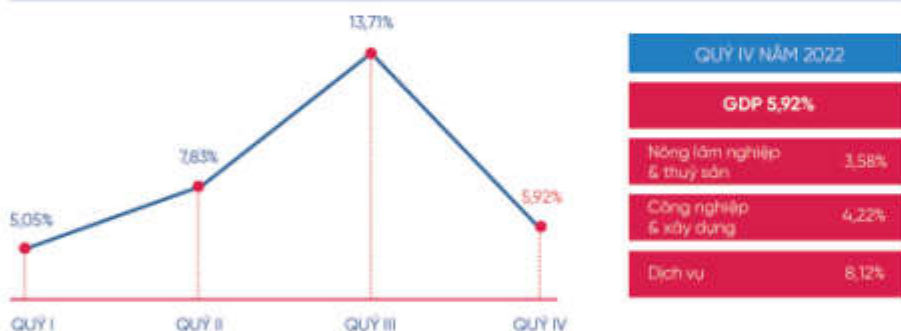
06. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH VÀ TRIỂN VỌNG

Kinh tế - xã hội năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động mạnh và không duy trì được sự ổn định, lạm phát của các quốc gia tại châu Á, châu Âu và Mỹ tăng lên mức cao nhất trong nhiều năm trở lại đây buộc các quốc gia này phải thay đổi chính sách điều hành của mình để ổn định nền kinh tế. Bên cạnh đó, xung đột chính trị giữa các nước cụ thể là Nga - Ukraine, đứt gãy chuỗi cung ứng, giá nhiên liệu tăng cao... đã làm gia tăng rủi ro trên thị trường kinh tế - tài chính, ảnh hưởng tới nhiều nhóm ngành nghề, an ninh lương thực.

GDP

GDP năm 2022 tăng 8,02% (quý I tăng 5,05%; quý II tăng 7,83%; quý III tăng 13,71%; quý IV tăng 5,92%), đây là một mức tăng trưởng ấn tượng, thể hiện nền kinh tế đang hồi phục mạnh mẽ và đạt được mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2011 - 2022. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%; khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%.

Tốc độ tăng trưởng GDP các quý năm 2022



QUY IV NĂM 2022

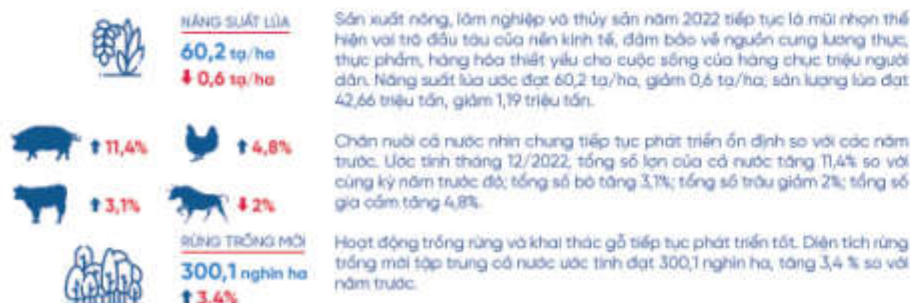
GDP 5,92%

Nông lâm nghiệp & thủy sản 3,58%

Công nghiệp & xây dựng 4,22%

Dịch vụ 8,12%

Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2022 theo khu vực kinh tế



Hoạt động thủy sản tiếp tục duy trì đà phục hồi ấn tượng đáp ứng nhu cầu chế biến phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Tổng sản lượng thủy sản năm 2022 ước đạt 5.163,7 nghìn tấn, tăng 6,3% so với năm 2021.

THỦY SẢN

5.163,7 nghìn tấn
↑ 6,3%

Sản xuất công nghiệp trong quý IV/2022 có xu hướng tăng chậm lại, tuy nhiên tốc độ giá trị tăng thêm ước tính đạt 3,6% so với năm 2021. Chỉ số sản xuất công nghiệp quý IV/2022 tăng 3%, mức tăng thấp nhất trong các quý của năm chủ yếu do thiếu hụt nguyên vật liệu và chi phí đầu vào tăng cao, kết thúc năm 2022 ước tính tăng 7,8% so với năm trước trong đó, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,1% (năm 2021 tăng 4,8%).

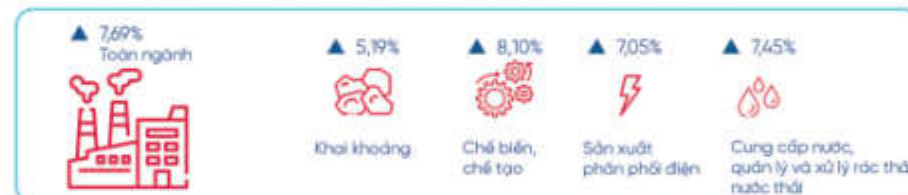
SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Xu hướng tăng chậm
↑ 7,8%

Chỉ số IIP năm 2022 đã cho thấy đà phục hồi trở lại, khi chứng kiến sự sụt giảm mạnh ở năm trước đó do dịch Covid - 19 cho thấy ngành công nghiệp đã có sự phục hồi đáng kể trong bối cảnh nền kinh tế đang phục hồi mạnh mẽ.

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP NĂM 2022

Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp so với năm trước



Tốc độ tăng/ giảm một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu so với năm trước



TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU

KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU

Khi dịch Covid-19 đã tạm qua đi, 2022 là năm mà nền kinh tế của nước ta phục hồi ấn tượng với tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa cả năm về đích với con số ước đạt 732,5 tỷ USD, tăng 9,5% so với năm 2021.

Trong tháng 12/2022, hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa tiếp tục là điểm sáng của nền kinh tế với tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 58,82 tỷ USD, tăng 2,7% so với tháng trước và giảm 11,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hoá tháng 12 đạt 29,66 tỷ USD, tăng 2,2% so với tháng trước và giảm 14% so với cùng kỳ năm trước. Kim ngạch nhập khẩu đạt 29,16 tỷ USD, tăng 3,1% so với tháng trước, giảm 8,1% so với cùng kỳ năm trước.

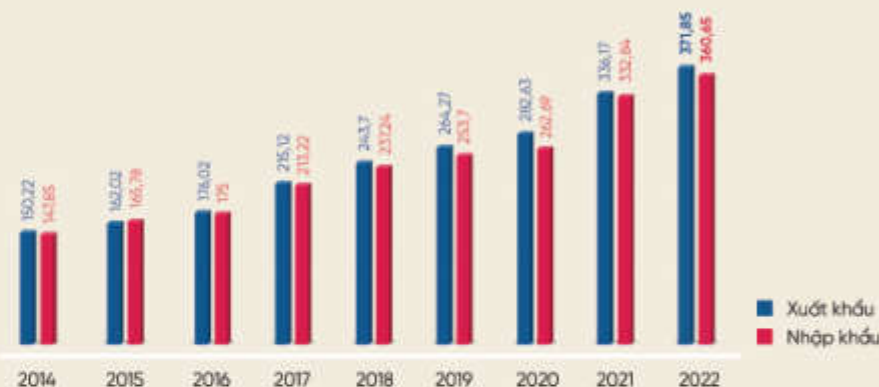
Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm 2022 đạt 360,65 tỷ USD, tăng 8,4% so với năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 125,79 tỷ USD, tăng 10%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 234,86 tỷ USD, tăng 7,5%. Trong năm 2022 có 46 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 93,3% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2022, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 109,1 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 119,3 tỷ USD. Năm 2022 xuất siêu sang EU đạt 31,8 tỷ USD, tăng 36,8% so với năm trước; nhập siêu từ Trung Quốc 60,9 tỷ USD, tăng 11,5%; nhập siêu từ Hàn Quốc 38,3 tỷ USD, tăng 11,5%; nhập siêu từ ASEAN 13,6 tỷ USD, tăng 10,6%.

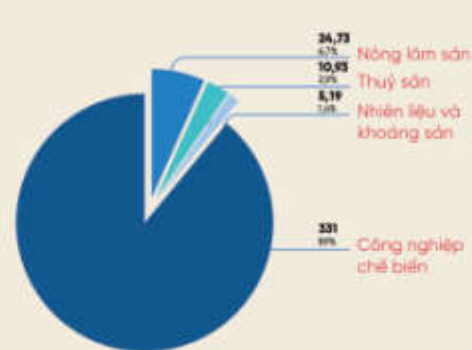


NĂM 2022

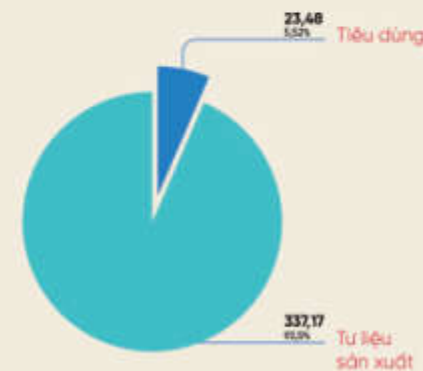
VIỆT NAM XUẤT SIÊU
11,2 TỶ USD



CƠ CẤU XUẤT KHẨU HÀNG HOÀ



CƠ CẤU NHẬP KHẨU HÀNG HOÀ



Nguồn: Tổng cục thống kê



THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ FDI

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam: Tính đến ngày 20/12/2022 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 27,72 tỷ USD, bằng 89% so với cùng kỳ năm 2021.

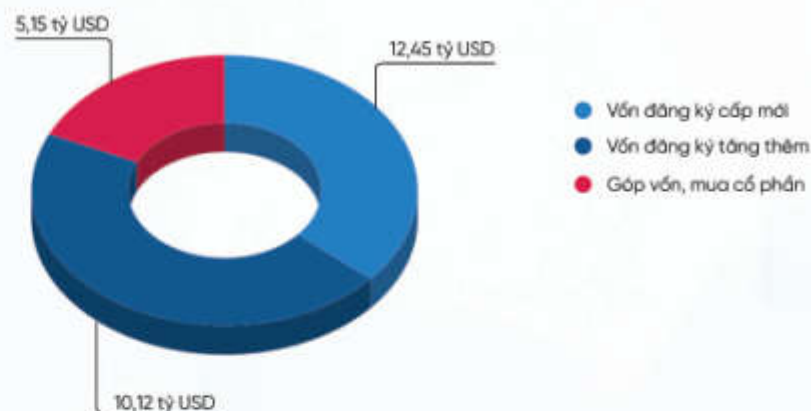
- **Vốn đăng ký cấp mới:** Có 2.036 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 12,45 tỷ USD, tăng 171% về số dự án và giảm 18,4% về số vốn đăng ký so với năm trước.
- **Vốn đăng ký điều chỉnh:** Có 1.107 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư tăng thêm đạt gần 10,12 tỷ USD, tăng 12,2% so với cùng kỳ năm trước.
- **Vốn đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài:** Có 3.566 lượt với tổng giá trị góp vốn đạt hơn 5,15 tỷ USD, giảm 25,2% so với cùng kỳ năm trước. Các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 19 ngành trên tổng số 21 ngành của nước ta. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt hơn 16,8 tỷ USD, chiếm 60,6% tổng số vốn đầu tư đăng ký.

NĂM 2022

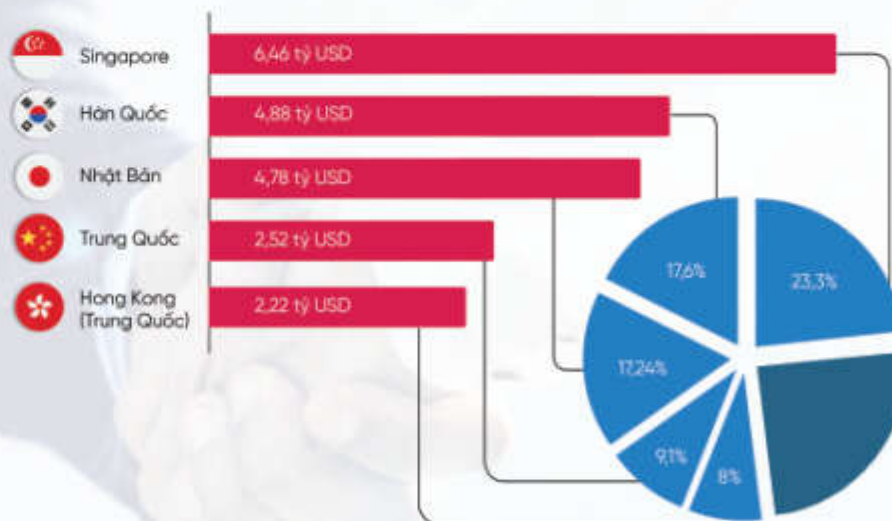
**FDI ĐẠT GẦN
27,72 TỶ USD**



FDI QUA CÁC NĂM



CƠ CẤU ĐẦU TƯ THEO QUỐC GIẢ/ VÙNG LÃNH THỔ



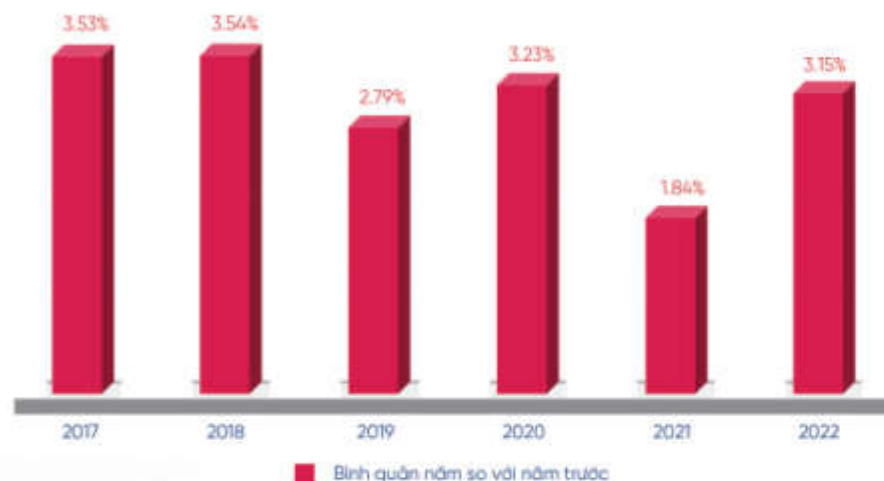
Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (số liệu tính đến 20/12/2022)



CPI

CPI năm 2022 tăng 3,15%, đạt mục tiêu mà Quốc hội đề ra.

Giá xăng dầu, giá gas trong tháng 12/2022 giảm theo giá nhiên liệu thế giới là nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2022 giảm 0,07% so với tháng trước và tăng 4,55% so với tháng 12/2021. CPI bình quân quý IV/2022 tăng 4,41% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản 12 tháng tăng 3,15%.



Tốc độ tăng CPI của các năm giai đoạn 2017-2022 (%)

Năm 2022, trong bối cảnh áp lực lạm phát toàn cầu ngày càng tăng cao, giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giá cước vận chuyển cùng với giá xăng dầu liên tục tăng đã gây ra áp lực lạm phát cho nền kinh tế Việt Nam, giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2022 của Việt Nam tăng 3,15% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra, tiếp tục là năm kiểm soát lạm phát thành công.

- Giá xăng dầu trong nước tăng 28,01% so với năm trước (làm CPI chung tăng 1,01 điểm phần trăm), giá gas tăng 11,49% (làm CPI chung tăng 0,17 điểm phần trăm);
- Giá gạo tăng 1,22% so với năm trước (làm CPI chung tăng 0,03 điểm phần trăm) do giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu, nhu cầu tiêu dùng gạo nếp và gạo tẻ ngon tăng trong dịp Lễ, Tết;
- Giá nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 3,11% so với năm trước do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào (làm CPI chung tăng 0,59 điểm phần trăm);
- Giá dịch vụ giáo dục tăng 1,44% so với năm trước (làm CPI chung tăng 0,08 điểm phần trăm) do một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tăng học phí.

TỶ GIÁ

Trong năm 2022, USD tăng giá khoảng 9% so với VND, mặc dù giai đoạn cuối năm tỷ giá USD/VND đã giảm mạnh so với giai đoạn đỉnh trong năm, tuy nhiên vẫn cao hơn nhiều so với mức giá giao dịch hồi đầu năm.

U.S DOLLAR/ VIETNAMESE DONG 1W



Nguồn: tradingview.com

Yếu tố tác động lên tỷ giá trong năm nay đến từ cả thị trường quốc tế lẫn trong nước, trong đó hai yếu tố chính là (1) Lạm phát tại Mỹ liên tục tăng cao do nền kinh tế hồi phục lại sau đại dịch Covid-19 khiến Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) phải liên tục tăng lãi suất để kiềm hãm lạm phát (2) Ngân hàng nhà nước Việt Nam đồng thời cũng tăng lãi suất điều hành để làm giảm áp lực lên tỷ giá, tránh mất giá đồng nội tệ cũng như kiềm hãm lạm phát đang tăng ở trong nước.

Với việc lộ trình tăng lãi suất của FED trong năm 2023 sẽ tăng thêm 2 lần mỗi lần 0,25% cho đến tháng 5/2023 và neo giữ ở mức ổn định cho đến hết năm, tỷ giá USD/VND được kỳ vọng sẽ giảm dần so với giai đoạn cuối năm 2022 và giữ ở mức ổn định cho đến hết năm 2023.

Đồng thời kinh tế Việt Nam vẫn là điểm đầu tư lý tưởng thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đi kèm với du lịch đang tăng trưởng mạnh mẽ trở lại giúp cho nguồn cung USD sẽ dồi dào, nhiều khả năng dự trữ ngoại hối của Việt Nam cũng sẽ tăng trở lại vào giai đoạn cuối năm 2023.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Thị trường chứng khoán năm 2022 và dự báo năm 2023

TTCK trong năm 2022 mở cửa tại ngưỡng điểm 1.508 điểm, cũng đồng thời là ngưỡng điểm cao nhất lịch sử mà chỉ số VN-Index có thể đạt được kể từ khi thành lập. Tuy vậy, diễn biến tích cực này đã không duy trì được lâu khi sau Quý I 2022 đi ngang và giáng cơ trong biên độ 1.445 - 1.540 điểm, TTCK đã chính thức bước vào xu hướng điều chỉnh giảm dài hạn và kết thúc năm 2022 tại ngưỡng 1.007 điểm. Bên cạnh đó, thanh khoản và giá trị giao dịch cũng ghi nhận suy giảm mạnh theo khi khối lượng giao dịch và giá trị giao dịch bình quân phiên (lần lượt ghi nhận khoảng 450 triệu cổ phiếu lệnh bình quân tương đương với giá trị giao dịch đạt khoảng 10.000 tỷ đồng) giảm chỉ còn bằng khoảng một nửa so với năm 2021. Tính chung cả năm 2022, chỉ số VN-Index ghi nhận mức suy giảm khoảng 35%, trái ngược với mức tăng trưởng 8% của nền kinh tế Việt Nam.



ĐẠT ĐỈNH

1.445 - 1.540

VN-INDEX SUY GIẢM

↓ 35%

ZERO COVID



THANH LỌC THỊ TRƯỜNG



SUY GIẢM KHẢ NĂNG TĂNG TRƯỞNG



Lý giải cho nguyên nhân suy giảm kinh tế vĩ mô của Việt Nam ghi nhận tăng trưởng tích cực, nhưng TTCK lại giảm mạnh như vậy là do Cục dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) và các ngân hàng trung ương lớn khác như châu Âu, Anh, Canada, Úc đã đồng loạt tăng mạnh lãi suất đồng ngoại tệ, trong đó có USD đã khiến giới đầu tư lo ngại các nền kinh tế trên toàn cầu có nguy cơ rơi vào suy thoái trong năm 2023. Mặt khác, lãi suất tăng đẩy giá trị đồng USD lên cao khiến các tài sản khác chịu áp lực trong đó có cổ phiếu. Bên cạnh đó, xung đột Nga - Ukraine, hay chính sách Zero Covid của Trung Quốc cũng là những yếu tố khiến giới đầu tư lo ngại về khả năng kim hãm tăng trưởng của nền kinh tế thế giới. Chưa dừng lại ở đó, TTCK Việt Nam lại tiếp tục phải chịu áp lực bán lớn bởi nhiều thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường như là việc "thanh lọc", làm trong sạch thị trường của cơ quan chức năng, với hàng loạt vụ việc bán cổ phiếu "chui" làm ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư. Ngoài ra, cú sốc tâm lý trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ cũng gây thêm tác động tiêu cực lên TTCK với tình trạng hàng loạt mã cổ phiếu rơi vào trạng thái bán giải chấp và giảm mạnh. Diễn biến cùng pha với chỉ số VN-Index, hầu hết các nhóm cổ phiếu trong năm 2022 cũng đều ghi nhận kịch bản điều chỉnh giảm. Trong đó, mức giảm mạnh nhất thuộc về các nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính (-58,7%), bất động sản (-51,7%), tài nguyên có bản (-50,7%), hóa chất (-49,8%), xây dựng & vật liệu xây dựng (-48,6%), dầu khí (-36,3%), bán lẻ (-34,4%), hàng & dịch vụ công nghiệp (-29,5%), ô tô & phụ tùng (-28,0%), du lịch & giải trí (-24,7%), y tế (-23,2%) và ngân hàng (-21,2%).

Trái ngược lại với TTCK cơ sở, thị trường phái sinh lại có một năm giao dịch vô cùng sôi động. Riêng trong năm 2022, thị trường phái sinh ghi nhận nhiều kỷ lục như có thêm 416.840 tài khoản đầu tư phái sinh được mở mới, nâng tổng số tài khoản phái sinh lên con số 1.150.883; Thanh khoản trung bình tháng đạt 249.159 hợp đồng/phiên, tăng hơn 31,9% so với bình quân năm 2021. Trái qua 5 năm, quy mô thị trường gia tăng vượt bậc và dần trở thành công cụ phòng vệ hữu hiệu, đáp ứng nhu cầu giao dịch ngắn hạn của nhà đầu tư và chính thức vượt qua mốc 1 triệu tài khoản sau 5 năm vận hành kể từ 2017.

TÀI KHOẢN ĐẦU TƯ PHÁI SINH MỞ MỚI



416.840

THANH KHOẢN TRUNG BÌNH



249.159 hợp đồng/phiên

Mặc dù TTCK có một năm giao dịch ấn tượng nhưng quy mô thị trường niêm yết lại ghi nhận tín hiệu tích cực khi tiếp tục tăng trưởng khả quan. Tính đến cuối tháng 12/2022, quy mô niêm yết, đăng ký giao dịch (ĐKGD) của thị trường đạt 1970 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 13,26% so với cuối năm 2021 với con số 757 cổ phiếu cũng như chứng chỉ quỹ niêm yết trên 2 sở giao dịch chứng khoán và 859 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch UPCoM. Bên cạnh đó, TTCK Việt Nam năm 2022 cũng chứng kiến số lượng tài khoản nhà đầu tư chứng khoán tiếp tục gia tăng kỷ lục. Theo đó, nhà đầu tư cá nhân trong nước mở mới hơn 2,48 triệu tài khoản, gấp khoảng 2,58 lần so với con số cuối năm 2021. Với con số tài khoản chứng khoán ấn tượng này, tổng số lượng tài khoản chứng khoán tại Việt Nam cuối năm 2022 đã đạt gần 6,8 triệu tài khoản, tăng 57,7% so với cuối năm 2021. Tính đến thời điểm hiện tại, tổng số tài khoản chứng khoán nhà đầu tư trong nước tương đương hơn 6,7% dân số cũng cho thấy TTCK Việt Nam vẫn còn nhiều tiềm năng, thu hút sự tham gia của các nhà đầu tư trong nước. Ở một diễn biến khác, trên thị trường trái phiếu, đến cuối tháng 12/2022, thị trường ghi nhận 447 mã trái phiếu niêm yết, với tổng giá trị niêm yết đạt hơn 1708 nghìn tỷ đồng, tăng 10,7% so với năm 2021 (tương đương với 20,1% GDP của nền kinh tế Việt Nam). Về quy mô giao dịch, giá trị giao dịch bình quân đạt 7.720 tỷ đồng/phiên,

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

↑ 13,26%

NHÀ ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC

2,48 triệu tài khoản

MÃ TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT

↑ 10,7%

Tuy nhiên, TTCK trong năm 2022 lại ghi nhận một tín hiệu tích cực đến từ nhóm nhà đầu tư nước ngoài. Cụ thể hơn, Quý IV 2022 chứng kiến diễn biến động thái mua ròng mạnh hơn 27.200 tỷ đồng của nhóm nhà đầu tư nước ngoài. Loại trừ đi các khoản giao dịch thỏa thuận thì nhóm này đã mua ròng liên tục trong 40 phiên giao dịch, có thể ghi nhận là một hiện tượng lạ do chưa từng xảy ra trong lịch sử của TTCK Việt Nam. Tính chung cả năm 2022, nhóm nhà đầu tư nước ngoài đã giải ngân mua ròng vào thị trường 29.238 tỷ đồng. Trước đó, nhóm này đã bán ròng 18.794 tỷ đồng trong năm 2020 và xác lập kỷ lục bán ròng tại 62.237 tỷ đồng trong năm 2021. Một điểm đáng chú ý là dòng tiền giải ngân mạnh này của khối ngoại trong quý IV có sự tham gia hỗ trợ của dòng tiền nóng mua chứng khoán thông qua chứng chỉ P-Notes và dòng vốn ETF đổ vào thị trường, trong đó chủ yếu đến từ Fubon ETF và các quỹ ETF dựa trên chỉ số VNDiamond.

NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI MUA RÒNG MẠNH

↑ 27.200 tỷ đồng



GIẢI NGẮN MẠNH TỪ

Fubon ETF, ETF



CƠ HỘI ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2023

- Năm 2023, mặc dù nền kinh tế vĩ mô nói chung và thị trường chứng khoán thế giới cũng như Việt Nam được dự báo vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức nhưng TTCK Việt Nam vẫn được đánh giá còn nhiều cơ hội và dự địa để phát triển. Theo đó, với nền kinh tế được dự báo tăng trưởng ở mức độ tương đối tốt so với khu vực và trên thế giới trong năm 2023 cùng tâm lý nhà đầu tư tích cực trở lại, kỳ vọng TTCK sẽ tiếp tục duy trì được dự địa hồi phục. Tuy nhiên, với nền lãi suất được duy trì ở mức cao sẽ gây khó khăn trong việc thu hút dòng vốn tham gia mới hoặc quay trở lại vào TTCK, do đó áp lực điều chỉnh và rung lắc được dự báo vẫn sẽ còn tiếp diễn trong nửa đầu năm 2023.
- Với kịch bản cơ sở, chỉ số VN-Index được dự báo có thể sẽ tạo đáy tại ngưỡng 985 điểm trong bối cảnh những khó khăn và rung lắc sẽ phần nhiều tập trung vào trong 6 tháng đầu năm 2023, nhưng sẽ dần cải thiện tích cực và trở nên ổn định hơn ở 6 tháng cuối năm khi kỳ vọng áp lực lãi suất giảm bớt và kinh tế phục hồi trở lại. Theo đó, với kịch bản này, chỉ số VN-Index có thể kết thúc năm 2023 trong vùng 1.150-1.160 điểm. Kịch bản thận trọng, nếu suy thoái lớn bất ngờ xảy ra, chỉ số VN-Index có khả năng về mức đáy thấp nhất 780 điểm và dao động trong khoảng 780 - 1.100 điểm. Cuối cùng, với kịch bản tích cực thì TTCK Việt Nam trong năm 2023 được kỳ vọng sẽ tạo đáy ổn định tại ngưỡng 985 điểm và kết thúc năm 2023 tại ngưỡng 1.300 điểm.
- Theo đó, các nhóm ngành cổ phiếu được đánh giá cao gồm có nhóm cổ phiếu được hưởng lợi từ việc đẩy mạnh hoạt động giải ngân đầu tư công (xây dựng & nguyên vật liệu), nhóm cổ phiếu ngân hàng với mức tăng trưởng ổn định, nhóm cổ phiếu chứng khoán kỳ vọng hồi phục và hưởng lợi theo sự hồi phục và phát triển của thị trường chung. Ngoài ra, trong nửa cuối năm 2023, các nhóm cổ phiếu đáng chú ý khác như bán lẻ, dệt may và thủy sản trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng và sức mua trong nước cũng như trên thế giới được kỳ vọng sẽ hồi phục trở lại. Cuối cùng, các nhóm cổ phiếu hàng không, du lịch và dịch vụ lưu trú cũng nên được đặc biệt lưu ý với kỳ vọng các hoạt động du lịch sau hai năm bị đình trệ do dịch bệnh sẽ trở nên bùng nổ trở lại trong điều kiện bình thường mới hậu Covid.



TRẢI NGHIỆM
DỊCH VỤ



01. TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Tư vấn tài chính doanh nghiệp đang là thế mạnh lớn của VietinBank Securities, nhận được đánh giá cao trên TTCK Việt Nam. Với hơn 20 năm kinh nghiệm và lịch sử hoạt động hiệu quả, VietinBank Securities không ngừng hoàn thiện chất lượng dịch vụ và nỗ lực cung cấp cho khách hàng doanh nghiệp sản phẩm tư vấn đa dạng và toàn diện với giá trị gia tăng cao, bao gồm:

1.1 TƯ VẤN MUA BÁN SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP (M&A)

VietinBank Securities thực hiện vai trò là cầu nối cho tiến trình thực hiện mua bán, sáp nhập doanh nghiệp thông qua việc giới thiệu cơ hội đầu tư, tư vấn cấu trúc giao dịch và hỗ trợ đàm phán nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng. Bằng việc, kết hợp với Khối ngân hàng đầu tư (IB) của VietinBank, VietinBank Securities tin tưởng sẽ mang đến dịch vụ Tư vấn M&A chuyển nghiệp với chất lượng cao.

1.2 TƯ VẤN PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN & ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

VietinBank Securities sẽ hỗ trợ các Doanh nghiệp có nhu cầu nâng cao năng lực tài chính; bổ sung nguồn vốn tài trợ các dự án; mở rộng hoạt động, lĩnh vực sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động, tái cơ cấu các khoản nợ...

Với vai trò tổ chức tài chính trung gian, đối tác và khách hàng đa dạng, rộng khắp, VietinBank Securities hỗ trợ Doanh nghiệp thực hiện thành công phương án huy động vốn khó thi và có lợi nhất. VietinBank Securities sẽ đồng hành cùng doanh nghiệp trong phát hành chứng khoán từ xác định nhu cầu, xây dựng phương án đến phân phối chứng khoán. Căn cứ vào tình hình thị trường, nhu cầu và hoạt động của doanh nghiệp, VietinBank Securities sẽ cung cấp dịch vụ phát hành chứng khoán trên thị trường vốn (có phiếu) hay thị trường nợ (trái phiếu).

1.3 TƯ VẤN NIÊM YẾT/ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

VietinBank Securities hỗ trợ Doanh nghiệp có nhu cầu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán UPCOM theo một lộ trình cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp và thị trường.

1.4 TƯ VẤN CỔ PHẦN HÓA/ CHUYỂN ĐỔI DOANH NGHIỆP

Với một đội ngũ chuyên gia có nhiều kinh nghiệm, VietinBank Securities tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc cung cấp các giải pháp chuyển đổi mô hình doanh nghiệp.

VietinBank Securities tham gia ngay từ giai đoạn đầu tiên khi doanh nghiệp bắt đầu xây dựng chiến lược cổ phần hóa, xây dựng phương án cổ phần hóa, bán đấu giá cổ phần, tư vấn tổ chức Đại hội đồng cổ đông... Không những vậy, VietinBank Securities còn hỗ trợ khách hàng trong quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp trước và sau cổ phần hóa, tìm kiếm nhà đầu tư tiềm năng cho doanh nghiệp.

1.5 TƯ VẤN CHUYỂN NHƯỢNG CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VÀ BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

VietinBank Securities cung cấp dịch vụ Tư vấn Chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính và Bán đấu giá cổ phần. Bằng kinh nghiệm và sự am hiểu về thị trường, VietinBank Securities đã thực hiện thành công rất nhiều thương vụ Chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính cho nhiều Tổng công ty, Tập đoàn kinh tế nhà nước trong thời gian qua như Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC), Tổng Công ty lương thực Miền Bắc, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam...

1.6 TƯ VẤN QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ (IR)

IR là hoạt động chuyên biệt trong hoạt động quan hệ công chúng (PR) của doanh nghiệp bao gồm hai nghiệp vụ Tài chính và Truyền thông có vai trò xây dựng chiến lược cổ đông, công bố thông tin, cầu nối giữa doanh nghiệp và nhà đầu tư đồng thời quảng bá hình ảnh doanh nghiệp.

Giá cổ phiếu của một doanh nghiệp là do nhà đầu tư quyết định mà thông tin chính là nền tảng cho mọi quyết định của nhà đầu tư. Vì vậy, một doanh nghiệp muốn giữ chân cổ đông hiện hữu và thu hút thêm ngày càng nhiều cổ đông mới không thể không quan tâm đến IR. VietinBank Securities cung cấp Dịch vụ Quan hệ Nhà Đầu Tư (IR) trọn gói cho Quý doanh nghiệp, bao gồm:

- Tư vấn soạn thảo kế hoạch IR hàng năm;
- Phân tích và đánh giá dòng thông tin, tình hình tài chính, tình hình hoạt động chung của DN từ đó đưa ra giải pháp, thông điệp cần truyền tải;
- Chuẩn bị bộ tài liệu cho báo chí, cho cổ đông trong các cuộc họp báo, hội thảo, đại hội đồng cổ đông;
- Biên tập các bài phát biểu của Lãnh đạo doanh nghiệp tại các sự kiện đối ngoại và hoạt động IR khác;
- Tổ chức cuộc gặp gỡ, hội thảo, tiếp xúc, trao đổi với Nhà Đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư tổ chức;
- Tư vấn lên kế hoạch ngân ngừa và xử lý khủng hoảng;
- Tư vấn Đánh giá và thiết kế lại bộ nhận diện thương hiệu.

1.7 TƯ VẤN ĐẦU TƯ & CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH

Trung tâm Nghiên cứu phân tích đã xây dựng được vị thế là một đơn vị cung cấp thông tin nhanh, kịp thời chính xác cho các nhà đầu tư. Với định hướng xây dựng phong cách đầu tư giá trị bằng những tư vấn chuyên sâu thông qua hoạt động phân tích cơ bản, phân tích ngành, VietinBank Securities đang trở thành địa chỉ đáng tin cậy của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp thông qua các hoạt động:

- Phát hành Báo cáo phân tích cổ phiếu, ngành, thị trường, vĩ mô;
- Cung cấp dịch vụ Tư vấn chiến lược tài chính cho doanh nghiệp;
- Tổ chức hội thảo chuyên ngành chứng khoán.

1.8 TƯ VẤN KHÁC

Để đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, VietinBank Securities cung cấp nhiều sản phẩm tư vấn đa dạng như:

- Phân tích tài chính dự án;
- Tư vấn tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường;
- Tư vấn đăng ký chứng khoán;
- Tư vấn đăng ký/ hủy đăng ký công ty đại chúng,...

02. BẢO LÃNH PHÁT HÀNH



Bảo lãnh phát hành chứng khoán là việc VietinBank Securities hỗ trợ khách hàng thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán, nhận mua một phần hay toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành để bán lại, hoặc mua số chứng khoán còn lại chưa được phân phối hết của tổ chức phát hành, hoặc hỗ trợ tổ chức phát hành trong việc phân phối chứng khoán ra công chúng.

Là một trong những công ty chứng khoán có bề dày kinh nghiệm và uy tín trên thị trường, VietinBank Securities luôn tự hào là đơn vị sở hữu đội ngũ chuyên gia tư vấn giàu kinh nghiệm và được đào tạo bài bản. Các chuyên gia tư vấn của chúng tôi

đã tham gia thực hiện bảo lãnh phát hành thành công cho nhiều doanh nghiệp, tập đoàn lớn trong nước như Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc – CTCP, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu,... Bên cạnh đó, với năng lực tài chính vững mạnh và mạng lưới khách hàng phủ sóng rộng khắp trong cả nước, VietinBank Securities luôn tin tưởng vào khả năng thực hiện thành công các đợt bảo lãnh phát hành chứng khoán cho khách hàng theo tất cả các phương thức: bảo lãnh theo phương thức cam kết chắc chắn; bảo lãnh theo phương thức cố gắng tối đa; bảo lãnh theo phương thức tất cả hoặc không...

KINH NGHIỆM TRONG LĨNH VỰC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHỨNG KHOẢN

Từ giai đoạn 2015 trở lại đây, VietinBank Securities đã đẩy mạnh hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán, đặc biệt là mảng nghiệp vụ bảo lãnh phát hành trái phiếu. Nhờ kinh nghiệm, năng lực nội tại và sự am hiểu trên thị trường, VietinBank Securities đã thực hiện bảo lãnh phát hành thành công cho nhiều đợt phát hành của các đơn vị, doanh nghiệp, Tập đoàn lớn trong nước như: thực hiện bảo lãnh phát hành thành công 500 tỷ đồng mệnh giá trái phiếu chính quyền địa phương tỉnh Bắc Ninh năm 2015; thực hiện bảo lãnh phát hành thành công cho nhiều đợt phát hành của doanh nghiệp, tập đoàn lớn với tổng giá trị phát hành của các đợt lên tới gần 4.000 tỷ đồng như Trái phiếu Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc – CTCP, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, Công ty Cổ phần Quốc tế CST, Công ty Cổ phần An Viên, Công ty Cổ phần Cơ điện Minh Quang...

03. DỊCH VỤ CHỨNG KHOẢN

MÔI GIỚI

Trong sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt trên thị trường chứng khoán về thị phần, CTS luôn nhận thấy thách thức từ các đối thủ cạnh tranh ngày càng lớn, sự biến động về kinh tế vĩ mô đi kèm sự thay đổi chính sách liên tục từ vĩ mô trong nước. Nhận thức rõ điều này nên CTS xác định nguồn lực chủ chốt trong hoạt động môi giới chính là đội ngũ nhân sự cốt cán giàu kinh nghiệm, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và có chuyên môn cao. Đội ngũ Môi giới của CTS sẽ luôn tận tâm hỗ trợ khách hàng mở tài khoản và giải đáp thắc mắc liên quan đến giao dịch và dịch vụ. Dịch vụ Môi giới bao gồm:

- Môi giới giao dịch Chứng khoán Cơ sở; Chứng khoán phái sinh; CCO không niêm yết.
- Môi giới các sản phẩm tài chính khác.
- Giao dịch thỏa thuận, tìm khách hàng đối ứng trực tiếp: Đây là sản phẩm dành cho những khách hàng cần tư vấn tìm đối tác thực hiện giao dịch mua/bán cổ phần của Công ty, Nhà đầu tư có nhu cầu giao dịch trái phiếu trên các sàn; các loại chứng khoán giao dịch qua kênh: Trái phiếu Chính phủ (Trái phiếu Kho bạc Nhà nước, Tín phiếu Kho bạc Nhà nước), Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương; Trái phiếu doanh nghiệp, cổ phiếu (niêm yết, OTC ...).

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Với việc xác định hoạt động tư vấn đầu tư là một trong những hoạt động mang tính cốt lõi của môi giới, Phòng Môi giới và TVĐT luôn kết hợp với Phòng NCPT&SPĐT đưa ra những sản phẩm phân tích tốt hơn và mang tính thực tiễn. Việc lập các room tư vấn, khuyến nghị NĐT theo dõi và giao dịch bám sát với diễn biến của thị trường cũng đem lại rất nhiều hiệu quả tích cực từ phía Nhà đầu tư đối với CTS. Khuyến nghị mua/ bán đã được diễn ra chủ động hơn và thường xuyên hơn để qua đó nhanh chóng đưa thông tin cho khách hàng một cách hiệu quả nhất.

QUẢN LÝ CHỨNG KHOẢN

Quản lý cổ đông/quản lý trái chủ

VietinBank Securities là đối tác tin cậy cho các công ty cổ phần sử dụng dịch vụ Quản lý cổ đông. Với nền tảng công nghệ hiện đại, cổ đông có thể tra cứu thông tin trực tuyến, chuyển nhượng cổ phần với chi phí thấp nhất. Hiện tại, dịch vụ Quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán là nghiệp vụ mà trong đó CTS được uỷ quyền một phần hoặc toàn bộ từ Tổ chức phát hành (TCPH) để thực hiện các công việc cụ thể sau: Quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán; Quản lý thực hiện quyền; Quản lý chuyển nhượng cổ phần; Thực hiện chế độ báo cáo; Lưu ký tập trung khi niêm yết hoặc có yêu cầu.

Lưu ký chứng khoán

Các hoạt động như lưu ký chứng khoán; rút chứng khoán đã lưu ký; Chuyển khoản chứng khoán; Bán chứng khoán lẻ lẻ; Phong tỏa chứng khoán để thực hiện nghĩa vụ với các bên thứ ba... đều đã được VietinBank Securities thực hiện một cách nhanh chóng và thuận tiện theo yêu cầu của khách hàng.

Thực hiện quyền

Mọi thủ tục phát sinh từ thực hiện Quyền tư chứng khoán lưu ký của khách hàng trên tài khoản đều được CTS giải quyết kịp thời, đầy đủ cũng như luôn có tinh thần hỗ trợ, lắng nghe thắc mắc của khách hàng và giải đáp thỏa đáng bằng cách gặp trực tiếp, email, hoặc qua điện thoại.

04. DỊCH VỤ HỖ TRỢ TÀI CHÍNH

Cho vay giao dịch kỳ quỹ

Để thu hút và tạo điều kiện thuận lợi tới việc hỗ trợ xếp vốn ngắn hạn cho những nhà đầu tư lớn của doanh nghiệp hoặc lãnh đạo doanh nghiệp, các nhà đầu tư mở tài khoản tại CTS nguồn vốn chủ sở hữu lớn, CTS đáp ứng tốt nhất nhu cầu vay vốn giao dịch kỳ quỹ của khách hàng với lãi suất hấp dẫn, danh mục cổ phiếu cho vay đa dạng.

Hỗ trợ giao dịch ứng trước tiền bán chứng khoán tự động

Hỗ trợ thực hiện ứng trước tiền bán chứng khoán tự động theo nhu cầu thực tế phát sinh hàng ngày, nhằm nâng cao hiệu quả giao dịch của khách hàng. Lãi suất ứng trước tiền bán chứng khoán cạnh tranh và hạn mức ổn định.



DANH SÁCH KHÁCH HÀNG, ĐỐI TÁC TIÊU BIỂU





BÁO CÁO
QUẢN TRỊ



01. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU VỐN CỔ PHẦN CỦA VIETINBANK SECURITIES

Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty như sau:

VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY KHỐI LƯỢNG CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1.487.383.110.000 ĐỒNG **148.738.311 CỔ PHIẾU**

KHỐI LƯỢNG CỔ PHIẾU LƯU HÀNH KHỐI LƯỢNG CỔ PHIẾU QUỸ

148.701.349 CỔ PHIẾU **36.962 CỔ PHIẾU**

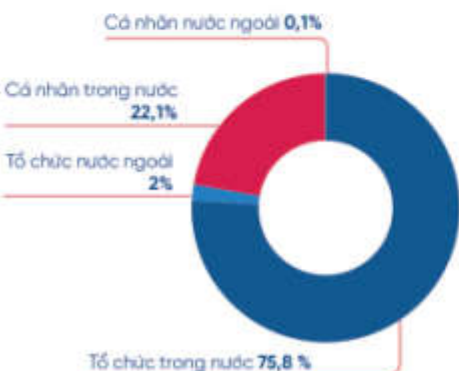
Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5,0% vốn cổ phần của VietinBank Securities tại thời điểm ngày chốt danh sách cổ đông 31/12/2022

TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CMND/CCCD/ĐKDN/MGD	SỐ CP SỞ HỮU	TỶ LỆ
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM	Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/07/2009	112498833	75,635%

Đại diện bởi:

Ông Trần Phúc Vinh	040089000043	44.999533	30,245%
Ông Vũ Đức Mạnh	025081000187	33.749650	22,691%
Ông Đặng Anh Hào	001084029689	33.749650	22,691%

Cơ cấu vốn cổ phần của VietinBank Securities



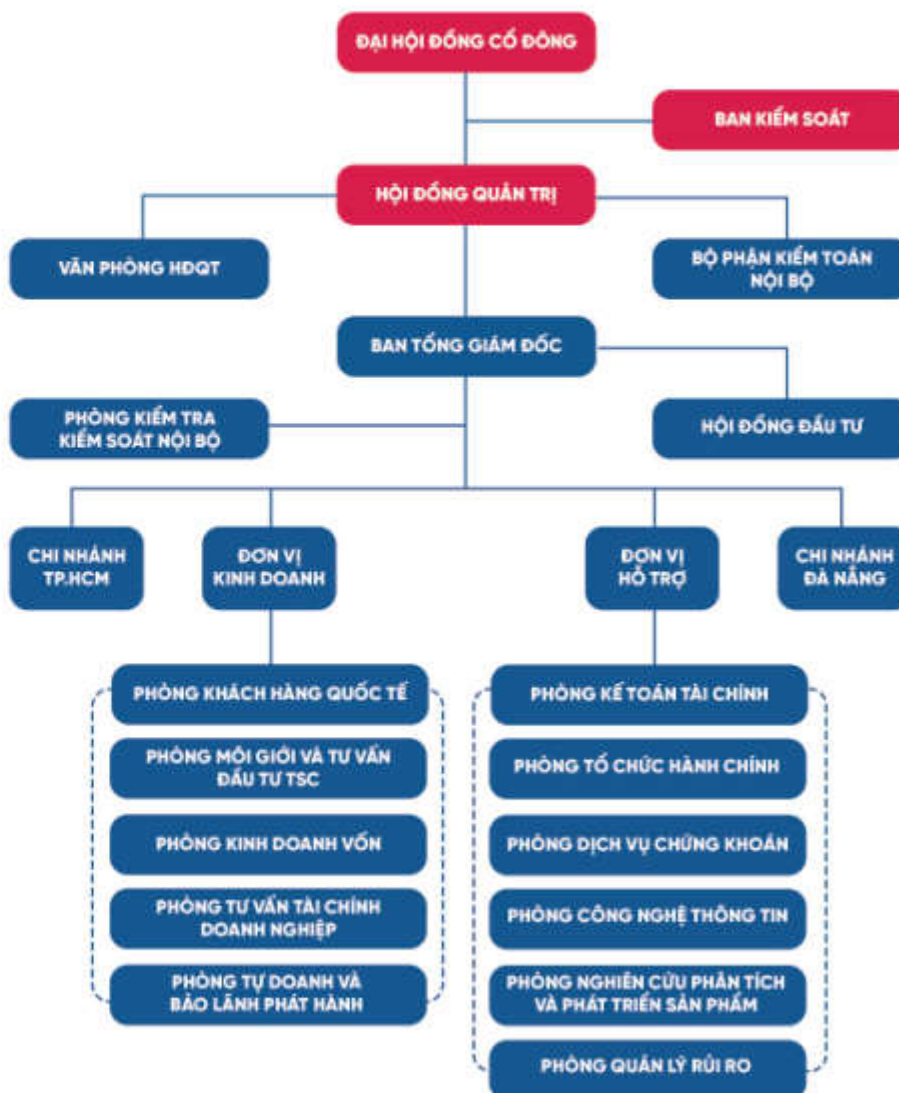
Tình hình thay đổi vốn điều lệ

Triển khai thành công phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức

Năm 2022, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 1.064 lên 1.487 tỷ đồng qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (với tỷ lệ lần 1 là 8%, lần 2 là 21,96%) và phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 74,6%. Vốn điều lệ tăng tạo tiền đề để Công ty nâng cao năng lực tài chính, tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh, đảm bảo các tỷ lệ an toàn vốn, nâng cao năng lực Quản trị rủi ro (QTRR), tạo đà tăng trưởng bền vững của Công ty.

02. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

VietinBank Securities được tổ chức quản trị theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán với cơ cấu như sau:



03. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG TRẦN PHÚC VINH

1989

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thạc sỹ Tài chính đầu tu.

Ông giữ chức vụ Chủ tịch hội đồng quản trị từ ngày 11/11/2021 đến nay.

Trước đó, ông từng giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Quyền Tổng Giám đốc VietinBank Securities, Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội, Phó phòng Thị trường vốn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam,...



ÔNG ĐẶNG ANH Hào

1984

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Thạc sỹ ngành Tiền tệ, Ngân hàng và Tài chính.

Ông giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam từ ngày 27/04/2020 đến nay.

Trước đó, ông từng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam, Phó Giám đốc CN (Bán lẻ) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành, Cán bộ giúp việc Ban Kiểm Soát, Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam,...



ÔNG VŨ ĐỨC MẠNH

1981

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Ông giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam từ ngày 10/11/2021 đến nay.

Trước đó, ông từng giữ chức vụ Trưởng phòng Thị trường vốn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ VietinBank, Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam,...



BÀ HỒ THỊ THU HIẾN

1980

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thạc sỹ Ngân hàng Tài chính.

Bà giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam từ ngày 11/11/2021 đến nay.

Bà cũng đang giữ chức vụ Trưởng phòng - Phòng Thị trường Vốn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam.

Trước đó, bà từng giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam, Phó phòng - Phòng Kinh doanh Vốn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam,...



BÀ NGUYỄN THỊ THU HẰNG

1964

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng
Bà giữ chức vụ Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam từ ngày 04/07/2022 đến nay.

Trước đó, bà từng giữ chức vụ Giám đốc Trưởng Đào tạo và Phát triển Nguồn nhân lực - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Trưởng phòng Quản lý rủi ro hoạt động - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Trưởng phòng Chế độ tín dụng và đầu tư - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam,...

**BÀ LÂM THỊ THU HƯƠNG**

1983

CỬ NHÂN TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Thạc sĩ ngành Tiến tệ, Ngân hàng và Tài chính.
Bà giữ chức vụ Thành viên Ban kiểm soát - CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam từ tháng 06/2019 - nay đến nay.

Trước đó, bà từng giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát kiêm phụ trách Bộ phận Kiểm toán nội bộ - CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Cán bộ phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ - CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Tổ trưởng Tổ giám sát Phòng Dịch vụ chứng khoán - CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam,...

**04. BAN KIỂM SOÁT****BÀ PHAN THỊ THU HẰNG**

1980

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Cử nhân Kế toán doanh nghiệp
Bà giữ chức vụ Trưởng ban Ban Kiểm soát - Công ty Chứng khoán Công thương từ ngày 10/04/2019 đến nay.

Trước đó, bà từng giữ chức vụ Chuyên viên chính phòng Kiểm toán nội bộ - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Phó phòng Tài chính - Kế toán - Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý VietinBank, Nhân viên phòng Tài chính - Kế toán - Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý VietinBank

**BÀ TRẦN THỊ KIM OANH**

1984

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Thạc sĩ kinh tế.
Bà giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm Soát - CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam từ tháng 01/2022 đến nay.

Trước đó, bà từng giữ chức vụ Chuyên viên cao cấp - Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chuyên viên chính - Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam,...



05. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ÔNG VŨ ĐỨC MẠNH

1981

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM
TỔNG GIÁM ĐỐC

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Xem thông tin chi tiết tại mục Hội đồng quản trị.



ÔNG PHẠM NGỌC HIỆP

1978

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Thạc sỹ Ngân hàng Tài chính.
Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc – Công ty Cổ phần Chứng
khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam từ tháng 11/2019 đến
nay.

Trước đó, ông từng giữ chức vụ Trưởng phòng Tư Vấn – Công ty
TNHH Quản lý Quỹ VietinBank; Thành viên BKS - Công ty Cổ
phần giao nhận hàng hóa Nasco, Trưởng Ban Kiểm soát – Tổng
công ty Cơ điện xây dựng.



ÔNG ĐẶNG ANH HẢO

1984

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Thạc sĩ ngành Toán, Ngân hàng và Tài chính.

Xem thông tin chi tiết tại mục Hội đồng quản trị.



ÔNG NGUYỄN TUẤN ANH

1983

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán
Ngân hàng Công thương Việt Nam từ ngày 01/08/2020 đến nay.

Trước đó, ông từng giữ chức vụ Chuyên viên cao cấp Phòng Định
chế Tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chuyên
viên cao cấp Phòng Thị trường Vốn Ngân hàng TMCP Công
thương Việt Nam, Chuyên viên chính Phòng Thị trường Vốn
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.



BÀ BÀ TRẦN THỊ NGỌC TÀI

1982

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Bà giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam từ ngày 30/03/2022 đến nay.

Trước đó, bà từng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty quản lý quỹ NH TMCP Công thương Việt Nam, Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty quản lý quỹ NH TMCP Công thương Việt Nam, Phó phòng Pháp chế - KSNB Công ty quản lý quỹ NH TMCP Công thương Việt Nam,...

**06. KẾ TOÁN TRƯỞNG KIỂM TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN TÀI CHÍNH****BÀ NGUYỄN THỊ ANH THU**

1979

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Bà giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam từ ngày 22/09/2020 đến nay.

Trước đó, bà từng giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Toàn cầu VietinBank, Phó trưởng phòng Kế toán Tài chính Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Toàn cầu VietinBank, Kiểm soát viên Phòng Kế toán Tài chính Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Toàn cầu VietinBank,...

**07. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

7.1

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

BỐI CẢNH KINH DOANH

Năm 2022 là năm khó khăn của nền kinh tế thế giới và Việt Nam đã khiến thị trường chứng khoán diễn biến tiêu cực theo chiều hướng không thể dự báo trước, việc Cục dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) và các ngân hàng trung ương lớn khác như Châu Âu, Anh, Canada, Úc đã tăng mạnh lãi suất đồng ngoại tệ đã khiến giới đầu tư lo ngại các nền kinh tế trên toàn cầu có thể rơi vào suy thoái trong năm 2023; xung đột Nga - Ukraine, hay chính sách Zero Covid của Trung Quốc cũng là những yếu tố khiến giới đầu tư lo ngại về khả năng kim hãm tăng trưởng của nền kinh tế khi đã làm đứt gãy, gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, gập áp lực lên lên lạm phát từ cả phía cung và cầu hàng hóa, đặc biệt là giá nguyên, nhiên liệu và giá lương thực, thực phẩm. Do vậy, thị trường chứng khoán Việt Nam đã chứng kiến một sự sụt giảm mạnh nhất của chỉ số Vn-Index 911,9 điểm tại ngày 15/11/2022, tương đương mức giảm 40,34%. Theo thống kê của Ủy

ban Chứng khoán Nhà nước, tại ngày 31/12/2022, tổng giá trị vốn hóa của thị trường chứng khoán Việt Nam là 5.226.609 tỷ đồng (chưa bao gồm thị trường trái phiếu doanh nghiệp), giảm 2,91% so với cuối tháng 11/2022 và giảm 32,7% tổng giá trị vốn hóa so với cùng thời điểm năm 2021, tương đương 55% GDP. Ngoài ra, Thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục phải chịu áp lực bởi nhiều thông tin tiêu cực như việc khởi tố điều tra và bắt giữ, tạm giam lãnh đạo nhiều Doanh nghiệp, Tập đoàn lớn; tình hình bất lợi đến từ các yếu tố vĩ mô như việc siết room tín dụng từ phía Ngân hàng Nhà nước, tăng lãi suất điều hành, biến động về tỷ giá hay việc thắt chặt quy định về đầu tư trái phiếu doanh nghiệp của các tổ chức tín dụng, thị trường trái phiếu doanh nghiệp diễn biến phức tạp với hàng loạt thông tin về việc các tổ chức phát hành không thanh toán gốc/lãi trái phiếu cho trái chủ.

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Trước những thách thức và diễn biến khó lường của thị trường, Công ty đã bám sát, đánh giá và đưa ra các quyết định, chỉ đạo kịp thời để thực hiện các mục tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đề ra. Kết thúc năm 2022, tổng doanh thu và thu nhập khác của Công ty đạt 876,13 tỷ đồng (trong đó doanh thu hoạt động kinh doanh và doanh thu hoạt động tài chính là 876,04 tỷ đồng), giảm 17,88% so với năm 2021. Lợi nhuận trước thuế năm 2022 của Công ty đạt 78,794 tỷ đồng, giảm mạnh 83,65% so với năm 2021, hoàn thành 15,6% kế hoạch Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 giao. Cụ thể, Hội đồng quản trị (HĐQT) đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty năm 2022 như sau:

TRIỂN KHAI THÀNH CÔNG PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ THÔNG QUA PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TRẢ CỔ TỨC

Đại hội đồng cổ đông Công ty đã nhất trí thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (với tỷ lệ lần 1 là 8%, lần 2 là 21,96%) và phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 74,6%, tăng vốn điều lệ từ 1.064 lên 1.487 tỷ đồng. Vốn điều lệ tăng tạo tiền đề để Công ty nâng cao năng lực tài chính, tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh, đảm bảo các tỷ lệ an toàn vốn, nâng cao năng lực QTRR, tạo đà tăng trưởng bền vững của Công ty.

CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI

Năm 2022, VietinBank Securities tiếp tục duy trì và thực hiện tốt các hoạt động thiết thực trong công tác từ thiện, an sinh xã hội. Ngoài việc tiếp tục đóng góp ngày lương cơ bản và lương kinh doanh một năm để ủng hộ Quỹ tình nghĩa. Công ty đã và đang nỗ lực khởi xướng và đóng góp vào các chương trình thiện nguyện có ý nghĩa thiết thực, tác động lâu dài cho sự phát triển bền vững của xã hội và cộng đồng.

KIỆN TOÀN MÔ HÌNH TỔ CHỨC

Mô hình tổ chức của Công ty tiếp tục được kiện toàn để đẩy mạnh triển khai các kế hoạch của Công ty. Trong năm, Hội đồng quản trị Công ty đã ra quyết định thành lập Văn phòng Hội đồng quản trị và phòng Khách hàng Quốc tế với những chức năng, nhiệm vụ phù hợp với chiến lược phát triển và định hướng kinh doanh của Công ty.

Việc kiện toàn mô hình tổ chức gắn với triển khai chủ động, đồng bộ các giải pháp về nâng cao chất lượng nhân sự, hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt có tư duy, tầm nhìn, có tinh thần đổi mới sáng tạo và khát vọng cống hiến vì lợi ích chung. Bên cạnh đó, Công ty đã triển khai hiệu quả các giải pháp về chính sách sử dụng lao động, định biên lao động và bố trí nhân sự đáp ứng nhanh, kịp thời nhu cầu kinh doanh, chuẩn hóa, tinh gọn mô hình hoạt động các phòng nghiệp vụ để tối ưu hóa nguồn lao động chất lượng, hiệu quả, hợp lý.

TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro tại Công ty năm 2022 tiếp tục được chú trọng nhằm nâng cao hiệu quả trong việc hỗ trợ các hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua việc rà soát, phát hiện sớm rủi ro tiềm ẩn và tư vấn kịp thời cho Ban Lãnh đạo để đưa ra các quyết định trong quản trị điều hành và triển khai hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả, an toàn, đúng pháp luật.



7.2

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Thông qua hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị (HDQT) đối với Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) Công ty, HDQT nhận thấy Ban TGD đã triển khai kịp thời đầy đủ các nội dung định hướng, chỉ đạo của HDQT và các công việc theo chức năng nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở định hướng chỉ đạo, hoạt động của HDQT, Ban TGD đã xây dựng, triển khai chỉ đạo, giao chỉ tiêu, nhiệm vụ kinh doanh cụ thể tại từng đơn vị liên quan thực hiện, có báo cáo đầy đủ, kịp thời đến HDQT về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Tại các phiên họp định kỳ của HDQT, Ban TGD báo cáo đầy đủ về các mảng hoạt động của Công ty và kế hoạch Hoạt động kinh doanh trong các tháng tới, Ban TGD cũng báo cáo tiến độ, kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HDQT; báo cáo theo yêu cầu của HDQT. HDQT ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của Ban TGD trong việc thực hiện nhiệm vụ và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được ĐHCĐ thường niên 2022 giao. Các thành viên trong Ban TGD đã phát huy tinh thần gương mẫu, trách nhiệm trong việc xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, lan toả văn hoá doanh nghiệp và gắn kết người lao động trong các hoạt động của Công ty.

7.3

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trên cơ sở những nhận định về thị trường chứng khoán năm 2023, HDQT sẽ tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả quản trị điều hành và quản lý rủi ro tại Công ty, duy trì và đẩy mạnh phát triển đối với các mảng hoạt động kinh doanh tiềm năng và cốt lõi phù hợp với xu hướng và nhận định thị trường, cụ thể như sau:

- Triển khai thực hiện nội dung, kế hoạch kinh doanh đã được Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2022 thông qua; bám sát diễn biến thị trường để kịp thời chỉ đạo và xây dựng chiến lược trung và dài hạn của Công ty phù hợp định hướng phát triển của Công ty;
- Nâng cao năng lực quản trị Công ty phù hợp với quy định pháp luật để đảm bảo khai thác các nguồn lực hiệu quả, tạo ra các giá trị bền vững trong dài hạn, và thu hút nguồn vốn đầu tư vào Công ty;
- Quản lý an toàn, hiệu quả nguồn vốn của Cổ đông và nguồn vốn vay;
- Tiếp tục duy trì hoạt động của Công ty một cách an toàn, hạn chế rủi ro, minh bạch thông tin với các Bên liên quan; Sẵn sàng hệ thống, quy trình, con người, nguồn vốn để triển khai và phát triển các sản phẩm mới phù hợp nhu cầu thị trường;
- Tiếp tục chú trọng triển khai các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng theo chủ trương của Đảng và Chính phủ.



08. QUẢN TRỊ CÔNG TY

8.1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chức danh khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

Năm 2022, Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty có 5 thành viên, đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HDQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Cơ cấu thành viên HDQT Công ty đáp ứng yêu cầu có ít nhất 1/3 số thành viên HDQT là thành viên HDQT độc lập và không điều hành (Công ty hiện có 01 thành viên độc lập HDQT) để đảm bảo tính độc lập, khách quan trong hoạt động của HDQT.

Danh sách thành viên HDQT của Công ty:

STT	THÀNH VIÊN HDQT	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CHỨC DANH THÀNH VIÊN HDQT NẪM GIỮ TẠI CÁC CÔNG TY KHÁC
01	ÔNG TRẦN PHÚC VINH	CHỦ TỊCH	Không
02	ÔNG VŨ ĐỨC MẠNH ⁽¹⁾	THÀNH VIÊN	Không
03	ÔNG ĐĂNG ANH HẢO	THÀNH VIÊN	Không
04	BÀ HỒ THỊ THU HIẾN	THÀNH VIÊN	Trưởng phòng Thị trường vốn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
05	BÀ NGUYỄN THỊ THU HẰNG ⁽²⁾	THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP	Không

(1) Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 của Công ty tổ chức vào ngày 10/01/2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung chức vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty, theo đó:

- Thành viên HDQT được miễn nhiệm từ 10/01/2022: Bà Hà Thu Phương (thành viên HDQT).
- Thành viên HDQT được bầu bổ sung từ 10/01/2022: Ông Vũ Đức Mạnh (thành viên HDQT).

(2) Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Công ty tổ chức ngày 21/03/2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc miễn nhiệm thành viên độc lập Hội đồng quản trị, theo đó:

- Thành viên độc lập HDQT được miễn nhiệm từ 21/03/2022: Bà Trần Thị Thìn.
- Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2022 của Công ty tổ chức ngày 04/07/2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc bầu bổ sung chức vụ thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty, theo đó:
- Thành viên độc lập HDQT được bầu bổ sung từ 04/07/2022: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty có 03 (ba) thành viên là Ông Trần Phúc Vinh – Chủ tịch HDQT, Bà Hồ Thị Thu Hiến – Thành viên HDQT và Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Thành viên độc lập HDQT. Cơ cấu Hội đồng quản trị gồm có 03 (ba) thành viên không điều hành đảm bảo cho Hội đồng quản trị độc lập và hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban).

HDQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc HDQT. Tuy nhiên để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, HDQT đã:

- Ngày 20/03/2022, Bà Trần Thị Thìn đã có Đơn xin từ nhiệm chức vụ Thành viên độc lập HDQT và tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Công ty tại ngày 21/03/2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên độc lập HDQT đối với Bà Trần Thị Thìn. Ngày 04/07/2022, tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2022 của Công ty, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc bầu bổ sung chức vụ thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty đối với bà Nguyễn Thị Thu Hằng kể từ ngày 04/07/2022.
- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HDQT phụ trách các mảng hoạt động cụ thể để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HDQT một cách toàn diện, đầy đủ, tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động và các quy định nội bộ của Công ty.
- Tiếp tục duy trì và tăng cường vai trò của Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HDQT. Bộ phận Kiểm toán nội bộ tại Công ty thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định tại Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Kiểm toán nội bộ và Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ cụ thể do Hội đồng quản trị giao. Hiện tại Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HDQT Công ty có 01 nhân sự là Trưởng Bộ phận.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Đánh giá hoạt động của HDQT:

- Hội đồng quản trị Công ty đã giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.
- Thực hiện phân công nhiệm vụ các thành viên HDQT và phê duyệt tờ trình của Tổng giám đốc về việc phân công nhiệm vụ cho Ban Tổng Giám đốc Công ty.
- Kết thúc năm, Hội đồng quản trị Công ty thực hiện đánh giá các chức danh do Hội đồng quản trị quản lý về việc thực hiện nhiệm vụ trong năm, trong đó có Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ,...
- Hội đồng quản trị Công ty đã giám sát và chỉ đạo kịp thời đối với Ban Tổng Giám đốc để tổ chức thực hiện các mục tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đề ra; giám sát công tác quản lý và điều hành kinh doanh trên cơ sở Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thành viên độc lập HDQT Công ty tích cực phát huy vai trò tư vấn, phản biện trước những quyết sách của Công ty.
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức họp thường kỳ để xây dựng kế hoạch hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và thường xuyên đôn đốc kiểm tra việc thực hiện kết quả kinh doanh của Công ty. HDQT yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo định kỳ cũng như đột xuất về tình hình triển khai hoạt động kinh doanh, quản trị Công ty, qua đó HDQT đã có các chỉ đạo xử lý kịp thời những vướng mắc trong công tác điều hành, triển khai các nhiệm vụ kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc, công tác quản trị rủi ro trên cơ sở các báo cáo của Tổng Giám đốc.

- Hội đồng quản trị đã ban hành các quy chế, quy định và các quyết định về công tác quản trị nội bộ đúng quy định tại Điều lệ Công ty, đồng thời giám sát việc tổ chức thực hiện và chấp hành các quy chế, quy định của Ban Tổng giám đốc bảo đảm an toàn cho các hoạt động của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Các cuộc họp HĐQT:

- Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 28 cuộc họp trực tiếp (trong đó đảm bảo họp định kỳ tối thiểu 01 quý/01 lần và họp bất thường khi có các vấn đề phát sinh), qua đó kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành và quản lý rủi ro của Công ty, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty trong điều hành công việc, đưa ra các chỉ đạo xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động, giám sát công tác quản trị rủi ro và kiểm tra kiểm soát, kiểm toán nội bộ, đảm bảo hiệu quả của hoạt động kinh doanh. Các thành viên HĐQT luôn tích cực tham gia các cuộc họp HĐQT, cũng như tích cực nghiên cứu, cho ý kiến đối với các quyết sách, phê duyệt của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao. Trong số 28 cuộc họp trực tiếp của HĐQT nêu trên thì tất cả các cuộc họp đều có 100% các thành viên HĐQT tham dự họp.
- Ngoài các cuộc họp trực tiếp, HĐQT cũng thực hiện lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản khi phát sinh các trường hợp cần thiết theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã được ĐHĐCĐ phê duyệt ban hành.

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
01	ÔNG TRẦN PHÚC VINH	28/28	100%	
02	ÔNG VŨ ĐỨC MẠNH	28/28	100%	
03	ÔNG ĐẶNG ANH HẢO	28/28	100%	
04	BÀ HỒ THỊ THU HIẾN	28/28	100%	
05	BÀ HÀ THU PHƯƠNG (Từ 01/01/2022 đến 10/01/2022)	01/01	100%	(Từ 01/01 đến 10/01/2022 có 01 cuộc họp trực tiếp)
06	BÀ TRẦN THỊ THÌN (Từ 01/01/2022 đến 21/03/2022)	06/06	100%	(Từ 01/01 đến 21/03/2022 có 06 cuộc họp trực tiếp)
07	BÀ NGUYỄN THỊ THU HẰNG (Thành viên độc lập HĐQT từ 04/07/2022)	11/11	100%	(Từ 04/07 đến 31/12/2022 có 11 cuộc họp trực tiếp)

(Không bao gồm các trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản)

- Nội dung các cuộc họp HĐQT:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT /QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
01	01/2022/NG-HĐQT-CKCT	07/01/2022	Thông qua Chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 của Công ty và các vấn đề liên quan.	100%
02	03A/2022/NG-HĐQT-CKCT	14/01/2022	Đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2021 của các Đơn vị và các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Hội đồng quản trị Công ty.	100%
03	05/2022/NG-HĐQT-CKCT	10/01/2022	Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT.	100%
04	23A/2022/NG-HĐQT-CKCT	15/03/2022	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 03/2022.	100%
05	26/2022/NG-HĐQT-CKCT	18/03/2022	Thông qua Chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Công ty và các vấn đề liên quan.	100%
06	28/2022/NG-HĐQT-CKCT	20/03/2022	Cập nhật Chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Công ty và một số vấn đề liên quan.	100%
07	29/2022/NG-HĐQT-CKCT	21/03/2022	Về việc Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT	100%
08	32/2022/NG-HĐQT-CKCT	29/03/2022	Công tác cán bộ Ban điều hành Công ty.	100%
09	34/2022/NG-HĐQT-CKCT	07/04/2022	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty.	100%
10	35/2022/NG-HĐQT-CKCT	07/04/2022	Chi quỹ Khen thưởng.	100%
11	43/2022/NG-HĐQT-CKCT	18/04/2022	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2022.	100%

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT /QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
12	44/2022/NQ-HDQT-CKCT	18/04/2022	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 04/2022.	100%
13	48/2022/NQ-HDQT-CKCT	21/04/2022	Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Sửa đổi Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty; Đăng ký bổ sung cổ phiếu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và Đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)	100%
14	67/2022/NQ-HDQT-CKCT	31/05/2022	Thực hiện một số nội dung Nghị quyết Hội đồng quản trị.	100%
15	70A/2022/NQ-HDQT-CKCT	15/06/2022	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 06/2022.	100%
16	80/2022/NQ-HDQT-CKCT	28/06/2022	Công tác cán bộ tại Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.	100%
17	84/2022/NQ-HDQT-CKCT	01/07/2022	Thông qua Chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2022 của Công ty và các vấn đề liên quan.	100%
18	86/2022/Q-HDQT-CKCT	14/07/2022	Công tác cán bộ Ban Điều hành Công ty.	100%
19	87/2022/NQ-HDQT-CKCT	14/07/2022	Ủy quyền, phân công nhiệm vụ và giải quyết công việc đối với thành viên Ban Tổng Giám đốc.	100%
20	88/2022/NQ-HDQT-CKCT	15/07/2022	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 07/2022.	100%
21	89/2022/NQ-HDQT-CKCT	15/07/2022	Thủ lao và chế độ phúc lợi đối với Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.	100%
22	100/2022/NQ-HDQT-CKCT	08/08/2022	Một số nội dung tại cuộc họp HĐQT ngày 08/08/2022.	100%

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT /QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
23	1111/2022/NQ-HDQT-CKCT	07/09/2022	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty.	100%
24	117/2022/NQ-HDQT-CKCT	16/09/2022	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 09/2022	100%
25	121/2022/NQ-HDQT-CKCT	20/09/2022	Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Sửa đổi Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty; Đăng ký bổ sung cổ phiếu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	100%
26	67/2022/NQ-HDQT-CKCT	19/10/2022	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 10/2022.	100%
27	166/2022/NQ-HDQT-CKCT	21/11/2022	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 11/2022	100%
28	188/2022/NQ-HDQT-CKCT	21/12/2022	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 12/2022	100%

d. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2022 ngày 21/03/2022 của Công ty, ĐHĐCĐ đã phê chuẩn kết quả miễn nhiệm thành viên độc lập HĐQT, và đến ĐHĐCĐ bất thường lần 2 năm 2022 ngày 04/07/2022, ĐHĐCĐ đã nhất trí thông qua việc bầu bổ sung thành viên độc lập HĐQT, theo đó, Công ty có 01 thành viên độc lập HĐQT. Thành viên độc lập HĐQT được phân công phụ trách xây dựng công tác văn hóa doanh nghiệp, xây dựng chiến lược đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và xây dựng bản đồ chính sách của Công ty. Trong năm 2022, thành viên độc lập HĐQT đã hoàn thành xây dựng bản đồ chính sách và thực hiện triển khai 02 khóa đào tạo phối hợp cùng Trường Đào tạo và PTNNL VietinBank, cụ thể như sau:

- Khung Năng lực VietinBank và ứng dụng trong phát triển năng lực nhân sự tại VietinBank Securities;
- Lớp đào tạo Kỹ năng quản lý (bao gồm các khóa học: Chẩn dung cán bộ quản lý, Kỹ năng quản lý thời gian, Kỹ năng lập và triển khai kế hoạch cho CBNV và các nhân sự Lãnh đạo của Công ty, Kỹ năng tạo động lực)



Ngoài việc tham gia các lớp đào tạo trực tiếp cùng các giảng viên thi học viên của CTS còn học trực tuyến tại hệ thống đào tạo trực tuyến của Trường đào tạo SPTNNL VietinBank.

Năm 2022, ngoài việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm của một thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện vai trò theo pháp luật quy định, giám sát hoạt động của Công ty đảm bảo cho lợi ích của các cổ đông, tham dự đầy đủ, thường xuyên đóng góp ý kiến trên cương vị độc lập và biểu quyết tại 100% cuộc họp của HĐQT/lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản. Thành viên độc lập HĐQT cũng đã chủ động đưa ra những ý kiến đóng góp, đề xuất đối với hoạt động kinh doanh, công tác quản trị rủi ro và quản trị điều hành của Công ty.

• CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

Chi tiết tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong năm 2022 cụ thể như sau:

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ TÀI CÔNG TY	LƯƠNG, THƯỞNG THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH	GHI CHÚ
I Thành viên Hội đồng quản trị				
01	Trần Phúc Vinh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.720.575.506	
02	Vũ Đức Mạnh	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1.181.458.059	Bổ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị ngày 10/01/2022
03	Đặng Anh Hòa	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.198.451.116	
04	Hồ Thị Thu Hiền	Thành viên Hội đồng quản trị	649.743.960	
05	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	380.847.619	Bổ nhiệm ngày 04/07/2022
06	Trần Thị Thìn	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	129.347.826	Miễn nhiệm ngày 21/03/2022
07	Hà Thu Phương	Thành viên Hội đồng quản trị	45.000.000	Miễn nhiệm ngày 10/01/2022
II Thành viên Ban Kiểm soát				
01	Phan Thị Thu Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát	995.443.357	
02	Trần Thị Kim Oanh	Kiểm soát viên	351.690.596	Bổ nhiệm ngày 10/01/2022
03	Lâm Thị Thu Hương	Kiểm soát viên	393.210.024	

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ TẠI CÔNG TY	LƯƠNG, THƯỜNG THỬ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH	GHI CHÚ
III Thành viên Ban Tổng Giám đốc				
01	Thái Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc	963.375.553	Miễn nhiệm ngày 15/07/2022
02	Phan Hải Sâm	Phó Tổng Giám đốc	816.168.782	Miễn nhiệm ngày 30/03/2022
03	Trần Thị Ngọc Tài	Phó Tổng Giám đốc	488.587.865	Bổ nhiệm ngày 30/03/2022
04	Phạm Ngọc Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	1.190.393.341	
05	Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	1.142.464.382	
IV Cán bộ quản lý khác				
01	Nguyễn Thị Ánh Thư	Kế toán trưởng	1.004.040.206	
02	Hồ Ngọc Hùng	Giám đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	267.784.000	Bổ nhiệm ngày 01/07/2022
03	Lê Diệu Thủy	Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng	794.646.366	

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thủ quỹ công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

- Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01/01/2022)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2022)		Ghi chú
			Trên tổng số cổ phiếu của Công ty: 106.436.576 cổ phiếu	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Trên tổng số cổ phiếu của Công ty: 148.738.311 cổ phiếu	
01	Trần Phúc Vinh	Chủ tịch HĐQT	0	0%	0	0%	
02	Vũ Đức Mạnh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty	0	0%	0	0%	
03	Đặng Anh Hòa	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty	0	0%	0	0%	
04	Hồ Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT	0	0%	0	0%	
05	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%			
06	Trần Thị Thìn	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%	-	-	Thời là Thành viên độc lập HĐQT từ 21/03/2022
07	Hồ Thu Phương	Thành viên HĐQT	0	0%	-	-	Thời là Thành viên HĐQT từ 10/01/2022
08	Phan Thị Thu Hằng	Trưởng Ban kiểm soát	0	0%	0	0%	
09	Lâm Thị Thu Hương	Kiểm soát viên	0	0%	0	0%	
10	Trần Thị Kim Oanh	Kiểm soát viên	0	0%	0	0%	
11	Nguyễn Thế Hưng	Kiểm soát viên	0	0%	-	-	Thời là Kiểm soát viên từ 10/01/2022
12	Phạm Ngọc Hiệp	Phó Tổng Giám đốc Công ty	0	0%	0	0%	
13	Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc Công ty	0	0%	0	0%	
14	Trần Thị Ngọc Tài	Phó Tổng Giám đốc Công ty, Người được ủy quyền CBTT	0	0%	0	0%	
15	Phan Hải Sâm	Phó Tổng Giám đốc Công ty	0	0%	-	-	Thời là Phó Tổng Giám đốc Công ty, Người được ủy quyền CBTT từ 30/03/2022

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01/01/2022)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2022)		Ghi chú
			Trên tổng số cổ phiếu của Công ty: 106.436.576 cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Trên tổng số cổ phiếu của Công ty: 106.436.576 cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	
16	Thái Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc Công ty	0	0%	-	-	Thời là Phó Tổng Giám đốc Công ty từ 15/07/2022
17	Nguyễn Thị Anh Thu	Kế toán trưởng	0	0%	0	0%	
18	Nguyễn Thị Thủy Linh	Trưởng Bộ phận KTNB	0	0%	0	0%	
19	Đặng Đình Tú	Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty	0	0%	-	-	Thời là Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty từ 01/02/2022
20	Hoàng Thị Thủy Linh	Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty	5	0,000005%	6*	0,000004%	Thời là Thư ký Công ty từ 31/01/2022
21	Nguyễn Thu Thảo	Thư ký Công ty	0	0%	-	-	Thời là Thư ký Công ty từ 20/03/2022
22	Lê Mỹ Hoài Thương	Thư ký Công ty	0	0%	-	-	Thời là Thư ký Công ty từ 01/06/2022
23	Tạ Quang Hiếu	Thư ký Công ty, Trợ lý Chủ tịch HĐQT	0	0%	0	0%	
24	Lê Mai Khanh	Người phụ trách quản trị Công ty	-	-	-	-	Người phụ trách quản trị Công ty từ 01/01/2023
25	Phạm Thị Thanh Mai	Thư ký Công ty	-	-	-	-	Thư ký Công ty từ 15/01/2023

(*) Đơn

- Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền 29/03/2022.
 - Công ty Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu là số dư Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu là số dư Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ, ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền ngày 25/08/2022.

• GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CÁ NHÂN, TỔ CHỨC LÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ:

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ (01/01/2022)		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ (01/01/2022)		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THUỒNG...)	GHI CHÚ
		TRÊN TỔNG SỐ CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY: 106.436.576 CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU	TRÊN TỔNG SỐ CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY: 106.436.576 CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU		
01	NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM (VIETINBANK)	80.486.470	75,62%	112.498.833	75,635%	<p>1. Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền: 29/03/2022.</p> <ul style="list-style-type: none"> Số cổ phiếu trước khi phát hành: 80.486.470 cổ phiếu. Số cổ phiếu sau khi phát hành (18/04/2022): 86.925.387 cổ phiếu. <p>2. Công ty Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu là số dư Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu là số dư Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ, ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền: 25/08/2022.</p> <ul style="list-style-type: none"> Số cổ phiếu trước khi phát hành: 86.925.387 cổ phiếu. Số cổ phiếu sau khi phát hành (18/04/2022): 86.925.387 cổ phiếu. 	Ngân hàng mẹ, Cổ đông lớn số hữu 75,635% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết số:

- 24/2022/NQ-HĐQT-CKCT ngày 18/03/2022 về việc Thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan (là Công ty TNHH MTV Vàng Bạc Đá Quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – nhà cung cấp cho gói mua sắm: Mua quà tặng đối tác ngân hàng).
- 59/2022/NQ-HĐQT-CKCT ngày 16/05/2022 về việc Giao dịch với người có liên quan (là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Ký kết Hợp đồng Tư vấn phát hành trái phiếu năng lực của VietinBank năm 2022 với VietinBank).
- 125/2022/NQ-HĐQT-CKCT ngày 27/09/2022 về việc Giao dịch với người có liên quan (là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Ký kết Hợp đồng Tư vấn chào bán cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với VietinBank).
- 174/2022/NQ-HĐQT-CKCT ngày 01/12/2022 về việc Thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan (là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Tài tục Hợp đồng mua bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ nhân viên Công ty).
- 176/2022/NQ-HĐQT-CKCT ngày 09/12/2022 về việc Thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan (là Ngân hàng TNHH Indovina – Ký kết Hợp đồng khung và giao dịch mua bán giấy tờ có giá).
- 186/2022/NQ-HĐQT-CKCT ngày 22/12/2022 về việc Giao dịch với người có liên quan (là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Ký kết Hợp đồng Tư vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký và Đại Lý Thanh Toán, Tư Vấn Niệm Yết Trái Phiếu phát hành ra công chúng năm 2022 của VietinBank với VietinBank).

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nếu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty, Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

- Hội đồng quản trị Công ty đã giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.
- Thực hiện phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT và phê duyệt tờ trình của Tổng giám đốc về việc phân công nhiệm vụ cho Ban Tổng Giám đốc Công ty.
- Kết thúc năm, Hội đồng quản trị Công ty thực hiện đánh giá các chức danh do Hội đồng quản trị quản lý về việc thực hiện nhiệm vụ trong năm, trong đó có Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ,...

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức họp thường kỳ để xây dựng kế hoạch hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và thường xuyên đôn đốc kiểm tra việc thực hiện kết quả kinh doanh của Công ty. HĐQT yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo định kỳ cũng như đột xuất về tình hình triển khai hoạt động kinh doanh, quản trị Công ty, qua đó HĐQT đã có các chỉ đạo xử lý kịp thời những vướng mắc trong công tác điều hành, triển khai các nhiệm vụ kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc, công tác quản trị rủi ro trên cơ sở các báo cáo của Tổng Giám đốc.
- Hội đồng quản trị đã ban hành các quy chế, quy định và các quyết định về công tác quản trị nội bộ đúng quy định tại Điều lệ Công ty; đồng thời giám sát việc tổ chức thực hiện và chấp hành các quy chế, quy định của Ban Tổng giám đốc bảo đảm an toàn cho các hoạt động của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty: Để tăng cường hiệu quả trong công tác quản trị, năm 2023 Hội đồng quản trị Công ty sẽ:

- Tiếp tục thực hiện họp thường kỳ để xây dựng kế hoạch kinh doanh, bám sát với diễn biến thị trường.
- Giám sát và đảm bảo việc thực hiện công bố thông tin định kỳ/bất thường theo đúng quy định, đảm bảo cung cấp thông tin cho Cổ đông và nhà đầu tư một cách minh bạch, đầy đủ, chính xác và kịp thời.
- Tăng cường công tác giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao theo đúng quy định, chỉ đạo kịp thời đối với Ban Tổng Giám đốc để tổ chức thực hiện các mục tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đề ra



09. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

9.1 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết thúc năm 2022, VietinBank Securities ghi nhận tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 876,13 tỷ đồng bằng 82,06% so với năm 2021, trong đó doanh thu một số hoạt động cũng giảm so với năm 2021 bao gồm: Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán bằng 68,35%; Doanh thu lưu ký chứng khoán bằng 49,35%; Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bằng 70,13%, tuy nhiên doanh thu thành phần là Lãi bán bán chứng khoán và các khoản đầu tư khác tăng mạnh bằng 754,28%; Doanh thu cho vay giao dịch kỳ quỹ và ứng trước tiến bán bằng 130,21%; Doanh thu hoạt động tư vấn tăng bằng 131,78%; Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán bằng 305,05% và Doanh thu từ các hoạt động khác bằng 127,17% so với năm 2021. Năm 2022 Công ty đạt 78,794 tỷ đồng Lợi nhuận trước thuế - 15,6% kế hoạch (505,171 tỷ đồng), nguyên nhân chính Công ty chưa hoàn thành kế hoạch là do diễn biến của Thị trường Tài chính, Chứng khoán Việt Nam năm 2022 không thuận lợi, chỉ số VN-Index ghi nhận mức giảm sâu 32,78% từ vùng đỉnh 1.500 điểm xuống 1.007 điểm, thanh khoản và giá trị giao dịch giảm mạnh, lần lượt giảm 10% và 21%. Điều này đã ảnh hưởng trực tiếp tới tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty. Cụ thể:

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

-15,6%
505,171 tỷ đồng

A. HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN, CHO VAY GIAO DỊCH KỶ QUỸ

Doanh thu phí giao dịch chứng khoán môi giới giảm so với năm 2021, trong đó, Giá trị giao dịch giảm 32,12%, Doanh thu phí giao dịch đạt 101,743 tỷ đồng giảm 31,74%; Dự nợ giao dịch kỳ quỹ bình quân của Công ty là 1.620,917 tỷ đồng, tăng +34,47% so với 2021, tổng doanh thu từ tiền lãi margin thu được trong năm của Công ty là 180,514 tỷ đồng tăng +2996% so với 2021 do trong năm 2022 Công ty tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động cho vay margin thông qua việc duy trì và đẩy mạnh dự nợ khách hàng vay kỳ quỹ hiện tại đồng thời tìm kiếm và phát triển khách hàng, đặc biệt là khách hàng vay kỳ quỹ với dự nợ lớn.

DỰ NỢ GIAO DỊCH KỶ QUỸ BÌNH QUÂN

↑ 34,47%
1.620,917 tỷ đồng

TỔNG DOANH THU TIỀN LÃI MARGIN

↑ 29,96%
180,514 tỷ đồng

B. HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Năm 2022 tiếp tục là một năm hết sức khó khăn đối đối với Công ty trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp. Các mảng hoạt động tư vấn đều bị ảnh hưởng nặng nề:

Hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu từng góp tỷ trọng không nhỏ trong tổng doanh thu tư vấn cho Công ty, nay gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm khách hàng có nhu cầu tư vấn phát hành trái phiếu do NHNN thắt chặt quy định về đầu tư Trái phiếu doanh nghiệp của các Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài. Chính phủ ban hành Nghị định 65 sửa đổi Nghị định 153 quy định chặt chẽ hơn đối với việc PHTP riêng lẻ. Ngoài ra, thị trường trái phiếu doanh nghiệp gặp nhiều bất lợi khi nhiều TĐPH không thanh toán được tiền gốc và lãi trái phiếu theo đó làm mất niềm tin của NĐT mua trái phiếu.

Đối với các mảng tư vấn truyền thống: Luật Chứng khoán và các Nghị định, Thông tư mới thay đổi còn nhiều vướng mắc ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành hợp đồng tư vấn để thu phí về cho Công ty và việc một số quyết định tài cơ cấu doanh nghiệp hiện đã hết hiệu lực và đang trình các cấp có thẩm quyền ban hành quyết định phê duyệt phương án tài cơ cấu mới gây ảnh hưởng đến hoạt động tư vấn chuyên nhượng vốn Nhà nước.

Tuy nhiên, tựu chung lại, năm 2022 hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp vẫn ghi nhận các kết quả tích cực. Cụ thể, Công ty đã ký mới 41 Hợp đồng tư vấn, hoàn thành 44 Hợp đồng, mang lại doanh thu tư vấn tài chính doanh nghiệp và đại lý phát hành trái phiếu đạt 16,02 tỷ đồng, tổng gần gấp đôi so với cùng kỳ năm 2021 (8,18 tỷ đồng). Trong đó doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp đạt ~6,809 tỷ đồng và doanh thu từ hoạt động đại lý phát hành là 9,206 tỷ đồng.

DOANH THU TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

↑ 50%
6,809 tỷ đồng

TỔNG DOANH THU TIỀN LÃI MARGIN

↑ 50%
9,206 tỷ đồng

C. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN, GÓP VỐN

Do tác động nặng nề từ việc suy giảm của Thị trường Chứng khoán Việt Nam năm 2022 khiến Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn năm 2022 giảm mạnh so với năm 2021. Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)) đạt 443,63 tỷ đồng, giảm 191,41 tỷ đồng (tương ứng giảm 30,14%) so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: lãi bán các tài sản tài chính FVTPL đạt 88,14 tỷ đồng và chênh lệch tăng đánh giá lại các Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ đạt 236,91 tỷ đồng, lần lượt tương ứng giảm 53,7% và 37,3% so với cùng kỳ năm trước.

Tuy nhiên, phần Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL đạt 118,59 tỷ đồng, tăng 51,99 tỷ đồng (tương ứng tăng 78,1%) so với cùng kỳ năm trước. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) đạt 382,83 tỷ đồng, tăng 166,76 tỷ đồng (tương ứng tăng 77,2%) so với cùng kỳ năm trước. Hiệu suất của danh mục đầu tư của Vietinbank Securities năm 2022 bị âm (-1,7%), tuy vậy vẫn tích cực hơn so mức giảm (-33%) của chỉ số VNIndex.

Bên cạnh đó, lãi từ hoạt động đầu tư kinh doanh trái phiếu đạt 86,8 tỷ đồng tăng 117,16% so với năm 2021.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN, GÓP VỐN

↓ 30,14%
443,63 tỷ đồng

LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

↑ 77,2%
382,83 tỷ đồng

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ KINH DOANH TRÁI PHIẾU

↑ 117,16%
86,8 tỷ đồng

D. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VỐN

Năm 2022 Thị trường tài chính trong và ngoài nước không còn được thuận lợi như các năm trước, lãi suất, tỷ giá đều tăng mạnh tăng mạnh và tình hình thanh khoản trên thị trường bị eo hẹp. Vì vậy nhiệm vụ chính của hoạt động Kinh doanh vốn của Công ty trong năm 2022 là tìm kiếm nguồn vốn giá rẻ và đảm bảo thanh khoản phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty tiếp tục tìm kiếm, đảm bảo mở rộng quan hệ với các Ngân hàng, tổ chức tín dụng và định chế tài chính trong và ngoài nước. Tập trung vào nguồn vốn giá rẻ để tối ưu hóa chi phí vốn, đồng thời thanh khoản của Công ty tiếp tục được cải thiện, duy trì ổn định và là tiền đề quan trọng để mở rộng các hoạt động kinh doanh trọng yếu của Công ty. Tính đến hết năm 2022, Công ty đã có quan hệ tín dụng với 25 tổ chức tín dụng trong đó 11 tổ chức tín dụng nước ngoài và 14 tổ chức tín dụng trong nước. Tổng hạn mức tín dụng, vay vốn và bảo lãnh được cấp đến 31/12/2022 quy đổi ra VND là 9.086 tỷ đồng.

Song hành với mảng phát triển hạn mức tín dụng, Công ty tiếp tục mở rộng hoạt động đầu tư vào lập tài sản thu nhập cố định nhằm tối ưu hóa nguồn vốn giá rẻ, đa dạng hóa danh mục tài sản và góp phần gia tăng lợi nhuận. Cụ thể, Công ty thực hiện đầu tư chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng và hoạt động đầu tư hợp đồng tiền gửi để hưởng chênh lệch lãi suất. Kết thúc năm 2022 doanh thu hoạt động đầu tư kinh doanh Chứng chỉ tiền gửi đạt 5,514 tỷ đồng; doanh thu hoạt động đầu tư các Hợp đồng tiền gửi đạt 11,563 tỷ đồng; doanh thu hoạt động đầu tư, giao dịch kỳ hạn Trái phiếu Chính phủ đạt 1,263 tỷ đồng.

TỔNG HẠN MỨC TÍN DỤNG
VAY VỐN, BẢO LÃNH

9.086 tỷ đồng

DOANH THU ĐẦU TƯ
CHỨNG CHỈ TIỀN GỬI

5,514 tỷ đồng

DOANH THU ĐẦU TƯ
HOẠT ĐỘNG TIỀN GỬI

11,567 tỷ đồng

GIAO DỊCH KỶ HẠN
TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

1,263 tỷ đồng

E. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO



Trong năm 2022, Công ty đã chuyển đổi Bộ phận Quản trị rủi ro thành Phòng Quản lý rủi ro nhằm nâng cấp các hoạt động giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và phối hợp xử lý các rủi ro có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty và khách hàng theo quy định của Công ty và Pháp luật có liên quan. Công tác quản trị rủi ro luôn được chú trọng và song hành cùng hoạt động kinh doanh, thực hiện phát hiện sớm nhiều rủi ro tiềm ẩn và đưa các cảnh báo rủi ro, điều này đã giúp cho VietinBank Securities hạn chế tối đa các tổn thất trong hoạt động kinh doanh. Trong các cuộc họp định kỳ hàng tháng/quý/năm hoặc các các công việc đột xuất, Ban Lãnh đạo cùng các tuyến kiểm soát rủi ro thường xuyên đánh giá các rủi ro trong hoạt động đầu tư, kinh doanh vốn, cho vay giao dịch kỳ quỹ, các khoản nợ đến hạn/ - quá hạn, rủi ro trong giao dịch/tác nghiệp, rủi ro trong các sản phẩm, dịch vụ dự kiến triển khai ... để đưa ra các cảnh báo, biện pháp quản lý rủi ro hiệu quả.

F. QUẢN LÝ CÔNG TÁC TỔ CHỨC, LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

Năm 2022, VietinBank Securities tiếp tục thực hiện tốt chính sách phát triển nguồn nhân lực, chú trọng việc tuyển dụng nhân sự có năng lực, đồng thời cạnh tranh thu hút nhân sự chất lượng cao trên thị trường. VietinBank Securities thực hiện cơ cấu lại mô hình tổ chức hoạt động của Công ty, sắp xếp, điều động và bố trí nhân sự linh hoạt để căn bộ thường xuyên được trao đổi mở rộng, nâng cao nghiệp vụ. Cơ chế tiền lương của Công ty vẫn tiếp tục thực hiện theo kết quả đánh giá KPIs, đảm bảo đánh giá đúng năng lực, đóng góp của cán bộ, nhân viên vào hoạt động kinh doanh của Công ty. Mức lương năm 2022 đảm bảo đời sống của cán bộ, nhân viên Công ty và cạnh tranh nhằm thu hút và giữ chân người lao động có năng lực và kinh nghiệm, tạo nền tảng phát triển vững mạnh cho Công ty hiện tại và tương lai.



G. QUẢN LÝ CÔNG TÁC TỔ CHỨC, LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

Năm 2022, VietinBank Securities tiếp tục duy trì và thực hiện tốt các hoạt động thiết thực trong công tác từ thiện, an sinh xã hội. Ngoài việc tiếp tục đóng góp ngày lương cơ bản và lương kinh doanh một năm để ủng hộ Quỹ tình nghĩa, trong năm VietinBank Securities đã thực hiện các chương trình:

- Trao tặng cho Đoàn TNCS HCM * Hà Nội nghĩa tình - ATM oxy miễn phí (25/01/2022);
- Ngày 24/07/2022 tham gia Lễ Thắp nến tri ân các anh hùng liệt sỹ kỷ niệm ngày thương binh liệt sỹ 27/07;
- Công ty đã và đang nỗ lực khởi xướng và đóng góp vào các chương trình thiện nguyện có ý nghĩa thiết thực, tác động lâu dài cho sự phát triển bền vững của xã hội và cộng đồng;
- Có mặt trong Bảng xếp hạng **PROFIT500** - Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận nhất Việt Nam năm 2022



9.2 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

A. TÌNH HÌNH TÀI SẢN

STT	CHI TIẾT	NĂM 2021	NĂM 2022	TỶ LỆ % NĂM 2022/ 2021
I	TỔNG TÀI SẢN	6.685.686	5.036.970	75,34%
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	6.610.379	4.950.488	74,89%
0.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	336.585	158.347	47,05%
1.1	Tiền	336.585	126.347	37,54%
1.2	Các khoản tương đương tiền	-	32.000	-
0.2	Tài sản tài chính	5.607.672	4.613.848	82,28%
2.1	Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.017.546	3.108.496	77,37%
	Đầu tư tiền gửi trên 03 tháng	2.137.636	1.138.332	53,25%
	Cổ phiếu chưa niêm yết	240.872	425.003	176,44%
	Trái phiếu chưa niêm yết	807.178	521.600	64,62%
	Cổ phiếu niêm yết	671.859	515.577	76,74%
	Trái phiếu niêm yết	-	231.018	-
	Đầu tư ngắn hạn khác	160.000	276.966	173,10%
2.2	Các khoản cho vay	1.594.936	1.510.162	94,68%
2.3	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính	(4.810)	(4.810)	-
0.3	Khác	666.122	178.293	26,77%
	Trong đó:			
	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(691)	(996)	-
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	75.307	75.135	99,77%

Tổng tài sản cuối năm 2022 giảm so với năm 2021 (bảng 75,34%), trong đó: Tài sản ngắn hạn đạt 4.950 tỷ đồng (bảng 74,89% năm 2021); Tài sản dài hạn đạt 75 tỷ đồng, bằng 99,77% so với năm 2021.

Tài sản tài chính (không gồm tiền và tương đương tiền) vẫn luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản ngắn hạn năm 2022 của Công ty (93,19%), trong đó chủ yếu là Đầu tư tài chính ngắn hạn: 3.108 tỷ đồng (chiếm 62,79% tài sản ngắn hạn), bằng 77,37% so với năm 2021.

Các khoản cho vay (gồm cho vay margin và cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán) tại 31/12/2022 đạt mức 1.510 tỷ đồng (chiếm 30,51% tài sản ngắn hạn). Như vậy dư nợ cho vay của Công ty năm 2022 giảm nhẹ bằng 94,68% so với năm 2021.

Tài sản ngắn hạn khác của Công ty tại 31/12/2022 là 178 tỷ đồng, bằng 26,77% so với cuối năm 2021, trong đó giảm chủ yếu là tài sản giao dịch mua bán lại (repo) Trái phiếu Chính phủ (tại 31/12/2022 là 0 đồng, trong khi đó tại ngày 31/12/2021 là hơn 576 tỷ đồng).

Ngoài các khoản mục nêu trên, trong tài sản ngắn hạn năm 2022 của Công ty, Tiền và các khoản tương đương tiền đạt hơn 158 tỷ đồng, bằng 47,05% so với năm trước.

B. TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Tính đến 31/12/2022, tổng dư nợ ngắn hạn của Công ty là 3.075 tỷ đồng (giảm 25% so với cuối năm 2021), trong đó: dư nợ bằng VND đạt 2.251 tỷ đồng, dư nợ bằng USD là 35 triệu USD. Để giảm thiểu rủi ro, các khoản vay bằng USD được Công ty thực hiện các biện pháp bảo hiểm rủi ro tỷ giá, lãi suất. Trong năm 2022 Công ty không phát sinh vay dài hạn và không có nợ quá hạn.

TỔNG DƯ NỢ
NGẮN HẠN

↓ 25%
3.075 tỷ đồng

9.3 NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



Về cơ cấu tổ chức, trong năm 2022, Công ty đã cơ cấu lại tổ chức theo hướng chuyên trách, chuyên nghiệp và gia tăng hoạt động quản trị rủi ro, tăng cường quản trị điều hành, cụ thể: sắp xếp lại một số phòng nghiệp vụ, chuyển đổi bộ phận Quản trị rủi ro thành phòng Quản lý rủi ro, thành lập Văn phòng Hội đồng quản trị trực thuộc và giúp việc cho Hội đồng quản trị.

Về các chính sách, Công ty luôn rà soát, cập nhật các chính sách, văn bản quy định nội bộ theo các quy định của pháp luật và phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống quản lý từ cấp trung đến cấp cao đảm bảo hoạt động luôn được diễn ra thông suốt, tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ.

9.4 KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Bước sang năm 2023, Công ty định hướng sẽ tiếp tục kế thừa và phát huy các kết quả công ty đã đạt được trong năm 2022. Ngoài ra, Công ty cũng xác định sẽ tập trung duy trì và đẩy mạnh các giải pháp phát triển đối với các mảng hoạt động kinh doanh tiềm năng và cốt lõi. Với một số định hướng phát triển chính của Công ty trong thời gian tới như sau:

- Tiếp tục tăng trưởng thị phần mảng môi giới cổ phiếu, chứng khoán phái sinh và cung cấp dịch vụ liên quan như cho vay margin, ứng trước tiền bán... trên cơ sở nâng cấp hạ tầng công nghệ phục vụ giao dịch, nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn phục vụ khách hàng.
- Tập trung khai thác mảng tư vấn dịch vụ đối với tệp khách hàng của VietinBank, bao gồm tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán sắt thép, tư vấn cổ phần hóa.
- Đẩy mạnh các mảng hoạt động kinh doanh vốn, thu phí dịch vụ, tiết giảm chi phí tài chính, nâng cao hiệu quả hoạt động, đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ cung cấp ra thị trường để có thể đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng, kể cả những khách hàng khó tính nhất.
- Tìm kiếm các cơ hội phù hợp để tái cấu trúc danh mục đầu tư theo hướng đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp có giá trị cốt lõi cao, đa dạng hoá danh mục trái phiếu nhằm tối đa hoá lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro.

Tiếp tục xây dựng và khẳng định thương hiệu của Công ty chứng khoán uy tín trên thị trường, cung cấp đầy đủ dịch vụ tài chính, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng với chất lượng cao nhất.

9.5 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

A. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG (TIÊU THỤ NƯỚC, NĂNG LƯỢNG, PHÁT THẢI)



VietinBank Securities thực hành các biện pháp tiết kiệm chống lãng phí, bao gồm tiết kiệm năng lượng tiêu thụ, tiết kiệm chi phí quản lý công cụ và tiết kiệm và sử dụng lao động hiệu quả. VietinBank Securities khuyến khích CBNV sử dụng điện, nước tiết kiệm tại văn phòng; mức tiêu thụ điện, nước được theo dõi chặt chẽ.

Bên cạnh đó VietinBank Securities luôn tuân thủ các văn bản pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường như Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, các Nghị định và Thông tư hướng dẫn báo cáo hiện trạng và quản lý số liệu quan trắc môi trường. Định kỳ hằng năm, VietinBank Securities ký kết các hợp đồng dịch vụ với các đơn vị chuyên môn để thực hiện quan trắc nước thải và quan trắc môi trường lao động định kỳ, ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải tại các tòa trụ sở theo quy định của pháp luật.

B. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG



Năm 2022, VietinBank Securities tiếp tục thực hiện tốt chính sách phát triển nguồn nhân lực, chú trọng việc tuyển dụng nhân sự có năng lực, đồng thời cạnh tranh thu hút nhân sự chất lượng cao trên thị trường trong và ngoài nước. VietinBank Securities thực hiện cơ cấu lại mô hình tổ chức hoạt động của Công ty, thực hiện việc sắp xếp, điều động và bố trí nhân sự linh hoạt để cán bộ thường xuyên được trao đổi mở rộng, nâng cao nghiệp vụ.

• Chính sách lương, thưởng:

Cơ chế tiền lương của Công ty vẫn tiếp tục thực hiện theo kết quả đánh giá KPIs, đảm bảo đánh giá đúng năng lực, đóng góp của cán bộ, nhân viên vào hoạt động kinh doanh của Công ty. Mức lương bình quân năm 2022 cũng được tăng lên nhằm đảm bảo đời sống của cán bộ, nhân viên Công ty, tăng mức cạnh tranh trên thị trường nhằm thu hút và giữ chân người lao động có năng lực và kinh nghiệm, tạo nền tảng phát triển vững mạnh cho Công ty hiện tại và tương lai.

• Chế độ bảo hiểm xã hội:

Cán bộ nhân viên Công ty đều được đóng bảo hiểm theo chế độ Nhà nước quy định, được đảm bảo quyền lợi khi về nghỉ chế độ hoặc trong các trường hợp ốm đau, thai sản. Khi người lao động đủ tuổi nghỉ chế độ, VietinBank Securities thực hiện đầy đủ các thủ tục với cơ quan bảo hiểm để người lao động được về nghỉ đúng thời gian quy định.

• Chế độ phúc lợi:

Năm 2022, VietinBank Securities tiếp tục triển khai các chế độ phúc lợi, đãi ngộ chung đối với CBNV nhằm chăm lo đời sống, tái tạo sức lao động, tạo sự cân bằng giữa công việc cuộc sống, tăng sự gắn kết và các chế độ phúc lợi, đãi ngộ vượt trội đối với cán bộ có thành tích cao, cán bộ nhân tài, lãnh đạo các vị trí chủ chốt, lãnh đạo cấp cao để ghi nhận sự đóng góp, giữ chân cán bộ có năng lực, trình độ cao:



- Tổ chức chương trình sinh nhật nhân viên trong tháng;
- Họp sơ kết 6 tháng tại Hòn Tằm, Nha Trang;
- Tổ chức chương trình Trung Thu "Góc sân và Khoảng trời" cho con em CBNV. Khen thưởng các cháu thiếu nhi nhân dịp Trung thu và các cháu đạt thành tích học tập tốt trong năm học;
- Triển khai tổ chức và mua hoa chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10;
- Tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ nhân viên và cán bộ hưu trí của Công ty tháng 12/2022;
- Làm Backdrop chào mừng Tết Nhâm Dần 2022 phục vụ khách hàng và các cán bộ nhân viên có không gian chụp ảnh, check-in.

• Đào tạo nâng cao trình độ:

Năm 2022 là một năm đầy biến động, ảnh hưởng đa chiều tới nền kinh tế. VietinBank Securities đã nhanh chóng linh hoạt thích ứng, lập và triển khai những chương trình đào tạo cung cấp các kiến thức, kỹ năng, nhằm nâng cao chất lượng giảng viên, thích ứng linh hoạt với sự thay đổi trong phương pháp đào tạo: Từ ngày 08/11/2022 đến ngày 10/12/2022 cán bộ quản lý và cán bộ được quy hoạch vào các vị trí quản lý kế cận đã tham dự khóa học "Kỹ năng quản lý" với các khóa đào tạo trực tuyến trên hệ thống E-Learning và các buổi học trực tiếp cùng các Giảng viên của Trường đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao VietinBank các Module: Chân dung Cán bộ quản lý, Kỹ năng quản lý thời gian, Lập và triển khai kế hoạch kinh doanh, Kỹ năng giao việc và tạo động lực. Ngoài ra, trong năm 2022 VietinBank Securities tiếp tục cử cán bộ chưa có chứng chỉ hành nghề tham gia các khóa đào tạo tại Trung tâm Nghiên cứu khoa học và đào tạo Chứng khoán với các lớp đào tạo cụ thể như sau:



- Lớp Phân tích và Đầu tư Chứng khoán: 11 người.
- Lớp Môi giới và Đầu tư Chứng khoán: 31 người.
- Lớp Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp: 05 người.
- Lớp Pháp luật về Chứng khoán và thị trường Chứng khoán: 35 người.
- Lớp Phân tích Báo cáo tài chính Doanh nghiệp: 08 người.
- Lớp Quản lý Quỹ và Tài sản: 07 người.
- Lớp Những vấn đề cơ bản về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán: 10 người.



C. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Năm 2022, Công ty tiếp tục duy trì và thực hiện tốt các hoạt động thiết thực trong công tác từ thiện, an sinh xã hội. Ngoài việc tiếp tục đóng góp ngày lương cơ bản và lương kinh doanh một năm để ủng hộ Quỹ tình nghĩa, trong năm VietinBank Securities đã thực hiện các chương trình:

- Tham dự "Lễ thắp nến tri ân các Anh hùng liệt sĩ" tại Nghĩa trang liệt sĩ thành phố Hà Nội (quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội) do Thành đoàn Hà Nội và các đơn vị phối hợp tổ chức nhân kỷ niệm 75 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2022). Lễ thắp nến tri ân các anh hùng, liệt sĩ là một hoạt động thiết thực, ý nghĩa của tuổi trẻ Thủ đô nhằm tri ân sự hi sinh xương máu của thế hệ cha ông để gìn giữ độc lập dân tộc và giáo dục thế hệ trẻ biết sống nhân ái, trân trọng những giá trị cao đẹp của quá khứ.
- Trao tặng cho Đoàn TNCSHCM * Hà Nội nghĩa tình - ATM oxy miễn phí (25/01/2022)

10. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Thông tin về Ban kiểm soát:

STT	THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU/ KHÔNG CÒN LÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT VÀ CÁC CHỨNG KHOÁN DO CÔNG TY PHÁT HÀNH
01	Bà Phan Thị Thu Hằng	Trưởng Ban kiểm soát	Ngày bắt đầu là trưởng Ban kiểm soát: 10/04/2019	0
02	Bà Lâm Thị Thu Hương	Kiểm soát viên	Ngày bắt đầu là thành viên Ban kiểm soát: 16/06/2014	0
03	Ông Nguyễn Thế Hưng	Kiểm soát viên	Ngày bắt đầu là thành viên Ban kiểm soát: 16/06/2014 Ngày không còn là thành viên Ban kiểm soát: 10/01/2022	-
04	Bà Trần Thị Kim Oanh	Kiểm soát viên	Ngày bắt đầu là thành viên Ban kiểm soát: 10/01/2022	0

Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

STT	THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	TỶ LỆ BIỂU QUYẾT	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
01	Bà Phan Thị Thu Hằng	04/04	100%	100%	-
02	Bà Lâm Thị Thu Hương	04/04	100%	100%	-
03	Ông Nguyễn Thế Hưng	-	-	-	Không còn là thành viên Ban kiểm soát từ 10/01/2022
04	Bà Trần Thị Kim Oanh	04/04	100%	100%	-

Nội dung các cuộc họp: Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã tiến hành 04 cuộc họp với sự tham gia của đầy đủ các Kiểm soát viên nhằm tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức & hoạt động của Công ty, Quy chế tổ chức & hoạt động của Ban kiểm soát.

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông:

- Trưởng Ban kiểm soát đã trực tiếp/ ủy quyền thành viên Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ/ đột xuất với HĐQT/BĐH theo thư mời nhằm nắm bắt tình hình thực tế kinh doanh, việc quản lý, điều hành Công ty của HĐQT và BDH, đóng góp ý kiến trong việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu ĐHCĐ giao.
- Thực hiện công tác giám sát thường xuyên/ triển khai các cuộc kiểm tra trực tiếp đối với một số hoạt động của Công ty. Ý kiến của Ban kiểm soát được truyền tải đến HĐQT/BĐH thông qua các kiến nghị sau kiểm tra, các báo cáo giám sát hàng tháng, ý kiến phát biểu tại các phiên họp HĐQT và các văn bản kiến nghị/khuyến nghị trực tiếp/qua email.
- Tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2021, thẩm định BCTC bán niên năm 2022 nhằm kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ thận trọng trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, tình hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê, lập BCTC của Công ty.
- Thực hiện rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT/ĐHCĐ, đưa ra khuyến nghị gửi HĐQT.
- Ban kiểm soát đã tham gia đóng góp ý kiến, đề xuất chỉnh sửa, bổ sung các chính sách nội bộ để hoàn thiện hệ thống văn bản quy chế, quy định đối với các hoạt động của Công ty, phù hợp với các văn bản pháp luật có liên quan cũng như thực tế hoạt động của Công ty.

Trong năm 2022, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nào đối với việc xem xét sổ sách kế toán, tài liệu hoặc yêu cầu kiểm tra liên quan tới hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành Công ty.

📌 Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HKD), VIỆC TUÂN THỦ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT, ĐIỀU LỆ CÔNG TY TRONG QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CỦA HĐQT, BDH, VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ

BKS đã thực hiện giám sát thường xuyên, liên tục thông qua các hoạt động cụ thể sau:

Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, cập nhật thông tin, tình hình HKD của Công ty, tham gia và phát biểu ý kiến tại cuộc họp HĐQT, BDH

BKS thường xuyên theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ, tham dự và có ý kiến tại các cuộc họp thường kỳ của HĐQT, các cuộc họp giao ban của Công ty. Tại cuộc họp HĐQT, cuộc họp giao ban, BKS đã đưa ra ý kiến, quan điểm độc lập về các nội dung xin ý kiến, ghi nhận các tồn tại, rủi ro trong HKD, công tác quản trị điều hành, QLRR của Công ty, từ đó BKS kiến nghị/khuyến nghị các nội dung cần triển khai để khắc phục những hạn chế, tồn tại. Đồng thời, đối với các nội dung cần lưu ý, tăng cường kiểm soát, BKS đều đưa ra những ý kiến cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo hoạt động của Công ty tăng trưởng an toàn, bền vững.

Rà soát các văn bản chính sách, xem xét Nghị quyết HĐQT

BKS đã phản công cho các thành viên BKS rà soát các Nghị quyết của HĐQT gửi BKS, rà soát một số văn bản chính sách của HĐQT/TGD ban hành mang tính trọng yếu, có tác động toàn diện tới hoạt động Công ty. Kết quả rà soát cho thấy cách thức thông qua Nghị quyết của HĐQT tuân thủ quy định Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, nội dung thông qua phù hợp quy định pháp luật, đúng thẩm quyền và đạt được sự nhất trí của các thành viên HĐQT.

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, trong năm 2022, BKS đã thành lập Tổ thẩm định BCTC năm 2021 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2022. Thông qua thẩm định, BKS đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính.

GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ, THỰC HIỆN KIỂM TRA CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2022, BKS đã thực hiện công tác rà soát, giám sát định kỳ hàng tháng một số hoạt động của Công ty đồng thời thực hiện các Đoàn kiểm tra trực tiếp hoạt động của một số Phòng ban tại Trụ sở chính và hoạt động của các chi nhánh Công ty. Qua kết quả giám sát định kỳ và kết quả của các Đoàn kiểm tra, BKS đã đánh giá, nhận diện các vấn đề, rủi ro tiềm ẩn, thực hiện kiến nghị HĐQT, BDH chỉ đạo các Đơn vị khách phục, chính sửa, xử lý các tồn tại theo kiến nghị của các Đoàn kiểm tra/kiểm toán nội/ngoại ngành.

Ngoài ra, qua kết quả giám sát, kiểm tra, BKS cũng thực hiện đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty để kịp thời đưa ra các kiến nghị/khuyến nghị thực hiện cũng như các lưu ý mang tính tư vấn cho HĐQT/BDH để nâng cao hiệu quả của các hoạt động này.

RÀ SOÁT HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN THUỘC THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HOẶC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong năm 2022, BKS đã rà soát các hợp đồng giữa Công ty và người có liên quan của Công ty. Qua rà soát cho thấy việc ký kết, triển khai thực hiện hợp đồng có cơ sở pháp lý, được HĐQT phê duyệt phù hợp với thẩm quyền và được CBTT theo quy định.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- BKS tham dự các cuộc họp định kỳ của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của Công ty theo thu mới, về cơ bản các tài liệu, báo cáo, tờ trình của BDH khi gửi xin ý kiến HĐQT đồng thời được gửi cho BKS;
- BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BDH và các cán bộ quản lý khác trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, trao đổi thông tin trên nguyên tắc tuân thủ pháp luật, các quy định nội bộ của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BDH và người quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của BKS;
- Trên cơ sở kết quả giám sát, kiểm tra, BKS đã đưa ra các kiến nghị, khuyến nghị về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và các quy định nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả và an toàn trong hoạt động của Công ty. HĐQT, BDH đã xem xét, chỉ đạo có nhân, đơn vị liên quan triển khai các nội dung kiến nghị, đề xuất của BKS.



HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Thông qua ý kiến trực tiếp tại các cuộc họp, ý kiến qua email về các hồ sơ xin ý kiến của BDH gửi HĐQT, BKS đã có những khuyến nghị, lưu ý cụ thể mang tính chất tư vấn về công tác quản trị điều hành, QLRR, hỗ trợ HĐQT, BDH có thêm thông tin tham khảo trong việc ra quyết định.
- BKS cũng đã tham gia đóng góp ý kiến để hoàn thiện hệ thống văn bản quy chế, quy định đối với các hoạt động của Công ty để phù hợp với các văn bản pháp luật có liên quan cũng như thực tế hoạt động của Công ty;
- Tăng cường công tác đào tạo, bổ sung kiến thức, nâng cao năng lực kiểm soát viên để đáp ứng yêu cầu công việc và đảm bảo hiệu quả hoạt động.

11. BÁO CÁO KIỂM TRA KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Kiểm tra kiểm soát nội bộ: Năm 2022, công tác Kiểm tra kiểm soát nội bộ tại VietinBank Securities được thực hiện một cách độc lập, khách quan và trung thực. Qua quá trình kiểm soát đã kịp thời đưa ra các cảnh báo rủi ro tiềm ẩn, phát hiện các vấn đề còn tồn tại trong hoạt động nghiệp vụ, trong quy trình quy chế để kiến nghị Ban Lãnh đạo chấn chỉnh, bổ sung, tăng cường công tác kiểm soát đối với từng mảng hoạt động nghiệp vụ. Việc cảnh báo sớm các rủi ro đã giúp VietinBank Securities hạn chế các tổn thất không đáng có trong hoạt động kinh doanh của mình, ngăn ngừa, hạn chế rủi ro có thể xảy ra, đảm bảo an toàn trong mọi hoạt động.

Công bố thông tin: Với vị thế một công ty niêm yết và hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, VietinBank Securities cũng dành sự quan tâm đặc biệt đến việc quản lý các nguồn thông tin, từ cả bên trong VietinBank Securities đến thị trường, hay từ thị trường ảnh hưởng đến danh tiếng của VietinBank Securities.

VietinBank Securities luôn chấp hành nghiêm chỉnh theo đúng quy định của pháp luật trong việc công bố thông tin định kỳ, công bố thông tin bất thường và công bố thông tin theo yêu cầu. Với việc tôn trọng giá trị đầu tư của các Cổ đông, VietinBank Securities nhận thức rõ ràng trách nhiệm của mình trong việc cung cấp thông tin cho Cổ đông và nhà đầu tư một cách minh bạch, đầy đủ, chính xác và kịp thời.



12. BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

Năm 2022, công tác quản trị rủi ro tại VietinBank Securities tiếp tục thực hiện các hoạt động giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và phối hợp xử lý các rủi ro có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty và khách hàng theo quy định của Công ty và Pháp luật có liên quan. Công tác quản trị rủi ro luôn song hành cùng hoạt động kinh doanh của Công ty, thực hiện phát hiện sớm rủi ro tiềm ẩn và đưa các cảnh báo rủi ro, giúp VietinBank Securities hạn chế tối đa các tổn thất trong hoạt động kinh doanh.

Hoạt động quản trị rủi ro được vận hành dựa trên hệ thống các quy chế, quy trình nội bộ bằng văn bản. Hệ thống quy trình quản trị rủi ro bao gồm các nội dung xác định, nhận dạng rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, kiểm soát và xử lý rủi ro. Bên cạnh đó, để tăng cường công tác phòng chống rủi ro VietinBank Securities đã đưa các cảnh báo rủi ro riêng và cụ thể vào các quy chế, quy định và quy trình của từng hoạt động kinh doanh. Như vậy, các rủi ro liên quan đến khách hàng, các mảng kinh doanh của Công ty đều cơ bản được kiểm soát và có quy trình hướng dẫn chi tiết để thực hiện. Trong năm 2023, VietinBank Securities tiếp tục triển khai áp dụng chính sách quản trị rủi ro vào từng loại rủi ro: rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro thanh khoản, rủi ro pháp lý.

• RỦI RO HOẠT ĐỘNG

VietinBank Securities tiếp tục chuẩn hóa các chính sách và quy trình kinh doanh nhằm tuân thủ các quy định pháp luật, rà soát và bổ sung các chốt kiểm soát liên quan đến các hoạt động môi giới, lưu ký, tư doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư và tài chính kế toán. VietinBank Securities nhận thức rõ đây là công cụ và là yếu tố then chốt để quản lý hiệu quả rủi ro hoạt động.

• RỦI RO THỊ TRƯỜNG

VietinBank Securities thực hiện đo lường giá trị rủi ro thị trường theo quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính. Việc đo lường Giá trị rủi ro thị trường được Công ty thực hiện định kỳ tháng, được đánh giá mức độ ảnh hưởng khi tính tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của VietinBank Securities và gửi báo cáo đến Ban lãnh đạo cũng như các cơ quan quản lý. Công tác theo dõi cập nhật tình hình thị trường, tình hình cổ phiếu và dự báo sớm được các phòng nghiệp vụ phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng. VietinBank Securities đẩy mạnh việc giám sát và cảnh báo rủi ro thị trường thông qua xây dựng các mô hình và kịch bản ứng phó với rủi ro trong từng điều kiện biến động.

• RỦI RO THANH TOÁN

VietinBank Securities thực hiện đo lường giá trị rủi ro thanh toán theo quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của giá trị rủi ro thanh toán khi tính tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của VietinBank Securities được thực hiện định kỳ tháng. Rủi ro thanh toán được giảm thiểu thông qua hệ thống Quản trị rủi ro, thực hiện theo quy trình yêu cầu đối tác phải duy trì tài sản thế chấp ở mức hợp lý, phải thanh toán các khoản công nợ đúng như cam kết và có những điều khoản phòng ngừa rủi ro.

• RỦI RO PHÁP LÝ

Bộ phận pháp chế của VietinBank Securities thường xuyên chủ động cập nhật các thay đổi của văn bản pháp luật và đánh giá những tác động của việc thay đổi các chính sách liên quan đến hoạt động của VietinBank Securities; rà soát, chuẩn hóa các quy trình, chính sách, phân cấp ủy quyền của các nghiệp vụ để đảm bảo phù hợp với các thay đổi pháp lý, đồng thời thống nhất nội dung, tránh các văn bản, quy định rời rạc, thiếu nhất quán, thiếu đồng bộ. Bộ phận Pháp chế hỗ trợ các bộ phận nghiệp vụ kiểm tra tính pháp lý của các dự thảo hợp đồng và các văn bản phát hành của VietinBank Securities nhằm đảm bảo tính tuân thủ đầy đủ, chính xác các quy định của pháp luật.





**BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**



01. MỤC TIÊU THỰC HIỆN BẢO CẢM

1.1 NỘI DUNG BẢO CẢM

Năm 2022 là năm VietinBank Securities thành công trong việc triển khai các định hướng xây dựng những giá trị bền vững của doanh nghiệp trở thành một doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh bền vững, có sức ảnh hưởng và lan tỏa những giá trị tốt đẹp cho sự phát triển của mỗi thành viên trong Công ty, cho khách hàng, cho thị trường và cho toàn xã hội thông qua các hoạt động thiết thực.

Các lĩnh vực được trình bày trong báo cáo gồm: Hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, chính sách liên quan đến người lao động, trách nhiệm đối với cộng đồng, Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh.

1.2 PHẠM VI BẢO CẢM

Báo cáo Phát triển Bền vững năm 2022 được thực hiện và công bố như một tài liệu bổ sung, gắn kết chặt chẽ với Báo cáo thường niên và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022 của Công ty. Các số liệu tài chính trong báo cáo được dẫn chiếu từ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022 và các năm trước đó của Công ty.

Báo cáo phản ánh các kết quả hoạt động trong năm 2022, đồng thời cũng đề cập đến định hướng và mục tiêu của Công ty trong những năm tới đối với vấn đề phát triển bền vững. Báo cáo được thực hiện cho phạm vi toàn bộ Công ty, bao gồm Trụ sở chính và các chi nhánh.

Nội dung phát triển bền vững của VietinBank Securities có liên quan chặt chẽ với chiến lược về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, xuất phát từ sứ mệnh và tầm nhìn của Công ty, cũng như đảm bảo tuân thủ các quy trình về kiểm tra kiểm soát nội bộ, các quy định chung của quốc gia và quốc tế về cạnh tranh, quyền con người, luật môi trường...

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Mọi ý kiến đóng góp cho Báo cáo Phát triển Bền vững, vui lòng liên hệ:
Bộ phận Công bố thông tin - Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam

-  306 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
-  (84.24) 3974 1771
-  IR@cts.vn



02. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VIETINBANK SECURITIES

2.1 MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tại VietinBank nói chung và VietinBank Securities nói riêng, vấn đề “phát triển bền vững” đã được đề cao từ lâu theo lịch sử hình thành lâu đời của doanh nghiệp và ngày càng được mở rộng không chỉ đảm bảo các lợi ích về kinh tế trước mắt mà còn quan tâm ngày càng nhiều hơn các lợi ích bền vững lâu dài và những tác động đến cộng đồng.

Là một trong những Công ty chứng khoán lâu đời nhất tại Việt Nam, thành viên của ngân hàng có thương hiệu uy tín nhất tại Việt Nam, VietinBank Securities hiểu rõ trách nhiệm của mình trong việc gắn kết tầm nhìn, sứ mệnh với định hướng phát triển bền vững. Thông qua hoạt động của mình, VietinBank Securities đã có những tác động tích cực cả trực tiếp và gián tiếp đến sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam, cụ thể:

- Tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động;
- Huy động vốn cho nền kinh tế;
- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp sử dụng vốn hiệu quả;
- Hỗ trợ nhà đầu tư nâng cao hiệu quả đầu tư;
- Đóng góp cho sự phát triển của ngành chứng khoán, tài chính;
- Tăng cường quản trị doanh nghiệp, minh bạch hóa doanh nghiệp;
- Tạo điều kiện phát triển thế hệ trẻ, hỗ trợ cộng đồng.



VietinBank Securities có lịch sử hoạt động hiệu quả với thành tích liên tục báo lãi trong tất cả các năm tài chính kể từ khi thành lập. Bên cạnh các cơ hội phát triển có được từ các thế mạnh, năng lực cạnh tranh cao, kinh nghiệm thị trường, quản trị doanh nghiệp hiệu quả, đội ngũ nhân sự giỏi và tận tâm với công việc, Công ty cũng phải đối diện với các rủi ro nội bộ và bên ngoài như rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro thanh khoản, rủi ro pháp lý (xem thêm mục Báo cáo Kiểm tra kiểm soát nội bộ - Báo cáo Thường niên 2022).

Việc nhận diện các tác động, rủi ro và cơ hội giúp Công ty đánh giá tình hình hiện tại, từ đó xây dựng mô hình và các mục tiêu phát triển bền vững phù hợp. Các mục tiêu phát triển bền vững của Công ty được định hướng căn cứ vào tầm nhìn “Tiên phong trong lĩnh vực Ngân hàng đầu tư”.

Mô hình phát triển bền vững được VietinBank Securities xây dựng dựa trên mục tiêu hướng đến tạo lập thành công cho các đối tượng: Doanh nghiệp, Thị trường và Xã hội.



2.2 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG DOANH NGHIỆP

- Tăng trưởng ổn định;
- Đảm bảo thu nhập và lợi ích kinh tế cho người lao động, chăm lo đời sống người lao động;
- Chú trọng hoạt động đào tạo nhằm phát triển năng lực cho đội ngũ nhân viên;
- Quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ;
- Tăng tính minh bạch.

2.3 ĐÓNG GÓP BỀN VỮNG CHO THỊ TRƯỜNG

- Đảm bảo cổ tức ổn định cho cổ đông;
- Không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng;
- Tăng cường kênh huy động vốn cho doanh nghiệp;
- Đóng góp phát triển thị trường và nền kinh tế Việt Nam;
- Đóng góp bền vững cho xã hội;
- Hoàn thành trách nhiệm với nhà nước;
- Chia sẻ với cộng đồng;
- Bảo vệ môi trường.

Phục vụ cho lợi ích cổ đông

Với chính sách cổ tức ổn định từ 6%/năm trở lên, VietinBank Securities đảm bảo các khoản cổ tức định kỳ và thu nhập ổn định cho cổ đông. Minh bạch hóa thông tin với nhà đầu tư được VietinBank Securities quan tâm thực hiện thông qua việc chủ trì Công tác quan hệ cổ đông (Investor Relation - IR), đảm bảo quyền lợi tiếp cận thông tin của cổ đông. Công tác IR tại VietinBank Securities được thực hiện chuyên trách bởi người được ủy quyền công bố thông tin trực tiếp phụ trách.

Đại hội đồng cổ đông thường niên và Báo cáo thường niên là hai hoạt động IR chính giúp nhà đầu tư và cổ đông nắm được đầy đủ thông tin về kết quả kinh doanh, chiến lược, tầm nhìn và các hoạt động của VietinBank Securities trong năm. VietinBank Securities cũng xây dựng và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu của các cổ đông để gửi thông tin qua thư điện tử. Bên cạnh đó Công ty cũng sẵn sàng đón nhận và giải đáp thỏa đáng những phản hồi của nhà đầu tư thông qua email, điện thoại cũng như gặp gỡ trực tiếp.

Không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Tận dụng nguồn lực sẵn có, phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và phục vụ khách hàng.

Với lợi thế cán bộ môi giới là những chuyên viên lâu năm, chuyên môn cao cùng đạo đức nghề nghiệp tốt CTS đang dần đảm bảo các khoản đầu tư của mỗi khách hàng được tư vấn thực hiện một cách an toàn và hiệu quả nhất. Thêm vào đó, dịch vụ chứng khoán cơ bản cung cấp cho khách hàng. CTS đang phát triển một hệ thống các tiện ích gia tăng nhằm hỗ trợ khách hàng về kiến thức và công cụ tham gia thị trường.

Báo cáo phân tích: Điểm mạnh trong các báo cáo phân tích của Công ty là các phân tích sâu, chi tiết, thông tin nhanh nhạy và các dự báo trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng tình hình kinh tế vĩ mô, ngành và từng doanh nghiệp, giúp nhà đầu tư ra quyết định kịp thời.

Cụ thể các sản phẩm mà bộ phận nghiên cứu của Công ty cung cấp cho khách hàng gồm:

- Báo cáo chiến lược, bao gồm các thông tin - phân tích - nhận định - dự báo về kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán và chiến lược đầu tư.
- Báo cáo vĩ mô, bao gồm các thông tin - phân tích - nhận định - dự báo về GDP, lạm phát, chỉ số công nghiệp, cán cân thương mại, cán cân thanh toán, chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và tỷ giá. Báo cáo vĩ mô được xuất bản thường xuyên, đặc biệt là vào những thời điểm có các tin tức quan trọng.
- Báo cáo ngành đưa ra báo cáo tổng quan về ngành cùng các nhận định - đánh giá về triển vọng cổ phiếu ngành.
- Bản tin ngày: đưa thông tin và bình luận về thị trường chứng khoán, kinh tế vĩ mô và doanh nghiệp hàng ngày.
- Báo cáo khuyến nghị CTS - Spotlight cung cấp thông tin đầy đủ và khuyến nghị đầu tư về các mã cổ phiếu tốt cho nhà đầu tư.

Các công cụ hỗ trợ giao dịch: Để tối đa hóa hiệu quả dịch vụ, CTS đã áp dụng nâng cấp các công nghệ hỗ trợ tiện ích cho khách hàng, bao gồm:

- Các giải pháp giao dịch trực tuyến cho phép nhà đầu tư ở bất cứ đâu đều có thể theo dõi được thông tin thị trường chứng khoán qua trang khuyến nghị đầu tư <https://advisor.ots.vn> và giao dịch mọi lúc mọi nơi qua UniTrade/UniMobi
- SMS: Nhằm phục vụ cho việc theo dõi sự biến động trên tài khoản khách hàng, hệ thống tin nhắn SMS của VietinBank Securities tự động nhắn tin đến khách hàng khi có sự thay đổi về tiến, chứng khoán, cổ tức và thực hiện quyền trên tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư.
- Thư điện tử: CTS có sao kê hàng tháng cho nhà đầu tư nhằm mang lại sự thuận lợi, nhanh chóng, an toàn trong việc cập nhật thông tin tài khoản giao dịch chứng khoán đến nhà đầu tư.
- Hoạt động chăm sóc khách hàng: Trong năm 2023, Công ty sẽ đẩy mạnh hoạt động chăm sóc khách hàng thông qua việc đưa ra các Chương trình ưu đãi phù hợp với từng đối tượng khách hàng.
- Ngoài ra, CTS còn tổ chức các buổi Zoom online trao đổi nâng cao kiến thức đầu tư chứng khoán cho NĐT qua những bài phân tích chuyên sâu về các vấn đề mang tầm vĩ mô, "nóng hổi" của nền kinh tế ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán thế giới và trong nước, cung cấp cho NĐT có cái nhìn sâu sắc, toàn diện, từ đó đưa ra các quyết định đầu tư an toàn, hiệu quả hơn.



03. CƠ CẤU QUẢN TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tại VietinBank Securities, Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cao nhất về chiến lược phát triển bền vững. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai thực hiện các mục tiêu và kế hoạch, đồng thời chia sẻ và đảm bảo vốn để phát triển bền vững được thực hiện trong toàn Công ty từ các Bộ phận chức năng đến từng nhân viên, theo mô hình dưới đây:

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Các hoạt động của Công ty được giám sát bởi các chính sách, quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể, nhằm đảm bảo việc tuân thủ đúng các quy định nội bộ và pháp luật hiện hành cũng như đảm bảo hiệu quả hoạt động. Tất cả các chính sách, văn bản quy định trong Công ty được xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn và các quy định khác của pháp luật như Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn Luật Chứng khoán, Quyết định số 105/QĐ-UBCK ngày 26/02/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế hướng dẫn việc thiết lập và vận hành hệ thống Quản trị rủi ro cho công ty chứng khoán, Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành,...

Trên cơ sở các chính sách, quy chế, quy định, quy trình, kết hợp với Phòng Quản lý rủi ro, Bộ phận Kiểm tra kiểm soát nội bộ (KTKSNB) sẽ đưa ra các rủi ro chính và các hoạt động kiểm soát rủi ro, từ đó xây dựng kế hoạch, chương trình kiểm tra gắn liền với các mục tiêu.

Bộ phận KTKSNB trực tiếp giám sát, trao đổi, làm việc với các bộ phận có liên quan để phát hiện ra các sai sót và đưa ra giải pháp điều chỉnh nhằm mang lại chất lượng phục vụ tốt hơn, đảm bảo sự an toàn cho khách hàng, cũng như cho hoạt động của Công ty.

Bộ phận Kiểm toán nội bộ của Công ty có nhiệm vụ báo cáo trực tiếp cho Hội đồng quản trị, nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động Quản trị rủi ro nội bộ.

04. CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH NỘI DUNG BÁO CÁO

VietinBank Securities nhận thấy mọi hoạt động của Công ty đều có liên quan và ảnh hưởng đến các đối tượng bên trong cũng như bên ngoài Công ty. Để đảm bảo phát triển hài hòa, cân đối và bền vững trong các mối liên quan tổng thể, Công ty thường xuyên trao đổi, tương tác với các bên liên quan thông qua các hoạt động. Đây cũng là hình thức để VietinBank Securities xác định nội dung Báo cáo phát triển bền vững năm 2022:

4.1 TƯƠNG TÁC VỚI NHÂN VIÊN

- Hợp sơ kết 6 tháng, tổng kết năm, hội nghị người lao động;
- Tổ chức chương trình sinh nhật nhân viên trong tháng;
- Duy trì hoạt động bếp ăn cho các cán bộ nhân viên;
- Thông tin, trao đổi qua Internet, điện thoại, email nội bộ;
- Các chương trình đào tạo nội bộ;
- Tổ chức các chương trình khảo sát lấy ý kiến;
- Tổ chức các sự kiện nội bộ nhằm tăng cường tinh đoàn kết: chương trình 20/10, 1/6, Trung thu, Giáng sinh, du lịch.

4.2 TƯƠNG TÁC VỚI CỔ ĐÔNG

- Đại hội đồng cổ đông thường niên/ bất thường;
- Báo cáo định kỳ Cổ đông lớn;
- Cán bộ chuyên trách quản lý Cổ đông;
- Gặp gỡ trực tiếp nhà đầu tư/ Trao đổi qua điện thoại với bộ phận Quan hệ Cổ đông;
- Email gửi cổ đông và nhà đầu tư

4.3 TƯƠNG TÁC VỚI KHÁCH HÀNG / NHÀ ĐẦU TƯ

- Hội thảo tư vấn đầu tư; giới thiệu cơ hội đầu tư;
- Gặp gỡ trao đổi, tư vấn trực tiếp/ Trao đổi qua điện thoại với nhân viên kinh doanh, nhân viên;
- Hỗ trợ khách hàng qua website, trang Trợ giúp <http://www.cts.vn/InvestorCorner.aspx>;
- Email gửi khách hàng.

4.4 TƯƠNG TÁC VỚI BÁO CHÍ

- Phỏng vấn trả lời báo chí;
- Tham gia các Diễn đàn do các báo tổ chức;
- Trao đổi qua điện thoại, email với bộ phận Truyền thông;
- Thông cáo báo chí.

4.5 TƯƠNG TÁC VỚI CƠ QUAN QUẢN LÝ VÀ HIỆP HỘI

- Tham gia các Hội nghị, Hội thảo do Chính phủ, Bộ, các cơ quan quản lý tổ chức;
- Tham gia các hội thảo xây dựng thị trường do các cơ quan quản lý tổ chức.

4.6 TƯƠNG TÁC VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

- Tham gia các hoạt động phát triển cộng đồng, chia sẻ khó khăn với những người kém may mắn do ngân hàng mẹ VietinBank tổ chức;
- Tham gia các hoạt động cộng đồng.

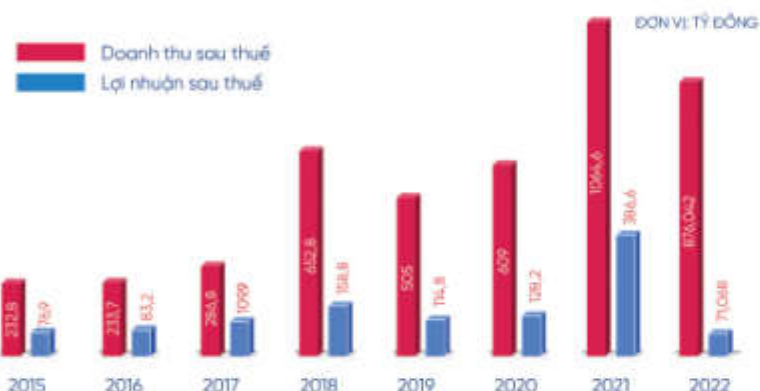


05. NỘI DUNG BÁO CÁO

5.1 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG DOANH NGHIỆP

Năm 2022 là năm khó khăn của thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng với rất nhiều biến động, tuy nhiên kết quả kinh doanh năm 2022 của VietinBank Securities vẫn có những điểm sáng tích cực, cụ thể: Doanh thu hoạt động của Công ty đạt 876,042 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế ở mức 78,794 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt 71,068 tỷ đồng.

BIỂU ĐỒ DOANH THU LỢI NHUẬN



Để xem chi tiết các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2022, vui lòng tìm đọc trong nội dung Kết quả hoạt động kinh doanh và Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận - Báo cáo thường niên năm 2022, trang 27.

Các chỉ số về tỷ suất lợi nhuận thể hiện hiệu quả sử dụng vốn của Công ty, đáp ứng tốt kỳ vọng của cổ đông. VietinBank Securities tự hào là một trong những công ty chứng khoán duy trì tỷ lệ cổ tức ổn định qua các năm, kể cả ở những thời điểm Thị trường chứng khoán khó khăn nhất.

Cơ cấu tài sản của Công ty chủ yếu là tài sản ngắn hạn mang tính thanh khoản cao, đây cũng chính là đặc thù chung đối với các công ty chứng khoán để luôn đáp ứng đầy đủ các điều kiện về mặt thanh khoản theo quy định của Pháp luật chuyên ngành.

Với nguồn vốn dồi dào trong khi nợ ngắn hạn chủ yếu là các khoản phải trả cho hoạt động giao dịch chứng khoán, cơ cấu về nguồn vốn linh hoạt đó, giúp Công ty có thể chủ động trong việc đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động giao dịch kỳ quỹ và đầu tư nhằm gia tăng hiệu quả sử dụng vốn khi thị trường thuận lợi.

ĐẢM BẢO THU NHẬP CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty luôn đảm bảo lợi ích cho người lao động về lương, phụ cấp và các khoản phúc lợi khác, tạo điều kiện cho người lao động yên tâm làm việc, gắn bó với Công ty góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững doanh nghiệp.

Để bảo đảm quyền lợi về lương, thưởng cho người lao động, Công ty đã thành lập và duy trì hoạt động tích cực của Hội đồng lương Công ty, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

Có thể nói năm 2022 là một năm đầy thách thức của nền kinh tế nói chung và các công ty chứng khoán nói riêng. Mặc dù kết quả kinh doanh chưa được như kỳ vọng nhưng Công ty vẫn cố gắng đảm bảo đời sống và thu nhập cho Cán bộ nhân viên, thu nhập bình quân năm 2022 của Cán bộ nhân viên Công ty đạt 25,6 triệu đồng.

THU NHẬP BÌNH QUÂN
CÁN BỘ NHÂN VIÊN

25,6 triệu đồng



HỘI ĐỒNG LƯƠNG CÔNG TY

Hội đồng lương Công ty được thành lập với mục đích:

- Áp dụng thống nhất hệ thống bậc lương theo vị trí công việc, cơ chế quản lý và chi trả tiền lương đối với các đơn vị, người lao động làm việc tại Công ty.
- Gắn việc chi trả tiền lương với chức năng, nhiệm vụ đảm nhiệm; năng lực cá nhân; kết quả và hiệu quả thực hiện công việc của đơn vị, cá nhân cũng như kết quả kinh doanh, chính sách và chiến lược kinh doanh của Công ty.
- Đảm bảo công bằng nội bộ và cạnh tranh với thị trường lao động nhằm tạo động lực nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong công việc; thu hút và giữ lao động thực sự có năng lực, trình độ và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Xác định trách nhiệm, quyền hạn của đơn vị, cá nhân liên quan trong việc thực hiện quản lý và chi trả tiền lương. Công ty thực hiện chính sách trả lương theo nguyên tắc: tiền lương đảm bảo mức sống cơ bản của người lao động, gắn chặt với hiệu quả kinh doanh của từng bộ phận và hiệu quả làm việc của từng cá nhân, vừa tuân thủ theo đúng quy định nhà nước vừa nâng cao tính công bằng và cạnh tranh. Trong năm 2022, Công ty tiếp tục áp dụng chính sách lương theo KPIs (lượng theo hiệu quả công việc), tạo động lực cho người lao động, đảm bảo công bằng nội bộ và tính cạnh tranh trên thị trường.

HỘI ĐỒNG THI ĐUA – KHEN THƯỞNG

Hội đồng thi đua – Khen thưởng Công ty được thành lập với mục đích:

- Đảm bảo công tác thi đua khen thưởng trong Công ty được thực hiện đúng pháp luật của Nhà nước Việt Nam về thi đua khen thưởng.
- Tạo động lực mạnh mẽ, khuyến khích toàn thể Cán bộ nhân viên trong Công ty tích cực thi đua, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Hội đồng Thi đua – Khen thưởng làm việc theo nguyên tắc:

- Công khai, chính xác, công bằng, kịp thời.
- Khen thưởng định kỳ hàng năm được thực hiện trên cơ sở so sánh, lựa chọn trong đơn vị. Bộ Quy định về hoạt động thi đua khen thưởng của Công ty với đầy đủ các hạng mục và hướng dẫn về đánh giá khen thưởng được ban hành và áp dụng nghiêm túc. Nguyên tắc thi đua tại Công ty được xây dựng trên tinh thần tự nguyện, tự giác, công khai, đảm bảo tinh thần đoàn kết, hợp tác, cùng phát triển.
- Hoạt động thi đua khen thưởng trở thành hoạt động quan trọng thúc đẩy tinh thần làm việc hiệu quả của Cán bộ nhân viên Công ty.



Chăm lo đời sống người lao động

Các chương trình phúc lợi, đặc biệt về chăm sóc sức khỏe dành cho cán bộ nhân viên đã và đang được quan tâm đặc biệt nhằm mang lại cho cán bộ nhân viên Công ty những tiện ích tốt nhất trong việc chăm sóc và giữ gìn sức khỏe.

Ngoài việc tham gia bảo hiểm y tế theo quy định của Luật lao động, từ 08 năm trở lại đây, Công ty đã áp dụng chính sách bảo hiểm sức khỏe cao cấp dành cho Cán bộ nhân viên và người thân. Hàng năm, Công ty có chương trình khám sức khỏe định kỳ được áp dụng cho tất cả Cán bộ nhân viên tại các cơ sở khám chữa bệnh có uy tín nhằm đảm bảo tất cả thành viên Công ty đều được bảo vệ và chăm sóc sức khỏe tốt.

Chế độ hiếu hỷ luôn được Công ty và Ban chấp hành Công đoàn quan tâm và thực hiện đầy đủ nhằm thường xuyên thăm hỏi, động viên và hỗ trợ kịp thời đối với tất cả Cán bộ nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty vẫn luôn duy trì các hoạt thể thao, tham quan, nghỉ mát... nhằm mục đích tạo động lực, nâng cao đời sống tinh thần và giúp Cán bộ nhân viên gắn bó hơn với Công ty. Các chương trình hoạt động tập thể, xây dựng đội nhóm như Chương trình hội nghị người lao động, đối thoại định kỳ, bếp ăn tập thể, Quốc tế phụ nữ, Quốc tế thiếu nhi, Trung thu... luôn được Công ty chú trọng nhằm tăng cường tinh thần đoàn kết và hợp tác, tạo điều kiện giao lưu trao đổi giữa lãnh đạo và nhân viên, giữa các nhân viên với nhau để chia sẻ định hướng, quan điểm về việc xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh, cùng nhau tạo dựng một môi trường làm việc hiệu quả, qua đó thúc đẩy mỗi cá nhân phát huy cao nhất năng lực của mình, đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty cũng như sự phát triển bản thân.

TAO MÔI TRƯỜNG THUẬN LỢI, HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP CHO NHÂN VIÊN

CÔNG TÁC NHÂN SỰ, TUYỂN DỤNG

Xác định con người chính là tài sản quý giá nhất và là chìa khóa thành công của Công ty, VietinBank Securities luôn chú trọng chính sách phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là những nhân sự có năng lực, trình độ. Trong năm 2022 Công ty đã tiếp nhận và bổ nhiệm mới 01 Phó Tổng Giám đốc, thực hiện tuyển dụng 67 nhân sự mới là những cán bộ trẻ được đào tạo tại các trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước. Cơ cấu nhân sự của công ty dần được trẻ hóa, các nhân sự trong Công ty luôn được tạo cơ hội và điều kiện tốt nhất để phát huy được năng lực của mình. Trong năm 2022, Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với 25 lao động theo nguyện vọng cá nhân, trong đó có 02 nhân sự đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc.

CÔNG TÁC THI ĐUA KHEN THƯỞNG

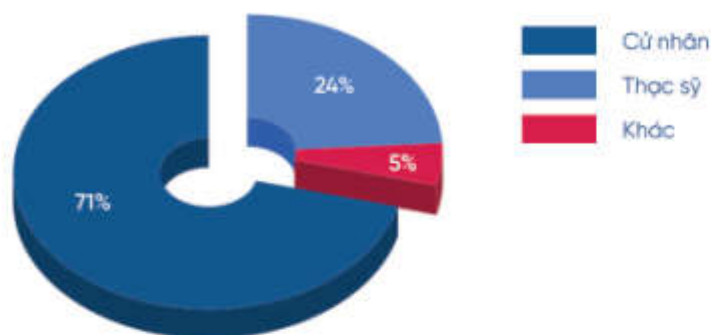
Trong năm qua, VietinBank Securities đã thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng. Công ty đã thực hiện khen thưởng cho các Cán bộ nhân viên đạt thành tích tốt qua các đợt phát động thi đua ngắn ngày và các Đơn vị có thành tích nổi bật, đóng góp vào sự phát triển chung của Công ty trong năm 2022. Những ghi nhận và khen thưởng kịp thời giúp Cán bộ nhân viên, các Đơn vị trong Công ty có thêm động lực gắn bó và cống hiến.

CÔNG TÁC QUY HOẠCH VÀ QUẢN LÝ CÁN BỘ

Năm 2022, VietinBank Securities đã thực hiện tốt công tác quy hoạch giai đoạn 2021 – 2026 đối với các Cán bộ thuộc các chức danh do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Công ty quản lý. Việc Quy hoạch các nhân sự, đặc biệt các nhân sự trẻ vào các vị trí Quản lý không chỉ tạo cơ hội, động lực cho các Cán bộ trẻ có trình độ năng lực, phẩm chất đạo đức tốt phấn đấu mà còn tạo ra một làn gió mới trong công tác quản lý phù hợp với sự phát triển chung và định hướng phát triển của Công ty.

Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện điều động và bổ nhiệm 34 Cán bộ Quản lý, 08 Cán bộ nghiệp vụ. Việc sắp xếp lại lao động, điều chuyển và bố trí nhân sự phụ trách mảng công việc theo năng lực giúp Cán bộ Công ty thường xuyên được trao đổi mở rộng nghiệp vụ, đồng thời tạo điều kiện để hỗ trợ lẫn nhau nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu chung của Công ty.

CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN



HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Đào tạo nội bộ

Trong năm 2022, VietinBank Securities đã phối hợp cùng Trường đào tạo và PTNNL VietinBank tổ chức 02 khóa đào tạo: Khung Năng lực VietinBank và ứng dụng trong phát triển năng lực nhân sự tại VietinBank Securities và Khóa đào tạo Kỹ năng lãnh đạo.

Khóa đào tạo Kỹ năng lãnh đạo với 04 Module: Chấn hưng Cán bộ quản lý; Kỹ năng quản lý thời gian; Kỹ năng lập và triển khai kế hoạch; Kỹ năng tạo động lực được triển khai với 02 hình thức: Học viên có thể học Online qua hệ thống học trực tuyến E-learning của Trường đào tạo và PTNNL VietinBank để nắm được các kiến thức nền tảng và sau đó tham gia các lớp đào tạo trực tiếp cùng các Giảng viên của Trường đào tạo và PTNNL VietinBank.

Đào tạo bên ngoài

Trong năm 2022 VietinBank Securities tiếp tục cử cán bộ chưa có chứng chỉ hành nghề tham gia các khóa đào tạo Trung tâm Nghiên cứu khoa học và đào tạo Chứng khoán với các lớp đào tạo cụ thể như sau:

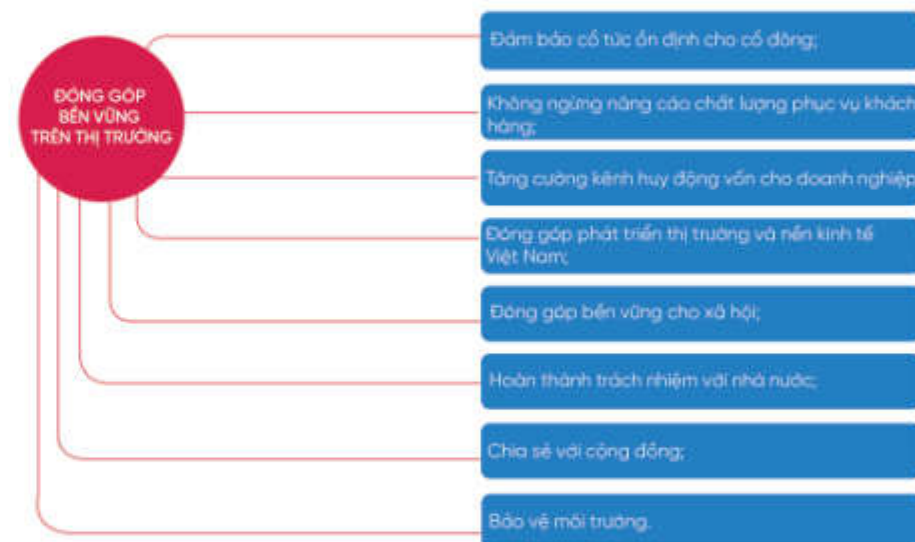
- Lớp Phân tích và Đầu tư Chứng khoán: 11 người.
- Lớp Môi giới và Đầu tư Chứng khoán: 31 người.
- Lớp Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp: 05 người.
- Lớp Pháp luật về Chứng khoán và thị trường Chứng khoán: 35 người.
- Lớp Phân tích Báo cáo tài chính Doanh nghiệp: 08 người.
- Lớp Quản lý Quỹ và Tài sản: 07 người.
- Lớp Những vấn đề cơ bản về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán: 10 người.

Hoạt động quản lý chất lượng dịch vụ, giám sát việc thực hiện quy chuẩn về đạo đức nghề nghiệp

Năm 2022 hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm dịch vụ cũng được chú trọng thực hiện nghiêm túc, bộ phận giám sát đã tiến hành việc kiểm tra và nhắc nhở thường xuyên nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty được thực hiện và tuân thủ theo đúng các quy định của nhà nước, pháp luật mang đến cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ chất lượng tốt nhất. 100% cán bộ, nhân viên hành nghề chứng khoán tại VietinBank Securities có chứng chỉ hành nghề do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.



5.2. ĐÓNG GÓP BỀN VỮNG TRÊN THỊ TRƯỜNG



PHỤC VỤ CHO LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG

Với chính sách cổ tức ổn định từ 6%/năm trở lên, VietinBank Securities đảm bảo các khoản cổ tức định kỳ và thu nhập ổn định cho cổ đông. Minh bạch hóa thông tin với nhà đầu tư được VietinBank Securities quan tâm thực hiện thông qua việc chú trọng Công tác quan hệ cổ đông (Investor Relation - IR), đảm bảo quyền lợi tiếp cận thông tin của cổ đông. Công tác IR tại VietinBank Securities được thực hiện chuyên trách bởi người được ủy quyền công bố thông tin trực tiếp phụ trách.

Đại hội đồng cổ đông thường niên và Báo cáo thường niên là hai hoạt động IR chính giúp nhà đầu tư và cổ đông nắm được đầy đủ các thông tin về kết quả kinh doanh, chiến lược, tầm nhìn và các hoạt động đầu tư của VietinBank Securities trong năm. VietinBank Securities cũng xây dựng và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu của các cổ đông để gửi thông tin qua thư điện tử.

KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG.

Cung cấp sản phẩm dịch vụ khách hàng với sự thấu hiểu và tận tâm

Nhân sự của Công ty được đào tạo với việc đề cao tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo luôn cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin đến khách hàng và đảm bảo rằng các khoản đầu tư của mỗi khách hàng được tư vấn thực hiện một cách an toàn và hiệu quả nhất bởi đội ngũ chuyên gia có kinh nghiệm và trình độ cao. Bên cạnh các dịch vụ chứng khoán cơ bản cung cấp cho khách hàng, VietinBank Securities phát triển một hệ thống các tiện ích gia tăng nhằm hỗ trợ khách hàng về kiến thức và công cụ tham gia thị trường:

Báo cáo phân tích: Điểm mạnh trong các báo cáo phân tích của Công ty là các phân tích sâu, chi tiết, thông tin nhanh nhạy và các dự báo trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng tình hình kinh tế vĩ mô, ngành và từng doanh nghiệp, giúp nhà đầu tư ra quyết định kịp thời.

Đóng góp phát triển thị trường

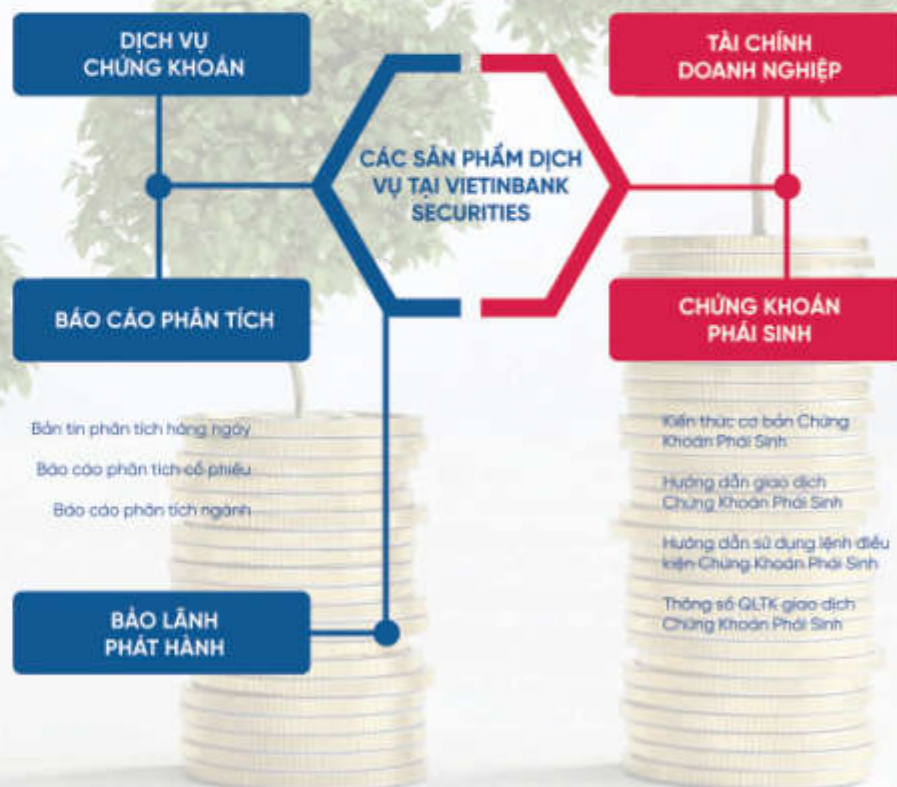
VietinBank Securities đã tích cực tham gia các hoạt động đóng góp cho thị trường như Diễn đàn thảo luận thường niên của UBCKNN, các Hội thảo, Hội nghị thành viên của HNX, HOSE... Ngoài ra, VietinBank Securities còn có các chuyên đề phân tích chuyên sâu, đánh giá các vấn đề mang tầm vĩ mô, "nóng hổi" của nền kinh tế ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán thế giới và trong nước giúp các NĐT có cái nhìn sâu sắc, toàn diện, từ đó đưa ra các quyết định đầu tư an toàn, hiệu quả hơn.

CÁC CÔNG CỤ HỖ TRỢ GIAO DỊCH:

Để tối đa hóa hiệu quả dịch vụ, VietinBank Securities đã áp dụng nâng cấp các công nghệ hỗ trợ tiện ích cho khách hàng, bao gồm:

- Các giải pháp giao dịch trực tuyến cho phép nhà đầu tư ở bất cứ đâu đều có thể theo dõi được thông tin thị trường chứng khoán và giao dịch theo thời gian thực.
- SMS: Nhằm phục vụ cho việc theo dõi sự biến động trên tài khoản khách hàng, hệ thống tin nhắn SMS của VietinBank Securities tự động nhắn tin đến khách hàng khi có sự thay đổi về tiền, chứng khoán, cổ tức và thực hiện quyền trên tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư.
- Thư điện tử: VietinBank Securities định kỳ gửi bản tin và sao kê hàng tháng cho nhà đầu tư nhằm mang lại sự thuận lợi, nhanh chóng, an toàn trong việc cập nhật thông tin tài khoản giao dịch chứng khoán đến nhà đầu tư.
- Hoạt động chăm sóc khách hàng: Trong năm 2022, Công ty đã đẩy mạnh hoạt động chăm sóc khách hàng thông qua việc đưa ra các gói sản phẩm phù hợp với từng đối tượng khách hàng.
- Kể từ năm 2018, Công ty đã chính thức đưa vào hoạt động hệ thống giao dịch chứng khoán UNICORE và đặc biệt là ứng dụng giao dịch chứng khoán qua thiết bị di động UniMobi đáp ứng nhu cầu theo dõi, giao dịch mọi lúc, mọi nơi của các nhà đầu tư.

- Mở tài khoản giao dịch
- Giao dịch chứng khoán niêm yết
- Dịch vụ hỗ trợ giao dịch chứng khoán
- Dịch vụ hỗ trợ tài chính
- Lưu ký chứng khoán
- Dịch vụ quản lý số cổ đông
- Dịch vụ Đại lý đăng ký chứng khoán và thanh toán
- Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp
- Tư vấn niêm yết chứng khoán
- Tư vấn phát hành chứng khoán
- Tư vấn M&A
- Tư vấn tái cấu trúc tài chính



5.3 ĐÔNG GÓP CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA XÃ HỘI

Hoạt động tăng trưởng xanh

Tăng trưởng xanh được xác định là điểm nhấn quan trọng trong chính sách phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam nhằm hướng tới sự phát triển bền vững. Tại Hội nghị Thượng đỉnh về biến đổi khí hậu được tổ chức trong khuôn khổ Hội nghị COP26, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã có phát biểu công bố những cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó Việt Nam cam kết đạt mức phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 do thu hút sự chú ý của dư luận và truyền thông quốc tế. Để cụ thể những cam kết trên trong năm 2022, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã ký Quyết định số 1044/QĐ-TTg ngày 5/9/2022 thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia về tăng trưởng xanh để triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn 2050.

Đối với thị trường tài chính, các sản phẩm tài chính xanh trong đó có trái phiếu xanh đang dần trở thành công cụ hữu hiệu của các quốc gia trong đó có Việt Nam trong việc thu hút vốn cho những dự án gắn liền với vấn đề môi trường.

Để khuyến khích sự phát triển của thị trường chứng khoán xanh và góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội, CTS đã và đang tìm kiếm cơ hội thực hiện đầu tư các loại cổ phiếu, trái phiếu xanh trên thị trường.

Danh mục các cổ phiếu xanh trong danh mục đầu tư của Công ty năm 2023:

- Các cổ phiếu có hoạt động đầu tư vào mảng nông nghiệp: Công ty Cổ phần Nông nghiệp quốc tế Hoàng Anh Gia Lai, Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam và Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải.



Yếu tố xanh:
Cung cấp các sản phẩm hoa quả & thịt lợn sạch dinh dưỡng tự nhiên, thân thiện với môi trường.

- Cổ phiếu có hoạt động đầu tư vào mảng nước sạch: Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Tài tạo và CTCP Nước - Môi trường Bình Dương.



Yếu tố xanh:
Cung cấp các sản phẩm nước sạch trong khu công nghiệp & nước sạch & chế biến rác thải.

- Cổ phiếu có hoạt động đầu tư vào mảng năng lượng sạch: Công ty cổ phần Bamboo Capital.



Yếu tố xanh:
Cung cấp năng lượng sạch - năng lượng mặt trời.

Kế hoạch đầu tư cổ phiếu xanh năm 2023:

Công ty tiếp tục đầu tư lựa chọn doanh nghiệp cổ phiếu xanh do những doanh nghiệp này thường sẽ có quy trình sản xuất bài bản, đầu tư công nghệ tiên tiến và ít chịu rủi ro phải đền bù thiệt hại liên quan đến môi trường.



BÁO CÁO
TÀI CHÍNH



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	
Họ tên	Chức vụ
Ông Trần Phúc Vinh	Chủ tịch
Bà Hồ Thị Thu Hiền	Thành viên
Ông Đặng Anh Hào	Thành viên
Ông Vũ Đức Mạnh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2022)
Bà Hà Thu Phương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2022)
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 04 tháng 7 năm 2022)
Bà Trần Thị Thìn	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2022)

Ban Kiểm soát	
Họ tên	Chức vụ
Bà Phan Thị Thu Hằng	Trưởng Ban
Bà Lâm Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Trần Thị Kim Oanh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2022)
Ông Nguyễn Thế Hưng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2022)

Ban Tổng Giám Đốc	
Họ tên	Chức vụ
Ông Vũ Đức Mạnh	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Anh Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Ngọc Tài	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2022)
Bà Phan Hải Sâm	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2022)
Ông Thái Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2022)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Trần Phúc Vinh – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210"), Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư 210, Thông tư 334 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


 Vũ Đức Mạnh
 Tổng giám đốc


 Trần Phúc Vinh
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2023.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam, được lập ngày 17 tháng 03 năm 2023, từ trang 5 đến trang 52, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210"), Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư 210, Thông tư 334 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 28 tháng 02 năm 2022 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-20182023-001-1

Mai Thị Thủy Loan
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3837-2021-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 17 tháng 03 năm 2023
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130)			4.961.835.550.792	6.610.378.958.756
I. Tài sản tài chính	110		4.950.488.241.639	6.025.551.542.658
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	158.346.973.110	336.585.016.517
1.1. Tiền	111.1		126.346.973.110	336.585.016.517
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		32.000.000.000	-
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7	1.803.505.674.547	1.719.909.976.075
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	7	1.138.331.750.000	2.137.635.599.500
4. Các khoản cho vay	114	7	1.510.162.481.723	1.594.936.417.382
5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	7	276.965.800.000	160.000.000.000
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	7	(4.810.368.138)	(4.810.368.138)
7. Các khoản phải thu	117	8	64.010.966.403	76.086.630.982
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		832.500.000	-
7.2. Phải thu và dự thu có tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		63.178.466.403	76.086.630.982
7.2.1. Dự thu có tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.2.1		63.178.466.403	76.086.630.982
8. Trả trước cho người bán	118		1.792.687.120	1.332.156.000
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	8	2.487.535.347	4.217.522.852
10. Các khoản phải thu khác	122		690.272.862	350.013.731
11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	9	(995.531.335)	(691.422.243)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		11.347.309.153	584.827.416.098
1. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		9.000.000	21.587.500
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	10	9.146.363.272	8.602.598.028
3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		50.000.000	69.968.901
4. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		681.209.103	-
5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	136	17	1.460.736.778	-
6. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	138	19	-	576.133.261.669
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250)			75.134.862.193	75.307.443.085
I. Tài sản cố định	220		41.620.740.897	44.850.014.302
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	7.278.412.600	7.581.642.429
- Nguyên giá	222		58.787.788.379	54.484.411.579
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(51.509.375.779)	(46.902.769.150)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	34.342.328.297	37.268.371.873
- Nguyên giá	228		73.984.667.896	73.195.467.896

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(39.622.339.599)	(35.927.096.023)
II. Tài sản dài hạn khác	250		33.514.121.296	30.457.428.783
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		299.160.000	220.265.000
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	10	3.136.521.262	178.859.514
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	13	20.000.000.000	20.000.000.000
4. Tài sản dài hạn khác	255	13	10.078.440.034	10.058.304.269
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		5.036.970.412.985	6.685.686.401.841
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+340)	300		3.182.650.568.889	4.873.877.661.077
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		3.136.567.154.743	4.796.207.530.558
1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311	14	3.075.099.329.013	4.100.407.343.338
1.1. Vay ngắn hạn	312		3.075.099.329.013	4.100.407.343.338
2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	15	2.652.417.276	13.251.925.841
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320	16	6.466.342.051	987.636.758
4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		1.534.030.013	1.430.411.520
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	17	5.649.364.048	41.471.584.347
6. Phải trả người lao động	323		17.532.139.125	24.080.726.542
7. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	18	19.139.225.776	15.566.996.156
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		406.660.113	3.259.658.133
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		1.225.847.219	1.100.613.769
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		6.861.800.109	2.641.969.489
11. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	332	19	-	592.008.664.665
II. Nợ phải trả dài hạn	340		46.083.414.146	77.670.130.519
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351		1.652.116.437	4.225.293.527
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	29	44.431.297.709	73.444.836.992

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.854.319.844.096	1.811.808.740.764
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	1.854.319.844.096	1.811.808.740.764
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.493.274.874.053	1.070.285.524.053
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		1.487.383.110.000	1.064.365.760.000
a. Cổ phiếu phổ thông có biểu quyết	441.1a		1.487.383.110.000	1.064.365.760.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		6.150.512.734	6.178.512.734
1.3. Cổ phiếu quỹ	411.5		(258.748.681)	(258.748.681)
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		(11.147.416.000)	-
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		-	42.878.917.232
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		2.504.901.214	42.878.917.232
5. Lợi nhuận chưa phân phối	417		369.687.484.829	655.765.382.247
5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1	21	200.117.529.195	381.288.685.482
5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		169.569.955.634	274.476.696.765
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440=330+400)	440		5.036.970.412.985	6.685.686.401.841

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành	006	20	1.487.013.490.000	1.063.996.140.000
2. Cổ phiếu quỹ	007	20	369.620.000	369.620.000
3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	22.1	561.961.580.000	270.823.380.000
4. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009	22.2	1.460.000	77.914.920.000
5. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010		2.000.000.000	-
6. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	22.3	1.071.049.280.000	985.702.640.000
7. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013		100.000	813.590.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	22.4	17.777.932.907.000	17.140.741.431.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		11.423.821.842.000	12.001.842.989.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		1.735.667.990.000	1.958.292.060.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		1.955.658.310.000	1.184.888.533.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		2.549.158.910.000	1.826.813.330.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		113.625.855.000	168.904.519.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	22.5	93.294.390.000	149.830.290.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		93.294.390.000	149.830.290.000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	22.6	106.300.178.000	172.675.219.000
4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024.b		77.260.000	3.064.140.000
5. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025		77.778.300.000	78.770.670.000
6. Tiền gửi của khách hàng	026		368.333.518.597	674.823.503.136
6.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	22.7	260.257.162.049	306.471.461.887
6.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	22.7	98.122.105.223	317.751.587.134

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
6.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	22.7	4.421.614.075	46.355.339.520
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		3.249.295.998	46.175.563.597
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		1.172.318.077	179.775.923
6.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	22.8	5.532.637.250	4.245.114.595
7. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	22.9	362.800.881.347	670.578.388.541
7.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		360.264.740.358	668.693.185.010
7.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		1.693.528.088	701.322.595
7.3. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi Kỳ quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh	031.3		842.612.901	1.183.880.936
8. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	22.9	5.532.637.250	4.245.114.595



Lưu Thị Tuyền
Người lập



Nguyễn Thị Anh Thu
Kế toán trưởng



Trần Phúc Vinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01		443.632.195.011	635.039.421.361
a. Lãi bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.1	23.1	88.139.742.869	190.352.149.692
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.2	23.2	236.905.154.158	378.092.726.917
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.3	23.3	118.587.297.984	66.594.544.752
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	23.3	88.501.819.316	73.832.381.083
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	23.3	189.174.189.320	145.284.661.510
1.4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	04	23.3	14.000.180.823	15.657.534.247
1.5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		101.743.078.582	148.857.330.498
1.6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		9.206.454.545	3.018.000.000
1.7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		18.040.633.884	36.558.225.634
1.8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		6.808.640.497	5.166.590.907
1.9. Thu nhập hoạt động khác	11		1.047.920.655	1.139.216.796
Cộng doanh thu hoạt động (20=01+02+03+04+06+07+09+10+11)	20		872.155.112.633	1.064.553.362.036
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21		382.825.795.174	216.064.889.509
a. Lỗ bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.1	23.1	14.092.087.347	14.683.138.405
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.2	23.2	368.038.580.572	200.078.507.704
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.3		695.127.255	1.303.243.400
2.2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		-	(2.700.000.000)
2.3. Chi phí hoạt động tự doanh	26		6.161.565.848	7.072.031.493
2.4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	24	66.317.758.193	91.360.892.257
2.5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	25	13.204.366.204	26.539.495.617
2.6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		7.497.075.901	10.087.893.929

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
2.7. Chi phí khác	32		261.609.092	304.503.985
Cộng chi phí hoạt động (40=21+24+26+27+30+31+32)	40		476.268.170.412	348.729.706.790
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	26	2.713.619.799	2.239.749.188
3.2. Doanh thu khác về đầu tư	44	26	1.172.871.521	-
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50=42+44)	50		3.886.491.320	2.239.749.188
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chi phí lãi vay	52	27	199.975.630.831	136.950.445.608
4.2. Chi phí tài chính khác	55	27	31.295.774.553	18.033.525.121
Cộng chi phí tài chính (60=52+55)	60		231.271.405.384	154.983.970.729
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN				
62	28		89.790.225.136	81.975.963.065
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-60-62)				
70			78.711.803.021	481.103.470.640
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1. Thu nhập khác	71		92.357.730	853.396.721
7.2. Chi phí khác	72		10.000.000	-
Cộng kết quả hoạt động khác (80=71-72)	80		82.357.730	853.396.721
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70+80)				
90			78.794.160.751	481.956.867.361
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		209.927.587.165	303.942.648.148
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(31.133.426.414)	178.014.219.213
IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN				
100			7.726.224.487	95.453.093.791
9.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	29	33.952.909.770	59.850.249.948
9.2. (Thu nhập)/Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	29	(26.226.685.283)	35.602.843.843
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200=90-100)				
200			71.067.936.264	386.503.773.570
10.1. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu	201		71.067.936.264	386.503.773.570

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
XI. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN				
11.1. (Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	302	23.2	(13.934.270.000)	-
11.2. Lãi, lỗ toàn diện khác	304		2.786.854.000	-
Tổng thu nhập toàn diện	400		59920.520.264	386.503.773.570
XII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG				
12.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	30	478	2.482


Lưu Thị Tuyền
Người lập

Nguyễn Thị Anh Thu
Kế toán trưởngTrần Phúc Vinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2023



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIẾN TỆCho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	78.794.160.751	481.956.867.361
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02	(82.401.165.679)	12.521.708.379
- Khấu hao tài sản cố định	03	8.301.850.205	9.398.698.145
- Các khoản dự phòng	04	304.109.092	(2.395.496.015)
- Chi phí lãi vay	06	199.975.630.831	136.950.445.608
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07	-	(509.091)
- Dự thu tiền lãi	08	(290.982.755.807)	(131.431.430.268)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10	368.038.580.572	200.078.507.704
- Lãi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	11	368.038.580.572	200.078.507.704
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18	(236.905.154.158)	(378.092.726.917)
- Lãi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	19	(236.905.154.158)	(378.092.726.917)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	724.184.405.073	(1.949.816.719.756)
- Thay đổi tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31	(214.729.124.886)	(54.896.939.143)
- Thay đổi các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32	999.303.849.500	(1.376.635.599.500)
- Thay đổi các khoản cho vay	33	84.773.935.659	(671.946.681.795)
- Thay đổi tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	34	(130.900.070.000)	120.363.606.514
- Thay đổi phải thu bán các tài sản tài chính	35	(832.500.000)	82.302.909.500
- Thay đổi phải thu và dự thu có tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	303.384.677.390	103.886.502.564
- Thay đổi các khoản phải thu các dịch vụ công ty chung khoán cung cấp	37	1.729.987.505	(348.095.489)
- Thay đổi các khoản phải thu khác	39	(859.716.350)	(129.557.248)
- Thay đổi các tài sản khác	40	(15.376.708.265)	894.500
- Thay đổi chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	349.379.645	8.596.920.763
- Thay đổi chi phí trả trước	42	(3.501.426.992)	(5.917.661.736)
- Thuế TNDN đã nộp	43	(68.315.742.245)	(32.089.746.746)
- Lãi vay đã trả	44	(97.184.502.015)	(134.282.100.116)
- Thay đổi phải trả cho người bán	45	5.478.705.293	19.820.315.374
- Thay đổi các khoản trích nộp phúc lợi cho nhân viên	46	-	-
- Thay đổi thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	(3.601.333.705)	4.834.016.061
- Thay đổi phải trả người lao động	48	(6.548.587.417)	10.483.811.278
- Thay đổi phải trả, phải nộp khác	50	(16.662.314.824)	(13.964.377.003)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51	169.000.000	134.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	(12.493.103.220)	(10.028.937.534)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	851.710.826.559	(1.633.352.363.229)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(5.072.576.800)	(1.393.400.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		-	509.091
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.072.576.800)	(1.392.890.909)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay gốc		18.631.788.197.747	21.306.995.826.911
2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(19.656.664.490.913)	(19.357.595.122.592)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.024.876.293.166)	1.949.400.704.319
IV. Thay đổi tiền thuần trong năm		(178.238.043.407)	314.655.450.181
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		336.585.016.517	21.929.566.336
- Tiền		336.585.016.517	21.929.566.336
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		158.346.973.110	336.585.016.517
- Tiền		126.346.973.110	336.585.016.517
- Các khoản tương đương tiền		32.000.000.000	-



PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	86.021.306.786.660	114.701.254.645.247
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(88.670.415.588.655)	(116.934.920.684.709)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	2.350.351.807.644	2.297.106.671.621
4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(9.020.512.643)	(8.909.844.494)
5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	6.715.754.405.321	15.559.716.088.926
6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(6.714.466.882.666)	(15.559.770.126.031)
Thay đổi tiền thuần trong năm	20	(306.489.984.539)	54.476.750.560
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng			
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	30	674.823.503.136	620.346.752.576
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	31	674.823.503.136	620.346.752.576
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	32	306.471.461.887	379.910.903.376
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	317.751.587.134	204.911.353.489
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	46.355.339.520	31.225.344.071
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	4.245.114.595	4.299.151.700
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40=20+30)			
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	40	368.333.518.597	674.823.503.136
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	41	368.333.518.597	674.823.503.136
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	42	260.257.162.049	306.471.461.887
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	98.122.105.223	317.751.587.134
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	4.421.614.075	46.355.339.520
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	5.532.637.250	4.245.114.595


Lưu Thị Tuyền
Người lập

Nguyễn Thị Anh Thư
Kế toán trưởng

Trần Phúc Vinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VNĐ

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng / giảm		Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Tăng	Giảm	Năm trước	Năm nay
Biến động vốn chủ sở hữu							
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20	1.070.285.524.053	1.070.285.524.053	-	(28.000.000)	1.070.285.524.053	1.493.274.874.053
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.064.365.760.000	1.064.365.760.000	-	423.017.350.000	1.064.365.760.000	1.487.383.110.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		6.178.512.734	6.178.512.734	-	(28.000.000)	6.178.512.734	6.150.512.734
1.3. Cổ phiếu quỹ	20	(258.748.681)	(258.748.681)	-	-	(258.748.681)	(258.748.681)
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	20	38.928.580.372	3.950.336.860	3.950.336.860	(42.878.917.232)	42.878.917.232	-
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	20	38.928.580.372	3.950.336.860	3.950.336.860	-	42.878.917.232	2.504.901.214
4. Lợi nhuận chưa phân phối	20	289.297.113.892	386.503.773.570	(20.035.505.215)	176.038.654.627	655.765.382.247	369.687.484.829
4.1. Lợi nhuận đã thực hiện		157.231.792.697	244.092.398.200	(20.035.505.215)	176.038.654.627	381.288.685.462	200.117.529.195
4.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		132.065.321.195	142.411.375.370	142.411.375.370	-	274.476.696.785	169.569.955.634
Tổng cộng		1.437.439.798.689	1.811.608.740.764	396.404.447.290	(20.035.505.215)	401.496.928.409	1.811.808.740.764

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng / giảm		Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Tăng	Giảm	Năm trước	Năm nay
II. Thu nhập toàn diện khác							
1. (Lãi) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)		-	-	-	(13.934.270.000)	-	(13.934.270.000)
2. Lãi, lỗ toàn diện khác		-	-	2.786.854.000	-	-	2.786.854.000
Tổng cộng		-	-	2.786.854.000	(13.934.270.000)	-	(11.147.416.000)

Lưu Thị Tuyên
Người lập

Nguyễn Thị Anh Thư
Kế toán trưởng



Trần Phúc Vinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Mô hình, ngày 17 tháng 03 năm 2023

01. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cùng với các cổ đông khác thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 107/UBCK-GP ngày 01 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 789934.000.000 VND. Ngày 10 tháng 10 năm 2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 97/GPĐC-UBCK tăng vốn điều lệ của Công ty lên 1.487383.110.000 VND.

Ngày 31 tháng 7 năm 2009, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội). Theo Quyết định số 431/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu của Công ty hủy niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 6 năm 2017. Ngày 20 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được chuyển sang giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (theo Quyết định số 196/QĐ-SGD ngày 13 tháng 6 năm 2017).

Công ty có trụ sở chính tại số 306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có một (01) trụ sở chính và hai (02) chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 217 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 175 người).



Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; lưu ký chứng khoán và thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán

Công ty thực hiện theo Điều 28 Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 ("Thông tư 121") quy định về hoạt động công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư, theo đó:

Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản đầu tư không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

- a. Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
- b. Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- c. Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- d. Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- e. Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- f. Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
- g. Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại Điểm c, d và e nêu trên. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a. Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
- b. Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
- c. Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26 và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều 28 và Điểm e Khoản 4 Điều 28, Thông tư 121.

Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều 28 tối đa trong thời hạn một (01) năm.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.

Một số số liệu của năm trước đã được phân loại lại trên báo cáo năm nay để phục vụ cho mục đích so sánh như sau:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số trình bày lại VND
Lãi/(Lãi) từ hoạt động đầu tư	07	15.793.266.842	(15.793.775.933)	(509.091)
Lãi vay đã trả	44	(152.315.625.237)	18.033.525.121	(134.282.100.116)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	2.239.749.188	(2.239.749.188)	-

02. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tuyên bố về tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư 210, Thông tư 334 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

03. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN MỚI

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC ("Thông tư 114") bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ do Bộ Tài chính ban hành. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2022.

Một số thay đổi chủ yếu trong Thông tư 114 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính bao gồm:



- Quy định việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi thực hiện theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 ("Thông tư 48") do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- Quy định việc sử dụng số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 24/2022/TT-BTC ("Thông tư 24") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48 hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi. Thông tư 24 có hiệu lực từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

Công ty đã áp dụng các thông tư này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

04. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư 210, Thông tư 334 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, kết quả hoạt động thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi thanh toán bù trừ và giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi thanh toán bù trừ và giao dịch chứng khoán là số tiền của công ty chứng khoán để sẵn sàng tham gia thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc tại thời điểm ghi nhận ban đầu các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty.

Giá mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ không bao gồm các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Các chi phí giao dịch này được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.



Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phái sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán hoặc nhóm tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) đi các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ (-) đi các khoản giảm trừ khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ theo giá trị trường so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ". Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ theo giá trị trường so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ".

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực tương tự như các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán; hoặc không được phân loại là các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý; trừ trường hợp tài sản tài chính là công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc.

Khoản chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán theo giá hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Lãi/lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán" thuộc phần thu nhập toàn diện khác sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động.

Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ và sẵn sàng để bán theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc; phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm đánh giá lại do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường, chứng khoán chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày đánh giá lại hoặc chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thủ sấu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá trị thị trường của các chứng khoán này.

Đối với chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên, giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại được ước tính dựa trên mô hình định giá nội bộ của Công ty. Cơ sở để xác định giá trị hợp lý là sử dụng một trong hai nhóm phương pháp định giá sau tùy thuộc vào từng loại hình doanh nghiệp cần định giá và khả năng thu thập thông tin như: phương pháp định giá chiết khấu; phương pháp định giá so sánh.



Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:

- Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc

- Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phân định quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh, các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL.

tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ.

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoán nhập;
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.



Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Công ty thực hiện trích lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và sẵn sàng để bán khi có các bằng chứng khách quan về sự giảm giá trị hợp lý của tài sản tài chính theo hướng dẫn của Thông tư 210.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phân ảnh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo. Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ phải thu, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu bao gồm phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, lãi dự thu về dịch vụ tài chính, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán; Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu nhà đầu tư trong giao dịch chứng khoán về phí dịch vụ môi giới, phí lưu ký chứng khoán, hoạt động bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán, hoạt động tư vấn và dịch vụ khác.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	07
Máy móc và thiết bị	03 - 06
Thiết bị văn phòng	03 - 07
Phương tiện vận tải	06
Tài sản khác	04

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê là 50 năm từ ngày 10 tháng 11 năm 2014 đến ngày 09 tháng 11 năm 2064.

Phần mềm

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 03 đến 05 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí thuê văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ, phí bảo lãnh và thu xếp khoản vay, phí bảo trì và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các khoản chi phí trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Thuế tài sản

Một khoản thuế được xem là thuế hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuế hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm các khoản trả phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán và các khoản phải trả khác.

Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Doanh thu

Doanh thu từ đầu tư vào công cụ tài chính

Doanh thu hoạt động đầu tư vào công cụ tài chính bao gồm lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi từ các khoản cho vay và phải thu, lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ghi nhận các khoản chênh lệch lãi bán tài sản tài chính của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán).

Thu nhập lãi từ tài sản tài chính

Thu nhập lãi từ các tài sản tài chính được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

Doanh thu hoạt động tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Cổ tức

Cổ tức nhận được bằng tiền được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư và hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư và hoạt động lưu ký chứng khoán được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi thỏa mãn cả bốn (4) điều kiện sau đây:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bao gồm lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của công ty chứng khoán bao gồm chi phí hoạt động tự doanh, chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn và các chi phí hoạt động khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của công ty chứng khoán bao gồm chi phí lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác đúng cho hoạt động quản lý.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong năm khi phát sinh trên cơ sở dồn tích.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cũng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	235.625.903	297.642.884
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	125.835.423.266	336.085.384.117
Tiền gửi thanh toán bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	275.923.941	201.989.516
Các khoản tương đương tiền (*)	32.000.000.000	-
	158.346.973.110	336.585.016.517

(*) Tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 6%/năm.

6. GIÁ TRỊ, KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỶ NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VND
Của công ty chứng khoán	264.174.642	45.458.574.540.871
Cổ phiếu	22.413.471	595.079.606.770
Trái phiếu	237.880.445	26.848.386.006.971
Chứng khoán khác	3.880.726	18.015.108.927.130
Của nhà đầu tư	3.229.441.199	66.598.947.548.540
Cổ phiếu	3.145.036.179	66.468.836.666.910
Trái phiếu	841.800	79.024.884.500
Chứng khoán khác	83.563.220	51.085.997.130

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN CHÍNH

Tại sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	608.217.740.176	515.577.344.775	449.205.448.033	671.859.422.850
Cổ phiếu chưa niêm yết	115.574.211.428	425.002.724.172	115.604.780.620	240.872.339.560
Trái phiếu niêm yết	231.017.500.000	231.017.500.000	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	521.600.000.000	521.600.000.000	807.178.213.665	807.178.213.665
Chứng chỉ tiền gửi	110.308.105.600	110.308.105.600	-	-
Tổng cộng	1.586.717.567.204	1.803.505.674.547	1.371.988.442.318	1.719.909.976.075

Tại thời điểm cuối kỳ năm, Công ty đã cầm cố trái phiếu chưa niêm yết với số tiền 365.000.000.000 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 14).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi có kỳ hạn cố định	1.138.331.750.000	2.137.635.599.500
Tổng cộng	1.138.331.750.000	2.137.635.599.500

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 13 tháng và lãi suất từ 4,9% đến 10,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: kỳ hạn từ 7 tháng đến 13 tháng và lãi suất từ 4,3% đến 5,8%/năm). Tại thời điểm cuối kỳ năm, Công ty đã cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 1.166.331.750.000 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 14).

Các khoản cho vay

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cho vay hoạt động kỳ quỹ	1.466.660.146.637	1.487.700.628.583
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	43.502.335.086	107.235.788.799
Tổng cộng	1.510.162.481.723	1.594.936.417.382

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	40.900.070.000	26.965.800.000	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	250.000.000.000	250.000.000.000	160.000.000.000	160.000.000.000
Tổng cộng	290.900.070.000	276.965.800.000	160.000.000.000	160.000.000.000

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay kỳ quỹ	(4.810.368.138)	(4.810.368.138)
Tổng cộng	(4.810.368.138)	(4.810.368.138)

Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị hợp lý	Tổng	Chênh lệch đánh giá lại	Giá trị
Tài sản tài chính					
Tài sản tài chính ghi nhận thông tin lãi/lỗ					
Cổ phiếu niêm yết	608.217.750.176	515.577.344.775	52.901.613.944	(145.542.019.245)	
Cổ phiếu chưa niêm yết	115.574.211.428	425.002.724.172	332.845.070.262	(23.416.557.518)	
Trái phiếu niêm yết	231.017.500.000	231.017.500.000	-	-	
Trái phiếu chưa niêm yết	521.600.000.000	521.600.000.000	-	-	
Chứng chỉ tiền gửi	110.308.105.600	110.308.105.600	-	-	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán					
Cổ phiếu niêm yết	40.900.070.000	26.965.800.000	-	(13.934.270.000)	
Chứng chỉ tiền gửi	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-	
Tổng cộng	1.877.617.637.204	2.080.471.474.547	385.746.664.106	(182.892.846.763)	

Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị hợp lý	Tổng	Chênh lệch đánh giá lại	Giá trị
Tài sản tài chính					
Tài sản tài chính ghi nhận thông tin lãi/lỗ					
Cổ phiếu niêm yết	442.205.448.033	671.859.422.850	242.618.754.008	(199.664.779.191)	
Cổ phiếu chưa niêm yết	115.604.780.620	240.872.339.560	136.158.517.023	(10.890.958.083)	
Trái phiếu chưa niêm yết	80.718.213.665	80.718.213.665	-	-	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán					
Chứng chỉ tiền gửi	160.000.000.000	160.000.000.000	-	-	
Tổng cộng	1.531.986.442.318	1.679.909.976.075	376.777.271.031	(50.855.737.274)	

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu	64.010.966.403	76.086.630.982
Phải thu bán tài sản tài chính	832.500.000	-
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	63.178.466.403	76.086.630.982
Trong đó		
Dự thu tiền lãi hoạt động margin	25.582.152.527	28.920.297.812
Dự thu tiền lãi hoạt động ứng trước tiền bán	85.713.230	186.431.544
Dự thu tiền lãi tiền gửi có kỳ hạn	28.606.491.056	46.223.737.242
Dự thu tiền lãi chứng chỉ tiền gửi	8.904.109.590	756.164.384
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	2.487.535.347	4.217.522.852
Trong đó:		
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	227.567.000	605.458.099
Phải thu hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	300.000.000	508.000.000
Phải thu hoạt động tư vấn	440.500.000	723.000.000
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	1.024.095.505	1.317.650.526
Phải thu dịch vụ khác	495.372.842	1.063.414.227
Trong đó:		
Số dư phải thu có khả năng thu hồi	65.502.970.415	79.612.731.591

9. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

Biến động dự phòng suy giảm giá trị các khoản thu trong kỳ năm:

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị phải thu khó đòi VND	Số dư dự phòng VND	Trích lập VND	Hoàn nhập VND	Giá trị phải thu khó đòi VND	Số dư dự phòng VND
Phải thu CTCP Lavida Invest	852.000.000	255.600.000	280.400.000	-	1.072.000.000	536.000.000
Phải thu CTCP Đầu tư Hải Phát	-	-	30.000.000	(30.000.000)	-	-
Phải thu CTCP Xây dựng và Đầu tư Bất động sản Việt Nam	22.000.000	6.600.000	4.400.000	-	22.000.000	11.000.000
Phi lưu ký và phí SMS - Khách hàng tổ chức	150.604.698	113.594.113	21.238.357	(26.693.808)	124.108.262	108.138.662
Phi lưu ký và phí SMS - Khách hàng cá nhân	522.932.821	315.628.130	83.650.969	(101.386.426)	422.099.672	297.892.673
Lĩnh trước cho người bán	-	-	42.500.000	-	42.500.000	42.500.000
Tổng cộng	1.547.537.519	691.422.243	462.189.326	(158.080.234)	1.682.707.934	995.531.335

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn		
Thuê văn phòng	4.261.369.863	-
Phi bảo lãnh khoản vay	2.371.297.210	6.352.512.852
Phi bảo trì	118.610.401	13.208.897
Phi bảo hành	412.643.226	-
Bảo hiểm	553.950.872	511.801.614
Phi thu xếp khoản vay	6.060.223	476.441.617
Khác	1.422.431.477	1.248.633.048
	9.146.363.272	8.602.598.028
Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	2.954.749.789	-
Khác	181.771.473	178.859.514
	3.136.521.262	178.859.514

TI. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Số dư đầu năm	4.890.829.636	33.770.530.878	13.255.590.857	2.528.720.208	38.740.000	54.484.411.579
Mua sắm trong năm	-	-	4.154.560.000	148.816.800	-	4.303.376.800
Số dư cuối năm	4.890.829.636	33.770.530.878	17.410.150.857	2.677.537.008	38.740.000	58.787.768.379
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.890.829.636	29.817.337.602	10.546.750.798	2.239.111.114	38.740.000	46.902.769.150
Khấu hao trong năm	-	3.072.588.708	1.309.753.770	224.264.151	-	4.606.606.629
Số dư cuối năm	4.890.829.636	32.259.926.310	11.856.504.568	2.463.375.265	38.740.000	51.509.375.779
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	-	4.583.193.276	2.708.840.059	289.609.094	-	7.581.642.429
Tại ngày cuối năm	-	1.510.604.568	5.553.646.289	214.161.743	-	7.278.412.600

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 32.785.995.330 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 28.458.565.560 VND).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư	39.439.384.884	33.756.083.012	73.195.467.896
Mua sắm trong năm	-	769.200.000	769.200.000
Số dư cuối năm	39.439.384.884	34.525.283.012	73.964.667.896
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.565.046.255	30.362.049.768	35.927.096.023
Khấu hao trong năm	790.396.368	2.904.847.208	3.695.243.576
Số dư cuối năm	6.355.442.623	33.266.896.976	39.622.339.599
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	33.874.338.629	3.394.033.244	37.268.371.873
Tại ngày cuối năm	33.083.942.261	1.258.386.036	34.342.328.297

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 21.586.691.581 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 21.516.691.581 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã cầm cố tài sản cố định là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có giá trị còn lại là 33.083.942.261 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 33.874.338.629 VND) (xem Thuyết minh số 14).

13. TIỀN NỢ CÁC QUÝ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền nợ Quý Hỗ trợ thanh toán		
Tiền nợ ban đầu	3.154.440.111	3.154.440.111
Tiền nợ bổ sung	10.285.174.778	10.285.174.778
Tiền lãi phân bổ	6.560.385.111	6.560.385.111
	20.000.000.000	20.000.000.000
Tiền nợ quỹ bù trừ giao dịch		
Tiền nợ ban đầu	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền lãi phân bổ	78.440.034	58.304.269
	10.078.440.034	10.058.304.269

14. VAY NGẮN HẠN

	Số dư đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Vay ngắn hạn	4.100.407.343.338	18.642.035.024.438	19.667.343.038.763	3.075.099.329.013
Tổng cộng	4.100.407.343.338	18.642.035.024.438	19.667.343.038.763	3.075.099.329.013

Các khoản vay ngắn hạn tại thời điểm cuối kỳ/năm bao gồm các khoản vay theo hợp đồng tín dụng có thời hạn từ 07 ngày đến 12 tháng với lãi suất từ 4,92% đến 11%/năm và các hợp đồng chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi kèm cam kết mua lại với tổ chức tín dụng cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

Công ty đã sử dụng các hợp đồng hoán đổi ngoại tệ với các tổ chức tín dụng để phòng ngừa rủi ro hối đoái của khoản vay ngoại tệ. Theo đó, tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty không đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ đã sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái nêu trên.

Công ty đã cầm cố các tài sản có giá trị hợp lý/giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.564.415.692.261 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	-	399.693.462.000
Trái phiếu	365.000.000.000	70.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	1.166.331.750.000	2.137.635.599.500
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	33.083.942.261	33.874.338.629
	1.564.415.692.261	2.641.203.400.129

15. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	1.457.716.691	2.913.763.038
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)	567.571.267	609.374.282
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	627.129.318	9.728.788.521
Trong đó:		
Phải trả các chi nhánh Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trong giao dịch chứng khoán	147.134.760	530.089.244
Phải trả phát hành thêm	194.800	6.324.526.800
Phải trả nhà đầu tư giao dịch chứng khoán	477.758.288	672.131.007
Đợt cọc mua trái phiếu Công ty CP STC Corporation của nhà đầu tư	-	2.200.000.000
Khác	2.041.470	2.041.470
	2.652.417.276	13.251.925.841

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả mua các tài sản tài chính (*)	5.590.000.000	-
Phải trả cho người bán khác	876.342.051	987.636.758
Trong đó:		
Công ty cổ phần Đầu tư kiến trúc D+ Việt Nam	518.917.392	-
Công ty CP Kỹ Thuật 3H Việt Nam	156.600.000	-
Bệnh viện đại học Y Hà Nội	-	245.591.000
Công ty cổ phần công nghệ y học Hống Đức	-	295.500.000
Công ty cổ phần Giải pháp thanh toán Việt Nam	-	259.267.230
Khác	200.824.659	187.278.528
	6.466.342.051	987.636.758

(*) Đây là khoản phải trả mua tài sản tài chính đã thực hiện giao dịch khớp lệnh tại ngày 30 tháng 12 năm 2022. Tại ngày 03 tháng 01 năm 2023 (ngày T+2), Công ty đã thanh toán khoản phải trả này.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a, Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	1.460.736.778	1.460.736.778
	-	-	1.460.736.778	1.460.736.778
b, Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	306.819.807	401.033.754	685.133.187	22.720.374
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.902.095.697	33.952.909.770	66.855.005.467	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.262.668.843	52.425.122.961	55.061.148.130	5.626.643.674
Thuế khác	-	1.195.491.100	1.195.491.100	-
	41.471.584.347	87.974.552.585	123.796.772.884	5.649.364.048

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay tổ chức tín dụng	9.548.259.045	6.325.409.070
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do hoán đổi ngoại tệ	7.838.273.309	8.565.794.090
Chi phí phải trả khác	1.752.693.422	675.792.996
	19.139.225.776	15.566.996.156

19. GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

Tài sản ghi nhận liên quan đến giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Repo trái phiếu chính phủ (*)	-	576.133.261.669

(*) Số đầu năm bao gồm các khoản phải thu repo đối với trái phiếu chính phủ mà Công ty đã mua và cam kết sẽ bán lại trong thời gian dưới 12 tháng.

Tài sản ghi nhận liên quan đến giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Repo trái phiếu chính phủ (**)	-	592.008.664.665

(**) Bao gồm các khoản phải trả repo đối với trái phiếu chính phủ mà Công ty đã bán và cam kết sẽ mua lại trong thời gian dưới 12 tháng.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

I - GIỚI THIỆU VIETINBANK SECURITIES

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	1.064.365.760.000	6.178.512.734	-	(258.748.481)	38.928.580.372	38.928.580.372	289.292.113.892	1.437.439.798.899
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	386.503.773.570	386.503.773.570
Trích lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	3.950.336.860	3.950.336.860	(790.673.720)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(12.134.831.765)	(12.134.831.765)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	270	270
Số dư đầu năm nay	1.064.365.760.000	6.178.512.734	-	(258.748.481)	42.878.917.232	42.878.917.232	655.765.382.247	1.811.808.740.764
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	71.067.936.624	71.067.936.624
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	337.387.470.000	-	-	-	-	-	(337.387.470.000)	-
Trích lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	2.440.973.928	(2.440.973.982)	-
Tổng vốn từ nguồn quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	43.814.940.000	-	-	-	(42.814.940.000)	-	-	-
Tặng vốn từ nguồn quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	42.814.940.000	-	-	-	-	(42.814.940.000)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(17.381.416.923)	(17.381.416.923)
Chênh lệch giảm do đánh giá lại AFS	-	-	(13.934.270.000)	-	-	-	-	(13.934.270.000)
Biến động khác	-	(28.000.000)	(2.786.854.000)	-	(63.977.232)	-	63.977.232	2.758.854.000
Số dư cuối năm nay	1.487.383.110.000	6.150.512.734	(11.147.116.000)	(258.748.481)	-	2.504.901.214	349.874.844.829	1.854.319.844.094



BEING YOUR SUCCESS

IV - BÁO CÁO QUẢN TRỊ

V - BÁO CÁO VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

VI - BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/2022/NQ-DHĐCĐ-CXCT ngày 10 tháng 01 năm 2022, Công ty phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 8% từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện sau thuế năm 2021. Tại ngày 09 tháng 5 năm 2022, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận năm 2018, 2019 với tỷ lệ 8%/cổ phiếu tương đương với số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 8.510.235 cổ phiếu với giá trị tương đương 85.102.350.000 VND.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2022/NQ-DHĐCĐ-CXCT ngày 21 tháng 3 năm 2022, Công ty phê duyệt phương án trích quỹ và sử dụng quỹ như sau:

- Không thực hiện trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ từ lợi nhuận đã thực hiện sau thuế năm 2021 và các năm tiếp theo. Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã được trích lập, Công ty sẽ thực hiện bổ sung vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu theo quy định của pháp luật liên quan, sau khi có phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền. Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ còn lại sau khi phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ được chuyển sang lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối.
- Tiếp tục trích quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ từ lợi nhuận đã thực hiện sau thuế năm 2021 và các năm tiếp theo với tỷ lệ 1%. Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ đã được trích lập, Công ty sẽ thực hiện bổ sung vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu theo quy định của pháp luật liên quan, sau khi có phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền. Số dư trên quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ còn lại sau khi phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ được giữ lại trên quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 03/2022/NQ-DHĐCĐ-CXCT ngày 04 tháng 7 năm 2022, Công ty phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 21,96% từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện sau thuế, trích quỹ, chi trả cổ tức còn lại của năm 2020 và lợi nhuận đã thực hiện sau thuế, trích quỹ năm 2021; và phát hành cổ phiếu với tỷ lệ 3,73% từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ. Tại ngày 25 tháng 8 năm 2022, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 21,96%/cổ phiếu tương đương với số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 25.228.512 cổ phiếu với giá trị tương đương 252.285.120.000 VND, phát hành thêm 8.562.988 cổ phiếu với giá trị tương đương 85.629.880.000 VND từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ.

	Số dư cuối năm		Số dư đầu năm	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	148.738.311	1.487.383.110.000	106.436.576	1.064.365.760.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(36.962)	(369.620.000)	(36.962)	(369.620.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	148.701.349	1.487.013.490.000	106.399.614	1.063.996.140.000



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

174/1

21. TÌNH HÌNH PHÂN PHỐI THU NHẬP CỔ ĐỒNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi đã thực hiện chưa phân phối cuối năm trước	381.288.685.482	157.231.792.497
Lãi đã thực hiện năm nay	175.974.677.395	244.092.398.200
Quý dự trừ bổ sung vốn điều lệ	-	(3.950.336.860)
Quý dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(2.440.923.982)	(3.950.336.860)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	(17.381.416.932)	(12.134.831.765)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	(337.387.470.000)	-
Khác	63.977.232	270
Lãi đã thực hiện chưa phân phối cuối năm	200.117.529.195	381.288.685.482

22. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

22.1 TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	561.790.580.000	208.493.020.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	171.000.000	-
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	-	62.330.360.000
	561.961.580.000	270.823.380.000

22.2 TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.460.000	77.914.920.000
	1.460.000	77.914.920.000

22.3. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD	1.071.049.280.000	985.702.640.000
	1.071.049.280.000	985.702.640.000

22.4 TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	11.423.821.842.000	12.001.842.989.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	1.735.667.990.000	1.958.292.060.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.955.658.310.000	1.184.888.533.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	2.549.158.910.000	1.826.813.330.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	113.625.855.000	168.904.519.000
	17.777.932.907.000	17.140.741.431.000

22.5 TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	93.294.390.000	149.830.290.000
	93.294.390.000	149.830.290.000

22.6 TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VÉ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính chờ vé của nhà đầu tư trong nước	106.300.178.000	172.675.219.000
	106.300.178.000	172.675.219.000

22.7 TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	260.257.162.049	306.471.461.887
1.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	258.893.339.137	304.766.034.279
1.2. Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	521.210.011	521.546.672
1.3. Tiền gửi kỳ quỹ của Nhà đầu tư trong nước tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	842.612.901	1.183.880.936
2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	98.122.105.223	317.751.587.134
3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	4.421.614.075	46.355.339.520
3.1. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	3.249.295.998	46.175.563.597
3.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	1.172.318.077	179.775.923
	362.800.881.347	670.578.388.541

22.8 TIỀN GỬI CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOẢN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	5.532.637.250	4.245.114.595
	5.532.637.250	4.245.114.595

22.9 PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	362.800.881.347	670.578.388.541
1.1. Của Nhà đầu tư trong nước	360.264.740.358	668.693.185.010
1.2. Của Nhà đầu tư nước ngoài	1.693.528.088	701.322.595
1.3. Phải trả tiền gửi kỳ quỹ của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán phái sinh	842.612.901	1.183.880.936
2. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	5.532.637.250	4.245.114.595
	368.333.518.597	674.823.503.136

23. THU NHẬP

23.1 LÃI/LỖ BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Đanh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi bán chứng khoán năm nay	Lãi bán chứng khoán năm trước
1	Cổ phiếu niêm yết	4.514.086	173.910.146.490	103.829.595.669	70.080.550.821	151.665.463.910
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	718	11.545.300	4.030.250	7.515.050	24.902.020.000
3	Trái phiếu niêm yết	28.748.700	2.947.569.620.600	2.046.161.021.500	1.408.599.100	783.660.000
4	Trái phiếu chưa niêm yết	11.591.872	2.421.147.283.493	2.413.131.044.268	8.016.239.225	11.857.266.450
5	Công cụ thị trường tiền tệ	-	-	-	8.626.838.673	1.143.793.332
					88.139.742.869	190.352.149.692
STT	Đanh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lỗ bán chứng khoán năm nay	Lỗ bán chứng khoán năm trước
					Đơn vị: VND	
1	Cổ phiếu niêm yết	1.975.026	53.913.091.200	61.889.552.335	7975.561.135	13.731.768.405
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	2.012	10.372.200	32.163.075	21.790.875	8.650.000
3	Trái phiếu niêm yết	80	572.590	856.000	283.410	-
4	Trái phiếu chưa niêm yết	20.830.000	2.262.268.250.000	2.262.500.340.000	232.090.000	942.720.000
5	Công cụ thị trường tiền tệ	-	-	-	5.862.361.927	-
					14.092.087.347	14.683.136.405



23.2 CHÉNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch đánh giá tăng đầu năm	Chênh lệch đánh giá giảm đầu năm
I Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.986.777.567.204	1.803.505.674.547	216.788.707.343	347.921.533.757	236.905.154.158	(168.038.580.572)
1 Cổ phiếu niêm yết	698.217.750.176	515.577.344.775	(92.640.405.401)	222.653.974.817	38.982.159.338	(354.276.539.554)
CTCP Phát triển nhà Đô thị - Vũng Tàu	12.479.032.747	56.392.794.300	43.913.161.553	171.000.393.753	6.416.708.650	(53.503.940.850)
CTCP Tập đoàn Diabaco Việt Nam	37.423.993.292	38.197.499.200	(18.571.694.092)	22.753.648.408	2.983.923.000	(44.248.335.900)
CTCP Công nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	94.709.854.790	25.394.844.800	(69.315.009.990)	(19.529.362.290)	3.784.808.600	(53.170.456.300)
CTCP Kiên Hưng	35.064.502.000	22.448.891.000	7.396.389.000	21.910.142.000	6.470.562.700	(20.996.315.700)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	190.476.668.387	88.456.612.500	(10.020.051.887)	8.498.728.863	7.955.217.800	(28.474.002.550)
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	87.709.440.862	66.506.501.300	(21.202.959.562)	955.450.288	3.474.388.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Văn tại	36.354.974.100	17.788.074.480	(8.566.899.620)	142.650	-	(8.567.042.270)
Cổ phiếu khác	223.999.263.996	219.677.727.955	(4.371.536.803)	17.464.831.145	7.897.260.588	(29.683.648.536)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	115.574.271.428	425.002.724.172	309.428.512.744	125.267.559.940	197.922.994.820	(13.762.041.014)
Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thành Lê	71.907.707.642	404.371.691.560	332.433.783.918	134.824.970.370	197.588.813.548	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Văn tại	35.065.771.200	17.301.978.000	(17.763.733.200)	(4.914.811.200)	-	(12.848.922.000)
CTCP Giải pháp Công nghệ Tài trợ	7.630.000.000	1.986.089.000	(5.643.911.000)	(5.952.928.000)	309.016.000	-
CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	954.136.400	1.385.408.972	429.272.572	1.318.495.556	-	(889.222.984)
Cổ phiếu khác	14.656.186	7.756.640	(6.899.546)	(8.169.786)	25.166.272	(23.896.032)
3 Trái phiếu niêm yết	231.077.500.000	231.077.500.000	-	-	-	-
4 Trái phiếu chưa niêm yết	521.600.000.000	521.600.000.000	-	-	-	-
5 Chứng chỉ tiền gửi	110.308.105.600	110.308.105.600	-	-	-	-
II Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	290.900.070.000	276.945.900.000	(13.934.270.000)	-	-	(13.934.270.000)
1 Cổ phiếu niêm yết	40.900.070.000	26.945.900.000	(13.934.270.000)	-	-	(13.934.270.000)
CTCP Tập đoàn Hòa Phát	40.900.070.000	26.945.900.000	(13.934.270.000)	-	-	-
2 Chứng chỉ tiền gửi	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-	-	-
Tổng cộng	1.877.617.637.204	2.080.471.476.547	202.853.839.343	347.921.533.757	236.905.154.158	(181.972.850.672)

23.3. CỐ TỨC VÀ TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH, PHẢI THU VÀ CHO VAY, TÀI SẢN TÀI CHÍNH SẴN SÀNG ĐỂ BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	118.587.297.984	66.594.544.752
Cổ phiếu	39.863.067.859	5.126.738.419
Trái phiếu	77.400.480.954	61.467.806.333
Chứng chỉ tiền gửi	1.323.749.171	-
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn	88.501.819.316	73.832.381.083
Từ tài sản tài chính phải thu và cho vay	189.174.189.320	145.284.661.510
Lãi hoạt động margin	180.513.869.162	138.903.984.989
Lãi hoạt động ứng trước tiền bán	8.660.320.158	6.380.676.521
Từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán	14.000.180.823	15.657.534.247
Cổ phiếu	518.500.000	-
Chứng chỉ tiền gửi	13.481.680.823	15.657.534.247
	410.263.487.443	301.369.121.592

24. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ TÍNH TOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí giao dịch chứng khoán môi giới	17.686.712.075	25.805.964.678
Phí quản lý thành viên và phí định kỳ hàng năm phân bổ cho hoạt động môi giới	488.000.000	528.000.000
Chi phí quản lý hoạt động môi giới	48.143.046.118	65.026.927.579
Trong đó:		
Chi phí nhân viên	11.007.622.556	16.318.505.320
Vật tư văn phòng	105.471.603	158.770.727
Công cụ, dụng cụ	614.719.723	1.232.927.400
Chi phí khấu hao	5.588.664.350	5.738.044.169
Dịch vụ mua ngoài	26.578.266.848	36.859.643.438
Chi phí khác	4.248.361.038	4.719.036.525
	66.317.758.193	91.360.892.257

25. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ LƯU KỶ CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí lưu ký chứng khoán cho khách hàng	6.377.429.472	18.105.911.767
Chi phí quản lý hoạt động lưu ký	6.826.936.732	8.433.583.850
Trong đó:		
Chi phí nhân viên	5.710.379.536	7.263.619.690
Vật tư văn phòng	68.622.463	131.727.000
Công cụ, dụng cụ	353.046.489	649.563.200
Dịch vụ mua ngoài	482.812.207	271.614.110
Chi phí khác	212.076.037	117.059.850
	13.204.366.204	26.539.495.617

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.713.619.799	2.239.749.188
Doanh thu khác về đầu tư	1.172.871.521	-
	3.886.491.320	2.239.749.188

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay tổ chức tín dụng	189.728.804.140	129.079.706.653
Chi phí repo chứng chỉ tiền gửi	10.246.826.691	7.870.738.955
Chi phí đầu tư khác	31.295.774.553	18.033.525.121
	231.271.405.384	154.983.970.729

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	52.483.309.240	50.239.988.939
Chi phí vật tư văn phòng	1.448.503.675	965.068.091
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.200.433.701	3.322.984.100
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.713.185.855	3.660.653.976
Chi phí thuế, phí và lệ phí	1.672.634.783	1.976.148.887
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.233.453.832	9.277.495.546
Dự phòng phải thu khó đòi	42.500.000	-
Chi phí khác	18.996.204.050	12.533.623.526
	89.790.225.136	81.975.963.065

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Lợi nhuận trước thuế	78.794.160.751	481.956.867.361
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Từ: Thu nhập không chịu thuế	(277.286.722.017)	(383.219.465.336)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	368.257.110.114	200.513.847.716
Thu nhập chịu thuế	169.764.548.848	299.251.249.741
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33.952.909.770	59.850.249.948
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33.952.909.770	59.850.249.948

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Thuế thu nhập doanh nghiệp ròng		
Số dư đầu năm	(73.444.836.992)	(37.841.993.149)
Thu nhập/ (Chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do chênh lệch đánh giá giảm tài sản tài chính FVTPL	26.226.685.283	(35.602.843.843)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	2.786.854.000	-
Số dư cuối năm	(44.431.297.709)	(73.444.836.992)

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	71.067.936.264	369.122.356.638
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	148.701.349	148.701.349
Chi phí công cụ, dụng cụ	478	2.482

Điều chỉnh hối tố

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được tính lại sau khi cập nhật số thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát.

Trong năm, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ với tổng số cổ phiếu phát hành tăng thêm 42.301.735. Do đó lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày lại như sau:

	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	386.503.773.570	386.503.773.570
Điều chỉnh giảm lợi nhuận đo trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát	-	(17.381.416.932)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	386.503.773.570	369.122.356.638
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phần)	106.399.614	148.701.349
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.633	2.482

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán dựa trên ước tính chưa bao gồm số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022. Số thực tế phân phối cho quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ được phê chuẩn trong Đại hội đồng Cổ đông tổ chức năm 2023 và do đó lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể có sự khác biệt với số liệu nêu trên.

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Lãi/Lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
(Lỗ) từ đánh giá tài sản tài chính sẵn sàng để bán	(13.934.270.000)	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh từ lỗ đánh giá lại tài sản chính sẵn sàng để bán	2.786.854.000	-
Tổng cộng	(11.147.416.000)	-

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Công thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng mẹ

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Doanh thu phí lưu ký trái phiếu	2.914.176.074	493.136.858
Doanh thu từ lãi tiền gửi	528.776.267	1.698.075.904
Doanh thu phí tư vấn phát hành	420.000.000	-
Doanh thu khác	149.919.065	259.166.026
Chi phí hoa hồng môi giới và hợp tác kinh doanh	19.803.678.427	29.642.489.772
Chi phí thuê văn phòng	2.720.780.800	903.168.000
Phí chuyển tiền	42.155.835	65.349.392

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Doanh thu chuyển nhượng trái phiếu	17.450.000	176.034.051
Doanh thu phí lưu ký	21.416.474	38.356.440
Chi phí lãi tiền gửi	674.006	3.351.311
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Công thương Việt Nam		
Phí bảo hiểm	788.148.404	736.152.236
Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Mua hàng	100.975.000	1.746.600.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Tiền gửi thanh toán của Công ty	23.257.262.919	34.483.227.388
Tiền gửi giao dịch của Nhà đầu tư	362.151.388.463	615.543.197.191
Các khoản phải thu (lãi tiền gửi, phải thu khác)	36.015.668	15.600.383
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	147.134.767	530.661.864
Các khoản phải trả	604.747.416	604.747.416
Doanh thu chưa thực hiện	1.958.913.536	4.873.089.610
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Phải trả về tiền gửi giao dịch chứng khoán	61.925.422	168.341.890
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Công thương Việt Nam		
Chi phí trả trước	597.640.150	279.066.966
Phải trả phí bảo hiểm	18.909.000	69.026.559

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được trả trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hội đồng Quản trị		2.581.998.696	2.562.609.294
Ông Trần Phúc Vinh	Chủ tịch (ii)	977.024.120	149.550.139
Bà Hồ Thị Thu Hiền	Chủ tịch (iv)	635.743.960	1.582.141.219
Ông Họ Quang Vũ	Chủ tịch (v)	-	5.976.547
Bà Hà Thu Phương	Thành viên (ii)	319.895.843	234.296.424
Bà Hồ Thị Thu Hiền	Thành viên	52.943.578	-
Bà Nguyễn Thị Thủy Hằng	Thành viên (iv)	88.195.750	176.772.155
Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên (v)	-	59.372.810
Bà Trần Thị Thín	Thành viên độc lập (ii)	129.347.826	354.500.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Thành viên độc lập (i)	378.847.619	-

Ban Kiểm soát 1.740.343.977 1.423.794.416

Ban Tổng Giám đốc		7.729.450.084	7.493.553.570
Ông Vũ Đức Mạnh	Tổng Giám đốc (ii)	1.181.458.059	152.724.911
Ông Trần Phúc Vinh	Quyển Tổng Giám đốc (iv)	743.551.386	1.271.568.392
Ông Khổng Phan Đức	Tổng Giám đốc (v)	-	5.976.547
Bà Trần Thị Ngọc Tài	Phó Tổng Giám đốc (i)	488.587.865	-
Ông Đặng Anh Hào	Phó Tổng Giám đốc	1.203.451.116	1.125.267.069
Ông Phạm Ngọc Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	1.190.393.141	1.175.479.241
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	1.142.464.182	969.061.303
Bà Phan Hải Sâm	Phó Tổng Giám đốc (ii)	816.168.782	1.362.428.490
Ông Thái Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc (ii)	963.375.553	1.431.047.617

- (i) Bổ nhiệm năm 2022
- (ii) Miễn nhiệm năm 2022
- (iii) Bổ nhiệm năm 2021
- (iv) Miễn nhiệm năm 2021
- (v) Miễn nhiệm năm 2020

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Chi tiêu	Mọi giới chung khoản VND	Đầu tư vào công cụ tài chính VND	Hoạt động kinh doanh vốn VND	Hoạt động tư vấn, đại lý phát hành VND	Hoạt động lưu ký VND	Hoạt động đầu tư khỏ VND	Tổng cộng VND
Năm nay							
1. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	200.917.267.902	4.334.685.245.557	112.648.940.593	20.785.233.238	13.725.041.143	4.572.224.250	876.133.961.683
2. Các chi phí trực tiếp	66.317.758.193	388.410.983.243	59.171.197.158	77.497.075.901	13.204.366.204	281.609.092	534.862.989.791
3. Khấu hao và chi phí phân bổ	27.297.089.930	40.674.401.409	10.569.975.890	1.950.301.490	1.287.835.834	4.290.16.873	82.208.621.426
4. Chi phí không phân bổ							180.268.189.715
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	197.302.419.779	4.399.860.905	42.907.776.545	11.337.855.847	(767.160.895)	3.881.598.285	78.794.160.751
Số cuối năm							
1. Tài sản phân bổ trực tiếp	1.535.694.136.287	2.956.262.709.291	360.308.105.600	740.500.000	682.821.364	495.372.842	4.854.183.645.384
2. Tài sản phân bổ	61.107.199.930	91.053.527.860	23.661.899.396	4.365.935.942	2.882.943.373	960.395.198	184.031.841.698
3. Tài sản không phân bổ							235.625.903
Tổng tài sản	1.596.801.276.217	3.045.835.537.151	383.970.004.996	5.106.435.942	3.565.764.737	1.455.768.040	5.036.970.412.985
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	2.084.846.009	3.075.099.329.013	-	3.592.806.563	567.571.267	-	3.081.344.552.852
2. Nợ phải trả phân bổ	29.212.750.359	43.528.857.377	11.311.757.691	2.087.170.123	1.378.213.825	4.591.24.501	87.977.873.877
3. Nợ phải trả không phân bổ							13.328.142.160
Tổng nợ phải trả	31.297.596.368	3.118.628.186.390	11.311.757.691	5.679.976.686	1.945.785.092	4.591.24.501	3.182.650.568.889

Để phục vụ mục đích quản lý, hoạt động kinh doanh của Công ty được chia thành các bộ phận: Mọi giới chung khoản, Đầu tư vào công cụ tài chính, Hoạt động kinh doanh vốn, Hoạt động tư vấn, đại lý phát hành, Hoạt động lưu ký và , Hoạt động đầu tư khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh này.

Doanh thu bộ phận: Là doanh thu tính bày trong Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty được tính trực tiếp hoặc phân bổ cho bộ phận, bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ ra bên ngoài.

Chi phí bộ phận: Là chi phí phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của bộ phận được tính trực tiếp cho bộ phận đó và phần chi phí của Công ty được phân bổ cho bộ phận đó, bao gồm cả chi phí bán hàng ra bên ngoài và chi phí có liên quan đến những giao dịch với bộ phận khác của Công ty.

Tài sản của bộ phận: Là tài sản đang được bộ phận đó sử dụng trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh và được tính trực tiếp hoặc được phân bổ vào bộ phận đó.

Các khoản nợ phải trả bộ phận: Là các khoản nợ trong kinh doanh của bộ phận được tính trực tiếp hoặc phân bổ vào bộ phận đó.

Cách thức phân bổ tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí cho các bộ phận phụ thuộc vào tính chất của khoản mục hay hoạt động do bộ phận đó tiến hành và quyền tự chủ của bộ phận đó. Công ty đang phân bổ tài sản, nợ phải trả, chi phí chung theo tỷ lệ doanh thu bộ phận trong tổng doanh thu cung cấp dịch vụ của Công ty.



34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời gian:		
Từ 1 năm trở xuống	10.713.640.000	2.0402.122.000
Trên 1 năm đến 5 năm	39.625.680.000	6.150.000.000
Trên 5 năm	15.229.958.333	-
	65.569.278.333	8.552.112.000

■ Tổng số tiền thuê 3.485,5 m² tại tòa nhà N02-T2, khu Đoàn Ngoại giao, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội với giá thuê 7.777.000.000 VND/năm. Kỳ thanh toán tính từ ngày 20 tháng 07 năm 2022 đến hết ngày 19 tháng 7 năm 2023. Bên thuê thanh toán số tiền thuê cụ thể là: 5.220.178.082 VND (tương đương số tiền thuê một năm trừ đi số tiền thuê được miễn trong thời hạn cải tạo, sửa chữa, theo quy định tại điều 4 của Hợp đồng). Hợp đồng thuê được ký với thời hạn tính từ ngày 20 tháng 07 năm 2022 đến hết ngày 16 tháng 11 năm 2029.

■ Tổng số tiền thuê 628,56 m² tại địa chỉ số 49 Tân Thất Dạm, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP Hồ Chí Minh với giá thuê 150.000.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 01 tháng 06 năm 2021.

- Tổng số tiền thuê 320 m² tại Tầng 8, tòa nhà văn phòng đại diện Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, số 36 Trần Quốc Toản, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng với giá thuê 94.720.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 01 tháng 9 năm 2022.



Lưu Thị Tuyền
Người lập



Nguyễn Thị Anh Thư
Kế toán trưởng



Trần Phúc Vinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2023